

**những truyện ngắn
của
PHẠM THỊ HOÀI**

Những truyện ngắn của

Phạm Thị Hoài



Paris * 05.2025

Bìa : *M. C. P*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

**Những truyện ngắn
của**

PHẠM THỊ HOÀI

NỘI DUNG

1. Âm thị	11
2. Bao giờ cho đến bốn năm sau	50
3. Gốc	65
4. Hư cấu thực, hiện thực giả	87
5. Man nương	102
6. Tặng tác giả những nhân vật xứng em	127
7. Thực đơn chủ nhật	159

8. Tiệm may Sài Gòn	182
9. Trong cơn mưa	207
10. Thủ lĩnh trong bóng tối	231
11. Tư cách của trí thức Việt Nam	256
12. Văn và số	308

1. ÁM THỊ

Buổi đầu tôi mặc hai lượt quần, ba lớp áo. Chồng tôi bảo, thầy tắm quất nào phải ông thầy võ chọc ngón tay thủng tường mà mình che chắn kh-iếp đảm như thế. Thầy lại đeo kính xấp, không nói trước có khi lẫn lộn đàn ông với đàn bà. Nhưng tôi nghĩ, áo xống đâu chỉ để che thân mình và che mắt ai, trong quan tài người ta cũng mặc thật chu đáo. Lần đầu để tay người lạ chạm vào, có giữ ý có lành. Đàn ông không phải ai cũng tân

tiến như chồng tôi, mà những người mù tôi biết đều có vẻ không theo thời, như thể họ sống riêng ra một cõi xa xôi nào đó. Cõi ấy mặt trời không mọc và lặn. Tôi e không cẩn thận dễ thất thố với người tàn tật. Sờ thấy cái nịt ngực với đủ quần áo trong ngoài dày dặn, chắc thầy sẽ hiểu rằng tôi coi thầy như người lành. Đôi bên sẽ tin cậy nhau hơn, dẫu sao không riêng tôi lần đầu mà thầy cũng chưa từng tắm quất đàn bà. Chiếc tắm quất là chỗ đàn bà không vào. Chồng tôi vất vả lắm mới mời được thầy, than rằng thời thế gì mà nhờ ai đánh vợ còn dễ hơn thuê người đâm lưng vợ. Đến chỗ nào người ta cũng tưởng anh sinh chuyện, nên đuổi khéo, bảo chưa mở hàng, sợ xui. Thầy quất này nghe anh ngỏ lời xong, cho một hồi: “Ông mua cho bà nhà vài cái máy chẳng hơn ư? Máy rung, máy xoắn, máy giác, máy đập, máy ủ chân, máy chườm bụng,

máy cù nách, máy chiếu tia hồng ngoại, máy giới thời này cũng có. Mấy cái que gãi lưng với cái cái cục vừa đấm vừa xoa bằng nhựa Trung Quốc, ông cứ ới hàng bán rong một tiếng là có cả tá, dùng cả đời không mòn. Chúng tôi đây chỉ có hai bàn tay suông, đáng gì mà vẽ chuyện.”

Chồng tôi lấy làm thú vị cái giọng chao chat ấy, khẩn khoản nài, thầy chưa thêm một đoạn nữa:

– Ông chê đồ giả thì dẫn bà nhà đi khách sạn. Trong ấy toàn người thật việc thật, vui lắm. Vào mát xoa mát da, ra tắm hơi ấm thịt, lại lịch sự nhẹ nhàng. Chúng tôi đây có mỗi món vắn cổ bẻ lưng, khí man rợ, không hợp với đàn bà.

Chồng tôi nghe vậy càng thích. Anh vốn có duyên với những kẻ khác đời, nghe tiếng ai ngông là lặn lội đến mời về

thù tạc bằng được. Một dạo nhà tôi tập nập khách nghệ sĩ, sau chồng tôi kết luận là họ chỉ ra vẻ lập dị, chứ muốn được đời tán thưởng thì sao đành khác đời. Vả lại nhiều vị làm nghệ sĩ suông thì xù xì, đặt vào đâu cũng không vừa, nhưng tác phẩm cứ trình ra là tròn khuôn, thần thái gồ ghề biến đi đâu hết cả, anh thật không biết nên tiếp tục xử sự với các vị ấy như thế nào. Năm ngoái anh tiếc mãi một vị không nghệ sĩ, nghe nói ông viên chức cũ thời Pháp ấy theo cái chủ nghĩa tự đặt là chủ nghĩa cảm ơn xin lỗi, tuyên ngôn rằng mình là người cuối cùng biết nói hai từ sắp tuyệt chủng ấy, nên lười còn ngo ngậy thì không nói gì hơn hai từ này. Chồng tôi tới quá muộn, lười ông ấy đã cứng, may là còn tìm được xác ở bãi rác ngoại ô, đành đem về nghĩa trang Văn Điển chôn như mọi người. Cả năm nay anh than buồn cho thiên hạ, buồn cho

mình. Đám trẻ có liều mà không ngông. Đám già thì xa đời chứ chẳng khác đời. Thầy quất này tuổi còn non mà nói giọng thâm thuý chứng chạc, rõ ra kẻ không xu thời. Chồng tôi trở hết duyên, rủ được thầy đi uống mấy chén rượu tằm nơi một chủ rượu cũng có tiếng khinh bạc, không bao giờ thêm tiếp khách vãng lai. Cuối cùng thầy bảo nể lắm nên nhận lời, nhưng xưa nay chưa từng tằm quất đàn bà, phục vụ có gì sai sót xin ông Giáo rộng lượng.

Ban đầu chồng tôi cho vợ nằm trên sập, ý là để thầy đứng cạnh cho tiện tằm tay. Nhưng thầy bảo:

– Chúng tôi chỉ quen ngồi chiếu. Nghe nói ở viện y học dân tộc có khoa xoa bóp, thầy thuốc mặc bờ lu trắng thì đứng, bệnh nhân nằm. Chúng tôi đây

là tấm quất dân dã, xin cứ xuề xoà cho đúng kiểu.

Chồng tôi vội trải chiếu, đáp rằng thày nói hợp ý anh lắm, đây là chỗ thân mật, không phải nơi công cộng, là cái thú thoải mái chứ đâu phải cái bắt buộc chỉnh chu gì, xin thày cứ tự nhiên cho. Thày ngồi vào chiếu. Tôi xuống nằm. Chồng tôi bảo:

– Phía đầu ở bên trái, phía chân bên phải thày đấy ạ.

Anh cũng đã dọn nhà thật kỹ. Nhà tôi thường ngổn ngang, bàn ghế kê rất trắc trở, quà tặng lặt vặt của khách văn nghệ một thuở và đồ lạ mắt do chồng tôi sưu tầm bày đầy, cây cảnh và sách vở không chứa chỗ nào. Ông thày này không khua gậy, không có chó dắt, không có trẻ đưa,

như bắt xung quanh tránh mình chứ mình không tránh.

Tôi nằm nghiêm. Sấp, ngửa, nghiêng, nằm thế nào cũng thấy gò bó, như cả đời chưa nằm bao giờ. Nằm sấp thì mộng thừa, đùi càng khép mộng càng nổi gò. Mà mở đùi e hở. Nằm nghiêng càng lộ. Nằm ngửa thì tênh hênh. Thầy ấn tay vào là tôi gồng lên. Cả người tôi là một khối cảnh giác sừng sĩa. Thầy bảo:

– Bà nhà không được thoải mái lắm.

Chồng tôi đồn hỏi:

– Sao lại không thoải mái? Thoải mái là thế nào?

Thầy đáp:

– Hồi nhỏ bị người lớn nọc ra đánh, chúng tôi cũng nằm như thế này.

Chồng tôi cười lớn. Anh bình luận hồi lâu về cái lễ thẩm thía của tình thương trong roi vọt, rồi bảo:

– Vì thế tôi mê món tắm quất dân tộc. Nó là món đấm món véo, món thượng cảng chân hạ cảng tay, vào đến đâu nhớ đến đấy, không phải cái thứ mát-xa mát-xôi thời bây giờ. Tôi chúa ghét những thứ thoang thoảng cảnh vẻ, quý tộc rởm, lãng mạn rởm, văn minh rởm! Xin thầy cú tẩn mạnh cho.

Chồng mê gì tôi thích nấy, ghét gì tôi chê cùng, từ ngày đầu làm vợ đã thế thì cứ tiếp tục thế đến ngày chót. Tôi cho làm vợ là thân phải trao, phận phải gửi cả, đâu giữ chỗ nào cho riêng ý mình. Chồng tôi lại cho thế là thụ động, đem cái kết quả của nghĩa vụ làm điểm xuất phát. Vậy sửa rằng, sở dĩ trao thân gửi phận vì chung một lòng. Tôi không thấy

đi từ tình lòng hay từ nghĩa phận cuối cùng có gì khác. Nhưng sửa cũng thế mà chồng được vừa ý. Thì sửa là hơn.

Thầy đáp:

– Chúng tôi cũng thích tấn mạnh. Khách được đấm cho ra tấm ra món đồ tiếc tiền. Nhưng hôm nay xin làm biểu không hai bàn tay, hai bàn chân, là thứ râu ria không đáng kể gì. Ông Giáo thấy vô hại thì lần sau chúng tôi xin ra đòn hẳn.

Chồng tôi đồng ý, nhưng giao hẹn:

– Thầy giữ kẽ buổi đầu thôi nhé! Từ lần sau ta phải bỏ hết các thủ tục khách sáo. Tấm quất mà rào trước đón sau thì còn ra cái gì!

Mỗi bàn tay tôi không đẩy hai chục phân vuông thầy làm hết mười lăm phút.

Tôi để ý nhất động tác vê các ngón, tỉ mỉ từng li. Sau trọn nửa tiếng đồng hồ chồng tôi đùa:

– Thày quen tay nhà tôi hơn tôi rồi đấy.

Thày đáp:

– Ông Giáo nói đúng. Người ta thuộc mặt nhau là thường, thuộc giọng nhau cũng còn là thường, thuộc đến mùi nhau đã hiếm hơn, thuộc tiếng chân nhau là hiếm lắm. Nhưng hiếm nhất là thuộc tay nhau. Xưa không có lệ bắt tay cầm tay, không ai biết tay ai đã đành. Nay đưa tay xoành xoạch cũng chẳng hơn gì. Ngay những người suốt ngày xoa tay xin xỏ, những người suốt đời chụm tay cầu cúng, tay này cũng còn không biết tay kia thế nào...

Chồng tôi ngắt lời:

– Thầy nói thế chắc phải biết tay thiên hạ lắm!

Thầy đáp:

– Không dám! Chúng tôi chỉ biết lưng thiên hạ thôi. Đàn ông đi tẩm quất quan trọng mỗi cái lưng, ai hơi đâu vẽ chuyện nắn tay. Mỗi tay khách bẻ cho kêu mười cái, có thành tích răng rắc là các vị hài lòng rồi. Kêu mười cái hết mười giây đồng hồ. Lắm vị tay chỉ kêu cùng lắm được chín cái, là chín giây, cũng bằng một cái bắt tay khách sáo thôi, ông Giáo ạ.

Chồng tôi bảo, anh cũng thích nghe cái thành tích răng rắc ấy, xem nó thế nào. Thầy bèn đặt ngửa một bàn tay tôi trong lòng tay thầy, khum lại. Ngón cái

tay thầy dạo một đường như bấm phím nhạc trên mỗi mấu giữa hai đốt đầu bốn ngón tay tôi. Bốn tiếng gọn gàng vang lên. Ngón cái tay thầy dịch nhanh lên lưng đốt cuối bốn ngón tay tôi. Bốn tiếng nữa, trầm hơn tiếng trước. Bây giờ ngón cái và ngón trỏ tay thầy gập gọn ngón cái tay tôi, thêm một tiếng trầm. Tiếng thứ mười vang lên ở đâu đó sâu dưới rế ngón cái. Tay bên kia cũng kêu đủ mười nốt. Chồng tôi khen. Thầy bảo:

– Chẳng qua là cái mẹo vặt, ai khéo là làm được, ông Giáo nên tập cho biết cái ấy không cao siêu gì.

Đến lượt chân, chồng tôi có vẻ xúc động. Lúc thầy miết dài trên mu, lách qua từng kẽ ngón, lăn chiếc mắt cá, rồi đặt trọn bàn chân tôi cũng không đầy hai mươi phân vuông lên tay này, tay kia trườn xuống, như ử một con chim thật

nhỏ xinh yếu ớt, anh bỗng nhìn vợ. Tôi nhoẻn cười. Mỗi khi không chắc chồng nghĩ gì tôi đều nhoẻn cười. Tay thầy vòng ấm cổ chân tôi. Tay thầy bấm, gõ, đập miên man lòng bàn chân tôi. Tay thầy cù phơn phớt. Tôi nhột, tôi động từ gót động lên. Chồng tôi thốt ra:

– Thầy bảo tắm quất là món man rợ phải không?

– Vâng.

Thầy rút mạnh, cổ chân tôi kêu khục một tiếng.

– Hay ông Giáo gọi nó là món bình dân cho tiện.

Lại rút mạnh. Cổ chân bên kia lại kêu khục. Hai bàn chân tôi không lìa khỏi căng. Chúng chỉ nhẹ như hai chiếc lá rủ mềm khoan khoái và lười biếng, chúng

chỉ muốn mãi mãi nằm đó, để được ủ nữa, cù nữa, chiều chuộng nữa. Chúng hư mất rồi.

– Vâng, chúng tôi không cốt nói cho ra vẻ đâu. Chẳng qua là những món lịch sự hiện đại tràn lan quá, dễ tìm, dễ dùng quá, thay đổi nhanh quá, khiến người sâu xa như ông Giáo phải bất mãn, quay sang đề cao những thứ mộc mạc cổ truyền. Chúng tôi phải nói trước để ông Giáo khỏi thất vọng. Món tắm quất này nếu không cổ lỗ rị mọ thì người tối tăm như chúng tôi sao làm được. Có cơ sở gì đâu. Cú lỗ mỗ học mọt trong thiên hạ, cái hay cái dở như nhau cả. Chúng tôi chả biết cái gì đáng vứt, cái gì có giá trị thật, cứ à uôm dùng tuốt cho được việc. Người ngoài thấy u u minh minh lại xếp luôn vào hạng huyền diệu. Thật là vẽ chân cho rắn. Châm cứu bấm huyệt may ra có

chút văn minh tinh tế, chứ xoa xoa đập đập thì bọn đười ươi cũng không thua gì. Chẳng qua là cái nghề kiếm sống. Chúng tôi vốn mê nghề khác, nhưng trời đã bắt như thế này thì đành chịu trời...

Chồng tôi không biết nên đáp thế nào. Khách nông đến nhà tôi có khi ăn nói dở khôn dở dại, nhưng ông thầy này lắt léo, cả buổi nói toàn giọng ngấm ngầm giễu cợt. Chẳng hiểu muốn thân hay muốn sơ? Chẳng hiểu trọng hay khinh người? Thật thà hay vòng vo thử thách? Riêng ngón nghề thì rõ ràng, nên chồng tôi nhất định đòi thuê xích lô đưa thầy về, để hôm sau lại rước bằng được. Anh không nói ra hẳn, nhưng tôi biết ông thầy khó hiểu này sẽ còn làm khách quý trong nhà tôi lâu dài. Buổi thứ hai chồng tôi hồi hộp còn hơn vợ. Thầy chưa đến, anh đã giục tôi ra nằm. Tôi nằm sấp,

nhắm mắt, nghĩ linh tinh. Thày tẩm quất không bao giờ biết mặt tôi. Thày tẩm quất có đôi tay lúc ấm lúc mát rượi. Thày tẩm quất có giọng mỉa đời. Không khéo hôm trước mỉa ngầm chồng tôi. Khinh tôi cũng nên. Nhưng sao mà vuốt chân tôi thành thật thế. Mấy cô thợ sửa móng chiều chân khách lắm cũng không bằng. Từ hôm qua tôi biết mình có hai bàn chân, để xúc động, để vùi, để hư, để nghĩ. Ừ, hai bàn chân làm lụng vất vả nhất cơ thể, mỗi ngày tôi chải tóc mấy bận mà chẳng buồn chải chân. Mỗi đêm chồng tôi tìm ngực vợ bao lần mà chân để sưng. Đêm qua anh bồng hôn chân tôi ướt lịm, điên khùng hơn hôn môi, khiến vợ chồng lại lạ nhau như mới cưới. Tôi cảm động phát khóc. Trên đời chắc không nhiều người vợ được chồng mút chân. Hôm nay anh bảo tôi mặc một bộ đồ lụa. Thế là đủ kín đáo, đàn ông đi tẩm quất chỉ đánh

cái quần đùi. Anh đâu thuê thầy về tận nhà xoa bóp mấy lớp mo nang em khu khu khoác vào người. Là da thịt em, anh yêu, anh chiều. Là em, anh thương, anh không dắt em vào những cái sướng ở đời thì tự em chả bao giờ dám sướng. Vả lại, giữ gìn quá hoá ra gán cho người ta có ý trộm. Vợ anh đâu như mấy cô thiếu nữ, đi thì dính hai đầu gối vào nhau, ngồi thì đùi quần như thắt nút. Khép quá khác nào thách người ta xông vào.

Bộ đồ lụa khiến tôi mềm mại, hay lúc tay thầy đặt xuống tôi bỗng thấy thân thuộc? Tôi cũng quen tay thầy rồi sao? Đầu tiên là những vòng xoa nhè nhẹ, dịch dần từ hai bả vai, theo lưng, trườn sang hai bên sườn, xuống hai bờ mông. Tôi lại nhoẻn cười với chồng. Thầy bảo:

– Lưng tạm được, vai với mông mất nhiều công đấy ạ.

Chồng tôi không hiểu. Thầy giải thích:

– Hai buổi là chúng tôi làm cái lưng này nhuỷễn, không có vấn đề gì. Vai với cả vùng cổ sượng lắm, phải cả tuần mới ổn. Nhưng hông có vẻ hơi lệch. Chúng tôi chưa dám chắc. Nếu lệch thật thì chúng tôi xin chịu. Ông Giáo phải tìm thầy thuốc, chứ thầy quất không ăn thua.

Chồng tôi khẩn khoản xin thầy xem kỹ lại hông vợ. Thầy một mực bảo khả năng mình hạn chế. Trong khi hai bên nói qua nói lại, chồng tôi đặt tay lên mông tôi bên này mà nắn, thầy nắn bên kia, cái giữ kẽ của hôm trước quả là đã bỏ đi như giao hẹn. Cuối cùng chồng tôi đành chấp nhận ý thầy, anh còn khen thầy thật kh-iêm tốn, không như mấy ông lang tặc, có mỗi lá cao đen đen bản bản mà hô rằng chữa bách bệnh. Anh cũng tự khen

mình nhìn người không lầm.

Cả buổi thầy vừa làm vừa thông thả giới thiệu cho chồng tôi từng ngón nghề. Cái này là đấm, nông thôi, lỏng thôi, như vừa thả xuống đã nhấc lên, lực từ cổ tay rơi ra, không từ cánh tay dồn lại. Đấm phải vui tai mới là đấm hay. Đã bảo tấm quất là món dân dã ồn ào. Dân mình thích đông, thích ồn. Phạt nhau đày ra chỗ tĩnh mạch vắng vẻ khiếp hơn ra pháp trường. Pháp trường còn có súng nổ, người la hét. Cái này là vỗ, tay khum như mui rùa, như đùm không khí mà đập xuống. Cũng phải nghe bồm bộp mới sướng. Cái này là chặt, xát, miết, véo, day, phát, bóp, ấn, lăn, vê, cọ, kẹp..., nghe rặt tra tấn, đã bảo tấm quất không phải nghệ thuật vượt ve. Cái này là bắt chuột. Dọc sống lưng, chỗ này, chỗ này, mỗi bên có một con chuột lẫn kỹ lắm,

lùa cho nó nổi lên mà chạy mới là giỏi. Cái này là kiến bò. Thoang thoảng đầu ngón tay, nhưng khách phải sờn gai ốc mới là đạt.

Nhưng lắm vị khách lưng to như cái phẫn, kiến bò không ăn thua, phải vực ngập móng mà cào như để đào may ra họ mới có cảm giác. Hạng người ấy càng bị giẫm đạp như tử càng biết ơn. Bây giờ đến cò lội, ngón tay làm chân cò chớ lội rầm rập. Gọi là cò mỗ cũng được, mỗ nhát mỗ, sao cho thông thả, nhẩn nha. Rào rào như đánh máy thuê là khách tưởng đang vào cao điểm. Thế là hỏng. Cao điểm phải là đoạn đau đớn nhất, đau xong lịm đi vài giây là đến cực sướng, sướng dã man. Bây giờ đến đoạn rắn vắt ngang. Đã bảo tắm quất là món rị mọ. Toàn côn trùng, rắn rết, chuột bỏ, tuy mọc mọc thật thà hơn long ly quy

phượng, nhưng mới nghe chắc cũng chối tai. Rắn vất chẳng qua là cuốn da. Người ta có năm chỗ để cuốn, hai khuỷu tay, hai đầu gối, với lưng. Cuốn đẹp thì da chỗ này đuổi da chỗ kia như sóng. Đây, bây giờ mới đến cao điểm, gọi đơn giản là nhỏ. Nhỏ từ chỗ này xuống, kết thúc ở mút xương cùng.

Thầy chuyển tư thế nhanh đến mức tôi không kịp hoảng hốt. Bây giờ thầy lom khom trên tôi, tay lần theo sống lưng từ ngang eo xuống, rút mạnh. Sống lưng tôi lần lượt kêu đánh khục, mỗi tiếng kêu lại dịch một đốt xuống dưới. Tôi run thẫn. Một tiếng nữa, một tiếng nữa, một tiếng nữa, là đến cái nốt ruồi ấy. Ăn ở với nhau mấy tháng trời chồng tôi mới biết đến nó, cái nốt ruồi thật khuất, chỗ xương cùng, cái nốt ruồi của riêng hai vợ chồng, thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mỗi

lần âu yếm cái chút xíu thiêng liêng ấy chồng tôi lại bảo, người xưa nguyện ước với nhau vin vào núi, sông, có khi lấy cả trời đất ra mà làm chứng, đều là những thứ của chung thiên hạ. Của chung dùng mãi cũng mòn, mình bây giờ thể bồi chỉ trông vào cái nốt ruồi bí mật này thôi. Xưa là núi Thái Sơn hùng vĩ, nay là một hạt đậu nhỏ nhoi ẩn giữa hai bờ mông vợ.

Nhưng bây giờ chồng tôi như bị thôi miên, bây giờ thầy có cười lên vợ chắc anh cũng bằng lòng, cái này chắc gọi là cười trâu nhổ mạ. Thầy cười lên tôi thật. Thỉnh thoảng tôi vẫn thấy thợ tắm quất ngồi ngay trên mông khách ở vỉa hè mà hành nghề như vậy. Thì ra theo bài bản chứ không tự tiện. Chồng tôi hay giấu thối đài các rởm của thiên hạ, nhưng anh đâu phải người bồ bã, chắc anh không để

tôi phải qua đủ bài bản, gác đùi lên vai thầy như khách ở vỉa hè.

Nhưng hai người đàn ông chỉ chăm chú vào công việc, người này vẫn giảng giải chu đáo, người kia vẫn nghe như nuốt từng lời. Cả năm rồi chồng tôi không có ai để chịu nghe như vậy. Tôi lịm đi khi cái hạt đậu làm tin ấy lọt giữa bốn ngón tay thầy và tiếng khục cuối cùng vang lên. Lúc giữa đêm choàng tỉnh thấy chồng trên lưng, dịu dàng, đăm đõi, điên khùng, chú kiến khổng lồ, chàng cò, gã rắn. Như thế là tôi lo không đâu cho một chút nốt ruồi.

Hôm tôi bỏ áo ngoài, chỉ giữ một cái yếm, chồng tôi nảy ra ý dùng nến thay đèn điện. Để vợ thấy kín đáo, chứ với ông thầy tội nghiệp thì đèn giới cũng bằng thừa. Quả như vậy. Thầy điem nhiên cầm lưng tôi để trần, chăm sóc cũng tỉ

mỉ như mọi lần, bóp vai nắn gáy tận tình. Phần tôi khoan khoái thấm thía hơn và phần chồng tôi ngắm không chán ánh nến loang lãng mạn trên những đường cong mịn màng của vợ. Nhiều hôm sau chồng tôi lại bảo bỏ yếm, vì cái dây vòng trên cổ và cái nút thắt ngang lưng hơi vướng, tay thầy đang thoải mái bồng vấp những chỗ ấy, mất hay. Vả lại lưng tôi bây giờ đã nhuyễn, vùng vai cũng sắp mượt, riêng bụng và ngực chưa hề qua tay thầy. Chồng tôi sợ nếu không nhắc chắc thầy bỏ qua, nên nhất định đòi thầy giới thiệu những ngón tầm quất nửa người phía trước. Thầy nhất định thoái thác. Chồng tôi nói dối:

– Hóa ra thầy cũng kiêng kị lắm thứ như mọi người. Hay thầy coi thương tôi?

Thầy đáp:

– Không dám ạ! Ông Giáo là người đi riêng một lối trong thiên hạ, có sợ ai coi thường! Còn chúng tôi, đã thế này thì phiền toái vào đâu mà ngại, chẳng qua là không có kinh nghiệm tắm quất đàn bà, chỉ sợ mang tiếng làm vụng.

Chồng tôi khích:

– Ờ hay! Đàn bà với đàn ông không là người cả sao? Thày mà còn phân biệt đối xử thì ai bình đẳng cho? Tôi tưởng anh em mình không nói cũng nhất trí từ lâu rồi mới phải!

Anh thúc quá, thày đành giao hẹn:

– Chúng tôi có nhớ tay là ông Giáo chịu trách nhiệm đấy nhé!

Tay thày nhớ sao được. Tay ấy về ngón tay tôi, vuốt mu bàn chân tôi, không quên một ly; tay ấy chẳng bao giờ chạm

cái nốt ruồi, lần nào cũng quây gọn nó rồi lại thả nó, như vừa đánh vây vừa nhử; tay ấy nhổ tóc tôi tí tách, mỗi bụi tóc đủ hai mươi chín chiếc vừa bằng tuổi tôi; tay ấy kéo tai tôi ròn tan, bảy mươi tám chỗ kêu trên người tôi chẳng lấm chỗ nào; tay ấy mỗi lần trườn ngang nách tôi đều dùng tuyệt khéo sát chân triển ngực. Mắt người mù là ở tay. Tay ấy mười con mắt. Bây giờ tay ấy ôm ngang eo tôi, lùa trên bụng tôi, toả xuống ngang hông, chập chờn, thăm dò. Rồi quả quyết chườm quanh rốn. Rồi xoa, mỗi vòng một rộng, tay này đuổi tay kia, một quành xuống bụng dưới và một lội qua vùng ngực. Rồi ngọt ngào miết dọc những dẻ xương sườn. Rồi miết đi miết lại từ cổ xuống ức, lách giữa hai bầu ngực. Chồng tôi thấy chúng khít e vướng, nên khẽ nhón hai chỏm, rẽ ra cho rộng chỗ. Rồi tôi chẳng biết tay ai là tay ai nữa.

Một hôm nào đó chồng tôi lại bảo bỏ quần ngoài, để thầy chỉ cho rõ những dấu hiệu lệch xương hông. Bệnh này không chữa thì nhẹ là đau lưng, nặng có thể gây rối loạn kinh nguyệt, thậm chí bế kinh, anh tìm sách đọc, biết như vậy. Bây giờ bệnh tôi đã chắc chắn, lệch xương hông trái phối hợp với căng khớp hông phải. Chồng tôi khẳng định vợ có đủ các triệu chứng, đặc biệt là khản ăn, táo bón, dễ cảm cúm và khó ngủ. Thầy không dám chữa thì anh tự chữa cho vợ. Nhưng thầy phải cố vấn. Phải thao tác mẫu cho anh luyện theo. Thầy do dự: “Ông Giáo là người đọc sách, làm gì cũng có sách đỡ, thành hay bại đều dẫn lý thuyết ra viện được cả. Chúng tôi làm theo kinh nghiệm suông, thành hay bại là chuyện ăn may, thật không dám lấn sân khoa học đâu ạ. Chúng tôi xin kiếu.” Chồng tôi đã quen co kéo với thầy. Ông thầy này

tuy lấp lửng phức tạp, nhưng cuối cùng bao giờ anh cũng thuyết phục được. Anh thâm giễu cái lối vòng vo tam quốc, ra vẻ nhún để làm cao ấy là rách việc, là nệ rườm tinh thần ứng xử Á đông, nhưng cũng thú thấy mình bắt vở được thầy và cầm chắc phần thắng. Lần này anh thẳng thừng đáp:

– Thầy mà an phận làm thợ tắm quất đầu đường chắc tôi không vời đến. Cái khổ của anh em mình là lắm tham vọng mà cứ giấu giếm, khinh thiên hạ tầm thường mà lại sợ thiên hạ chê cười. Có mỗi việc chỉnh cái xương hông mà đã nhụt chí, đến lúc phải nắn trời thì làm thế nào!

Thầy phản đối:

– Ấy chết! Nắn trời thì ông Giáo phải tìm người khác.

Chồng tôi tóm ngay lấy câu ấy:

– Nhưng chính xương hông thì thầy giúp tôi!

Thầy gật. Hai người đàn ông thực ra đã thuộc nhau lắm. Họ đối đáp vì họ thích nghe nhau, càng đoán trước được nhau càng khoái trá.

Thầy làm mẫu, chồng tôi theo. Anh vụng hơn nhiều. Thầy ấn hai đầu gối mềm gọn xuống lưng tôi. Đến lượt anh thì hai đầu gối như hai đầu chày già giòn. Thầy xát đùi tôi bên này xong từ lâu, đùi bên kia gác trên vai chồng tôi đã tê mà anh còn dùng dằng chưa dứt. Dứt làm sao được. Anh đã nhất định bảo tôi mặc chiếc quần lót thêu lông tên vợ chồng. Đường thêu nổi, thầy lần theo chắc đánh vắn được. Thầy bày toàn những động tác khó. Bóp dây chằng bẹn và cơ xương

chậu. Xoay khớp xương hông. Chồng tôi nắm rất nhanh những gì có vẻ phức tạp. Anh còn tự đưa ra những đề nghị nghe rất khoa học về mấu chuyển lớn, toạ cột, ngấn hông, khớp háng, bắp thịt xương cụt. Nhưng giản dị như bẻ lưng, anh không tập nổi. Anh ghì eo, cắn gáy và cào cấu ngực vợ mãi mà lưng vợ không kêu, đành mời thầy ra hướng dẫn lại. Thầy ngồi chắc chắn phía sau, đỡ tôi bằng hai đầu gối, cầm tỉ nhẹ trên gáy tôi, tay vòng qua nách ra trước, ôm quanh hai vai, khoá lại. Thầy thúc nhẹ.

Lưng tôi kêu rất đẹp. Tôi uốn người ra sau như cánh cung, chân chơi với không chạm chiếu, đầu ngả xuống ngực thầy. Thầy nghiêng xuống, má áp má tôi một thoáng, miệng kề miệng tôi trong tích tắc. Tay nhẹ nhàng buông vai, hứng lấy hai bầu ngực. Ngực tôi từ cương để

sợ, hai núm vểnh lên thật đáng xấu hổ. Nhưng thầy bảo:

– Cái trò tắm quất này bổ bã lắm, có gì sơ suất xin ông Giáo rộng lượng.

Rồi bình tĩnh day thật đều, thật tròn, thật chậm. Tôi từ từ ngã hẳn vào lòng thầy, nghe tim thầy đập bình thản. Thầy tắm quất có hình dung ra tôi không? Hay chỉ sờ thấy đàn bà là cái bị thịt lồi lõm nhiều hơn đàn ông? Có mẩn tôi chút nào không mà tim vô tình thế? Chiều chồng tôi hay chiều tôi?

Hơn một tháng chồng tôi chăm chỉ dọn nhà, trải chiếu, đốt trầm, thắp nến. Mỗi cuộc tắm quất đã thành một nghi lễ say đắm. Tôi tắm, xúc nước hoa, xong là thầy đến, đúng tám giờ. Tám giờ, trời tháng mười đã tối lắm. Ba người quấn vào nhau trong ánh nến. Chồng tôi như

con nghiện, bao nhiêu cũng không vừa. Bây giờ chiếc quần lót thêu lông tên hai vợ chồng anh cũng thấy vướng. Em mọi chỗ đều tự do sung sướng, sao chỗ này thiệt thòi? Một nhúm vải trên người nào đủ để hơn hay thiệt, tôi thật không rõ. Nhưng cưới mà chồng vừa ý, thì cưới là hơn. Tôi lại nhắm mắt nằm trong lòng thày như mọi lần, bỗng tay thày đang day sững lại. Hình như thày thoáng giật mình. Thoáng buông. Hay nửa buông nửa còn muốn giữ? Tôi nín thở. Hay thày ngại ngực tôi đa tình quá? Chẳng lẽ hôm nay nó hư đốn hơn mọi ngày? Hay thày chợt quên đang ngồi chiếu tắm quất? Chiếu tắm quất là chỗ tra tấn. Giằn cho xác thịt tôi ngắc ngoải rồi bỏ. Tàn nhẫn. Man rợ. Hay là tinh vi? Nhưng thày sững lại lâu quá. Tôi mở mắt, thấy chồng lù lù giữa hai đùi vợ.

Thầy đẩy tôi ra hay tôi vùng dậy?
 Hay chồng tôi giằng lấy vợ? Nhanh quá
 và điên rồ quá, tôi nào rõ, biết nói sao
 cho chồng an lòng? Anh chợt dạ rằng,
 thầy biết gì, nghe gì, đánh hơi thấy gì?
 Hay nhìn thấy gì mà bỗng đổi thái độ?
 Sao đang tâm quất vợ anh bỗng dừng?
 Sao thoáng ngoảnh mặt lúc anh yêu vợ?
 Anh yêu vợ ý tứ lắm, lúc cực tha cũng
 khẽ khàng như không, lẽ nào chẳng thấy
 chẳng nghe chẳng sờ mà thầy chạnh
 lòng. Bỏ đi như tự ái. Bỏ đi khi nấn chưa
 tàn, không một lời nhả lại.

Hôm sau chồng tôi không thắp nến.
 Trời đã tối hẳn. Anh bảo, nếu thật ở cỗi
 nhật thực thì tối mịt chính là đèn giới.
 Xem thầy quất này chỉ tinh đời hay tinh
 cả mắt.

Tôi nằm trong bóng đêm yên ổn mà
 vừa thương chồng vừa ái ngại cho thầy.

Nếu đêm đen thật là cõi của thầy, mãi mãi đen ngòm, mãi mãi vô vọng, thì chồng tôi khỏi khổ sở. Khỏi rà lại từng động tác của thầy, động tác nào cũng làm anh nhức nhối. Hình như thầy tránh hơi khéo quá cái nốt ruồi? Hình như thầy ấn xương mu kỹ lưỡng lắm. Hình như thầy thuộc vợ anh từ trên xuống dưới hơn anh. Khỏi soát từng lời anh đã háo hức nghe và rung động. Hình như một hôm nào đó thầy ví von, “da chỗ này đuổi da chỗ kia như sóng”. Sóng là thứ không nhìn chẳng tả được như vậy. Lại bảo “tay khum như mũi rùa”, thầy đã bao giờ thấy rùa? Thấy kiến? Thấy cò? Thấy rắn? Thấy long ly quy phượng? Nhưng lại bảo “trời đã bắt thế này thì đành chịu trời”. Là trời bắt thế nào? Rồi bảo “tối tăm như chúng tôi”. “Tối tăm” chứ không “mù lòa”, thằng cha tinh quái này chọn từ xảo quyết lắm. Úp úp mở mở. Nửa thật nửa

hợm. Chẳng bẻ hấn vào đầu được. Hấn không dám dăng mà “bổ bã”. Hấn không bóp vú vợ anh mà “nhỡ tay”. Mỗi ngày hấn “sơ suất” đê lên mông vợ anh, giàng đùi vợ anh ra vài lượt. Lại còn cái xương hông lệch! Hấn nhìn thũng vợ anh từng milimét rồi còn giả đồ “chưa dám chắc”. Bây giờ tổ hấn đánh hỏa mù có khác nào giơ cái mặt mình ngu ra giữa thiên hạ. Hỏi là người ta cười sằng sặc, bảo mười thằng đeo kính xắm làm nghề quất, nghề bó, nghề hát rong, nghề ăn xin, thì chín thằng mù rờm. Mù thật thường làm nghề lương thiện, vót tăm, đan rổ, bóc lạc, tĩa hành. Chẳng ai biết thằng cha như anh tả là thằng cha nào. Tên tuổi không có. Tính nết khó chịu như thế may ra có gã vẽ truyền thần hết thời đi lang thang nói giọng trên đời. Thằng cha láu cá có lần nói bóng gió rằng hấn vốn mê nghề gì khác thì phải. Nghề vẽ truyền thần chắc?

Nghề sấm soi tận mắt từng milimét!

Bây giờ anh há miệng mắc quai. Chơi dân dã thì dân dã liếm mặt như thế đấy. Chuộng đôn dân tộc cổ truyền một chút là dân tộc cổ truyền rờ hồn. Hắn mù đều thì anh mù quáng thật. Lòng mình có bao nhiêu và xác thịt vợ có bao nhiêu phơi ra cả. Bây giờ lấy bóng tối mà bọc lại. Tắt đèn kẻ sáng ắt mù hơn kẻ mù.

Tám giờ thày không tới. Chín giờ cũng không tới. Bóng tối căng thẳng. Chồng tôi im lìm. Nhà tôi hôm nay không dọn, bàn ghế lại kê rất trắc trở, vấp là ngã vào đám chai lọ bày sẵn trên sàn. Tôi nằm bốn chồn như thỏ nhỏ rình ma trong đêm. Lần này tôi sẽ không ngủ quên. Tháng mười một trời còn lâu mới sáng. Chín mù rớm kẻ chín, cốt ở người thứ mười mù chân chính. Sao chồng tôi ưa tin ở thiếu số sáng suốt bỗng nản lòng

sớm thế vì số đông? Đêm còn dài lắm và tôi còn đủ kiên nhẫn tin vào một cặp mắt xứng đáng tàn tật. Cầu cho thày mù. Mù trong sáng, tinh tường, kiêu hãnh. Mù mà dễ cho thày và đỡ phiền ai thì hãy mù hết lòng. Mù toét. Mù đặc. Mù hẫ. Mù vô vọng. Mù như khoét mắt bỏ đi. Mù cho chồng tôi ghi ơn tri kỉ. Mù làm khách quý trong nhà tôi mãi mãi. Mù từ hôm nay cũng chưa muộn. Tôi sẽ dẫn tay thày đến những chỗ cần tới. Tôi thuộc lắm đường đi lối lại. Tôi chờ chiều chuộng đã chín nẫu. Sao thày không ung dung bước qua bóng tối đến đây như bao ngày cho tôi rơi vào lòng?

Ròng rã bao nhiêu chờ đợi, tôi không đếm nổi. Không đếm những cú đấm cú véo và chà đạp, những vết bầm tím, máu me, sưng húp, rách nát, mỗi lần chồng tôi nọc vợ ra tắm quất. Khi không chỗ nào

trên cái bị thệt méo mó là tôi còn lành lặn, anh chẳng đụng tới nữa. Rồi cũng bỏ đi, không nhắn lại lời nào, như thày tấm quất.

1999

2. BAO GIỜ CHO ĐẾN BỐN NĂM SAU

Lần cuối cùng bạn tự động bắt chuyện với ông giáo sư gi thường lách vội qua cái ngõ bị bạn khuỳnh tay đứng chắn là bao giờ nhỉ ? Bạn thuộc giới vô công rồi nghề, ông ấy thuộc giới vô tích sự, chẳng bên nào hơn bên nào, nhưng ông ấy kém bạn ở cái khuỳnh tay đứng ngơ. Việc gì phải hạ cố bắt chuyện. Lần cuối cùng bạn thấy bọn trí thức cũng đáng hưởng chút tình hàng xóm, thậm

chí bạn ngầm thừa nhận cái địa vị và học thức của ông giáo sư gì, là bao giờ nhỉ ? Hình như là đúng bốn năm trước, vào mùa World Cup bóng đá. Nhà văn Uruguay Eduardo Galeano, tác giả cuốn kinh thánh bóng đá Quả bóng hình tròn, cho rằng thượng đế và bóng đá giống nhau ở chỗ: dân chúng càng kính ngưỡng thì kẻ trí thức càng hoài nghi. Tôn giáo và bóng đá đều là thuốc phiện cho nhân dân. Thượng đế đã chết thật, hay thượng đế lại đầu thai vào quả bóng ? Pelé vĩ đại đã nói rồi, may mà có bóng đá, nếu không thì nước Brazil chúng tôi chắc phải làm cách mạng. Nhà văn Tây Ban Nha Javier Marias, cổ động viên chung thủy của Real Madrid thì cho biết, hai mươi năm trước không một trí thức Tây Ban Nha nào dám công khai ngưỡng mộ bóng đá, bây giờ muốn lên a-văng-gác lại phải rành đá banh. Thuốc phiện cho nhân dân

hay viagra cho ám ảnh bất lực của kẻ sĩ trong kỉ nguyên huy hoàng của văn hóa đại chúng ?

Những chuyện ấy chẳng quan hệ đến bạn và ông giáo sư gì. Vào mùa bóng đá, ông ấy hết vô tích sự và bạn hết vô công rồi nghề. Ông ấy thuộc tên các câu lạc bộ, cầu thủ, huấn luyện viên và trọng tài hơn bạn nhiều, toàn tên nước ngoài, bạn làm sao nhớ nổi ? Ông ấy phân tích luật chơi đầu vào đấy, dùng từ chuyên môn chuẩn xác, nhờ vậy mà bạn biết cái vị trí offside là “ việt vị “, trước đây bạn toàn nghe đám thất học gọi bừa là “ liệt vị “. Việt là vượt, như tên nước mình, ông ấy giải thích và bạn gật gù. Nước mình chả biết vượt đi đâu, nhưng nghe cũng khoái hơn một cái tên vô nghĩa. Bù lại, nhờ bạn mà ngôn ngữ bóng đá của ông ấy ác chiến hơn, cũng “ bóng nóng “, “ bóng nguội “,

“ tanh “, “ máu “, “ xích lô chông cẳng ngả bàn đèn “, “ nhả “, “ ngoáy”, găm “ mỗi “, “ bốc “, lí nhí củ lạc nấu cháo sườn “, chuối “, “ siêu chuối “... Ông ấy bình luận rất chí lí về phong cách chơi tức phong cách tồn tại của từng dân tộc, nhờ vậy mà bạn biết chuyển từ ngưỡng mộ sang khinh bị cái tinh thần duy lí, thực dụng, phi nghệ thuật, thiếu hào hoa của bóng đá và chủ nghĩa Đức. Bọn Ý cũng không khá hơn. Chúng nó cùng một duộc phát-xít là phải. Tất nhiên nếu chạy đủ tiền, bạn sẽ cho thằng con lớn đang chờ chiếm cái chỗ khuynh tay đứng ngõ của bạn sang Đức tị nạn chứ không sang Brazil. Bóng đá là cả cuộc đời, nhưng cả cuộc đời lại không chỉ là bóng đá, chính ông giáo sư gì đó triết lí như thế. Năm nay ông ấy cũng gửi con đi Pháp du học chứ không đi Senegal. Nhờ một trò chơi chẳng made gì in Việt Nam mà trí thức Việt bốn năm một lần xúng

đáng là thành phần phát ngôn của dân tộc, là thầy và bạn của nhân dân.

Còn bạn, lần cuối cùng đồng chí công an khu vực ghé qua quán cà phê có bán thuốc lắc¹ của bạn. không phải để phạt mấy chiếc ghế nhựa chiếm hè đường trái phép, là bao giờ nhỉ ? Bạn thuộc giới nhảy rào pháp luật từ phía bên này, đồng chí ấy thuộc giới nhảy rào pháp luật từ phía bên kia. Rồi cũng tập kết ở cùng một điểm mà thôi, nhưng gặp nhau ở quán cà phê của bạn thì không sướng. Lần cuối cùng đồng chí ấy thoải mái tụt giày, ngồi xồm trên một trong những chiếc ghế nhựa phạm pháp ấy và bạn ngừng tay san bịch thuốc lắc thành từng gói nhỏ xanh đỏ vui mắt, hai bên say sưa nói về một sự kiện không xảy ra trong khu phố, không xảy ra trong quán cà phê, là bao giờ nhỉ ? Hình như

¹ Ecstasy, ma túy.

là đúng bốn năm trước, vào mùa World Cup bóng đá. Sự kiện quân đầu gấu Đức đánh trọng thương một cảnh sát Pháp. Việt Nam mà đảng cai mông-đi-an thì cảnh sát mình cho đầu gấu quốc tế biết thế nào là lễ độ. “ Chuồng cọp “ còn để trống nhiều, cho thuê không được mấy. Năm nay là một đồng chí khác, công an khu vực thuộc quận Hoàn Kiếm của bạn đào như rang lạc, như cầu thủ chuyển câu lạc bộ, như Bora Milu chuyển đội tuyển quốc gia. Đồng chí năm nay cầm thù mười một thằng điên Hàn Quốc và băng trọng tài mafia. Mười một thằng điên, mỗi thằng nửa triệu đô la chờ ở chung kết, mua mấy tiếng còi chẳng được. Việt Nam mà đảng cai mông-đi-an thì quân hồi lộ khóc thét. Nhờ một trò chơi chẳng made gì in Việt Nam mà toàn dân Việt bốn năm một lần chuộng pháp luật và tẩy chay tham nhũng.

Còn bạn, lần cuối cùng bạn quên phắt rằng, gã đàn ông ngồi cạnh đang cắn móng tay và năm phút nữa sẽ tan như giẻ rách theo đội Anh thực ra là thủ trưởng cơ quan bạn, là bao giờ nhỉ ? Hình như là đúng bốn năm trước, vào mùa World Cup bóng đá. Mùa hè. Còn lâu mới Tết. Còn lâu bạn mới phải rứt rề giao lưu chai rượu Tây, tức vừa xinh tháng lương thứ mười ba, vào tay vợ thủ trưởng và phấp phỏm lo rượu rởm. Mắt mụ ấy như mắt cú, nhìn xuyên Johnny Đen². Bây giờ gã ấy ngồi cạnh bạn, nốc rượu đế bằng cái chén bần. Kiến thức bóng đá của gã mỏng như áo em, bạn nói gì gã cũng gật. Gã thua cả là phải. Bạn sẽ giành lại nhiều tháng lương thứ mười ba từ tay gã, giấu mắt cú của vợ. Còn lâu, ít nhất là xong trận chung kết, bạn mới phải trở lại bàn giấy

2 rượu whisky hiệu Johnnie Walker nhãn đen, giới uống rượu còn gọi là Giôn Bộ (Walker là tên riêng, tiếng Anh có nghĩa là người đi bộ).

cơ quan, gã nói gì bạn cũng gật. Năm nay bạn cá lớn cho đội Thổ vào bán kết. Thủ trưởng cơ quan bạn, thằng ngốc, thằng nịnh Tây, thằng nô lệ cho thực dân, cấm nguyên con Daewoo mới chạy rồ-đa vào Pháp. Bóng đá tái thiết lập công bằng xã hội, mà xã hội Việt chẳng tốn một khẩu hiệu nào. Của người phúc ta, kì diệu là như vậy.

Còn bạn, lần cuối cùng vợ chồng bạn thức trắng, không để cãi nhau, không để lo mẻ xôi sáng mai thử bán, không để tâm sự chuyện nặng bên nội nhẹ bên ngoại, không để xem phim sex dày, không để làm tình muộn, là bao giờ nhỉ ? Hình như là đúng bốn năm trước, vào mùa World Cup bóng đá. Cô ấy mê chàng Beckham bồ trai có cái miệng cực kì duyên dáng, đồng thời mê Klinsmann mắt xanh tóc vàng. Toàn những thằng Tây giỏi trai, trẻ

hơn bạn, giàu hơn bạn hàng chục triệu lần, nổi tiếng hơn toàn đàn ông nước Việt gộp lại. Bạn ngạc nhiên thấy mình không ghen. Bạn còn ôm vai vợ an ủi khi Beckham ăn thẻ đỏ và chuốc rượu vợ tiền Klinsmann theo đội Đức về vườn. Năm nay tót các cầu thủ Nhật và Hàn cũng vàng, thay cho Klinsmann mà nàng đã quên. Beckham còn quyến rũ hơn. Thăng Raul trông cũng kháu. Nhưng vợ bạn đã chuyển điểm ngắm sang Oliver Kahn sát khí dữ dằn. Nàng vẫn yêu bóng đá như bao giờ, yêu cái thế giới toàn đàn ông, trợn mắt, nhe răng, nhổ nước bọt, yêu cả những cú thượng cẳng chân hạ cẳng tay đầy nam tính, đầy tinh thần chiến tranh. Chiến tranh thật, nếu không thì mười một thằng điên Hàn Quốc chẳng được miễn nghĩa vụ quân sự. Và bạn thấy mình là một phần của cái tình yêu ấy. Bóng đá tái thiết lập bảng phân vai nam nữ như

buổi nguyên sơ. Dân bà nước Việt được cách mạng giải phóng lâu rồi, họ không cần sờ vào quả bóng, không cần thạo luật, không cần phân biệt hai khung thành. Miễn là bóng ở đâu rơi vào. Miễn là xem, hoặc xem chổng xem đá bóng. Nhưng dân ông nước Việt cũng không cần sờ vào trái banh.

Lần cuối cùng tôi chung một nhịp sống, một ý nghĩa tồn tại với toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta, với các cấp, các bộ, các ngành, các giới, các địa phương và một trung ương, là bao giờ nhỉ? Hình như là đúng bốn năm trước, mùa World Cup bóng đá. Tôi cũng tiêu trọn nửa ngày làm việc vào giấc ngủ bù, vật vờ lê nốt phần giờ hành chính sự nghiệp còn lại trong cực hình của chờ đợi. Rồi nhồm nhoàm ăn uống và ngẫu nhiên mọi tờ báo có bài về bóng đá, nghĩa là đứt một sạp báo. Rồi

về điện thoại gọi vài chầu vòng quanh đất nước, hàng ngũ tri kỷ của tôi ở mọi nẻo đường tổ quốc sẽ quyết tử với lí tưởng màu da cam, dù đội Hà Lan còn hay mất. Rồi cùng cả cái dân tộc chẳng hề quen sống về đêm này thức trọn những canh khuya. Không phải để chiêm nghiệm những suy tư siêu hình, trần trở những vấn nạn xã hội, ôm ấp những giấc mộng “tự do dân chủ đa nguyên, quốc gia phồn thịnh bình yên, nhân dân phấn khởi triển miên” gì đó. Tất nhiên là không. Chúng ta không đại dột đến mức ấy. Cả nước Việt chỉ reo vang khẩu hiệu “Vàààooo !” giữa canh ba và canh năm. Người hơ trước, chó choàng tỉnh sữa đêm một hồi và sao trời rung rinh phụ họa. Ngày mai lại là một ngày đáng sống.

Lần cuối cùng chúng ta thấy mình thực sự hòa vào hơi thở thời đại, vui niềm

vui của toàn nhân loại, khóc những giọt nước mắt Pháp, đập thành thạch bằng trái tim Mêhicô ; lần cuối cùng chúng ta được cười vào mũi anh bạn khổng lồ Trung Quốc mà khỏi phải dẫn Bình Ngô, được chửi Mỹ thậm tệ mà cóc cần chiếu cố vụ 11 tháng Chín; lần cuối cùng chúng ta được xả ngược tinh thần kỳ thị chủng tộc vào các mầu da không trắng mà khỏi cần gương soi da mình vàng; lần cuối cùng lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc đã thủng kết lăm của chúng ta khỏi phải gõ cửa từng nhà, chỉ cần nhờ ba mươi hai cái chủ nghĩa dân tộc cháy bỏng trong một cuộc chơi toàn cầu đứng ra quyên góp giúp ; lần cuối cùng chúng ta được tự do lựa chọn và hội họp, được thông tin đầy đủ và ngôn luận sừng mồm như thói Tây; vâng, lần cuối cùng chúng ta được làm những người Việt yêu nước mà không cần xả thân vì nước, tự

do mà không cần tranh đấu cho tự do, bình đẳng mà không cần chống bất bình đẳng, và đồng thời là công dân thế giới, ở đỉnh cao thời đại, vô tư hưởng chiến công nhân loại mà khỏi cần lập công, mà chẳng phải làm gì hơn ngoài ngồi trước một màn hình, là bao giờ nhỉ ? Là suốt tháng Sáu vừa rồi, mùa World Cup bóng đá.

Hay đơn giản hơn, lần cuối cùng bạn tôi ở Sài Gòn, vốn chẳng ham hố được thua ở đời, mà thể thao là phân thắng bại, bỗng chăm chỉ ngồi trước màn hình, cũng là suốt tháng Sáu vừa rồi, mùa World Cup bóng đá. Anh bảo : “ Thôi thì giết thời gian, đỡ buồn “. Giết thời gian còn hơn sống mòn. Đỡ buồn tốt hơn với hi vọng.

Năm nay Brazil lại không làm cách mạng. Mọi chú bé sinh năm 2002 ở cái xứ khổng lồ của nghèo khổ, bệnh tật,

tham nhũng, bắt công ấy chỉ cần mang tên Ronaldo và Ronaldinho là ổn.

Năm nay tôi không có lý tưởng. Bạn biết rồi, lý tưởng của tôi màu da cam. Nhưng bốn năm nữa lý tưởng ấy sẽ hùng mạnh hơn bao giờ. Bao giờ cho đến bốn năm sau?

Phạm Thị Hoài

Bài này tác giả cũng đã cho đăng trên diễn đàn Talawas ngày 03.07.2002, địa chỉ internet: <http://www.talawas.de>

3. GỐC

Mỗi lần nghe nhắc: mất gốc là người nghệ sĩ mất nguồn sáng tạo, tôi lại có cảm giác không yên ổn. Như thể mình đang là một công dân đứng đắn của quốc gia nghệ thuật, mà thỉnh thoảng đội bảo vệ cứ gõ cửa, hỏi xem mình có cần họ giúp gì không. Cũng gần giống cảm giác như khi bị nhắc, rằng nghệ thuật muốn thế nào cũng phải phát sinh từ hiện thực. Kết quả là tôi vô cùng biết ơn gốc rễ, hiện thực với mọi quê hương

và căn cứ địa khác của nghệ thuật, cũng như biết ơn đội bảo vệ sốt sáng ấy, song trong thâm tâm thì bắt quả tang mình mong các quý vị đó đừng ở chơi quá ba ngày. Phần đông các nghệ sĩ không sáng tạo gì hết. Một số ít sáng tạo trong một giai đoạn ngắn. Một số vô cùng ít sáng tạo tương đối lâu dài. May ra đếm trên đầu ngón tay được những nghệ sĩ suốt đời sáng tạo trong lịch sử nhân loại. Như vậy tìm ra nguồn cơn của sáng tạo thì khó, và điều đó mãi mãi là bí ẩn, chứ một lần nữa cho sự không sáng tạo thêm một nguyên cơ nào có ích gì. Nhà văn Việt ở bên ngoài có thể cho rằng mình không viết nổi, vì thiếu nước Việt chẳng hạn. Nhà văn Việt ở bên trong, nếu viết cũng không nổi, liệu có phải vì quá thừa nước Việt chẳng?

Tôi vốn tin rằng, người ta dù theo nghĩa nào cũng không thể mất gốc. Một

là, nếu không có, chưa bao giờ có một gốc rễ nào đó, thì mất nó khác nào mất con cá ở ngoài lưới, một con cá thật to. Những thế hệ con cháu chúng ta ở hải ngoại, tuy được mệnh danh là người Mỹ, người Pháp... gốc Việt, nhưng chữ “gốc” này cùng lắm chỉ tiết lộ đặc trưng chủng tộc chứ không phải đặc trưng văn hóa. Song chu trình con gà và quả trứng áp dụng vào chủng tộc và văn hóa đã lộ rõ nhược điểm của nó, từ ít nhất hai thập kỷ nay chúng ta coi chủng tộc không là gì khác hơn một trong những chức năng của văn hóa, chứ chiều ngược lại không vận hành. Những thế hệ ấy bắt rễ trong văn hóa của những quốc gia phát triển phương Tây, họ không thể đánh mất văn hóa Việt, là thứ họ không sở hữu. Chữ «gốc’ thứ hai này mới thật sự. Thậm chí chữ “gốc” thứ nhất nói trên, dùng cho họ, tôi cho là đã khiên cưỡng. Chẳng những

các thói quen, hay là bản năng thứ hai, mà bản năng thứ nhất ở những thế hệ ấy cũng đã thay đổi đáng kể. Chỉ cần xem da họ phản ứng thế nào với ánh nắng và độ ẩm nhiệt đới, và rằng họ mắc hay không mắc những bệnh gì là đủ. Không cần phải là một chuyên gia dân tộc học cũng xác nhận được, khoảng cách giữa người Việt Kinh ở trong nước với người Mỹ gốc Việt chẳng hạn, ít nhất cũng bằng giữa người Kinh với người Mèo. Chúng ta thường cảm động trước những cố gắng tìm hiểu về Việt Nam của họ và gọi đó, một cách đầy thiện cảm và cũng đầy mơ hồ, là những cố gắng “tìm về cội nguồn”. Nhưng ai có thể chắc chắn nên đẩy cội nguồn đến mốc thời gian và không gian nào trong quá khứ? Đi ngược vài ba thế hệ để về đến hai đồng bằng châu thổ lớn của nước Việt, hay có thể triệt để đi tiếp, về hướng những khu rừng Đa Đảo

chăng? Chúng ta lại càng nhiệt tình khích lệ họ viết tiếng Việt. Trong phần lớn các trường hợp ăn giải khuyến khích như vậy, phẩm chất văn chương mà biểu hiện hiển nhiên nhất là ở ngôn ngữ, xếp hàng cuối cùng. Tôi không muốn làm kẻ phá đám “khuyến Việt”, song phải nhận là thương tiếng Việt như thế cũng khổ cho tiếng Việt lắm thay!

Quyết định viết bằng một ngôn ngữ nào là kết hôn với nó cả đời, hưởng nó mà cũng chịu đựng nó, thậm chí cắn răng mà chịu, đúng theo nghĩa đến chết mới chia ly. Cuộc hôn nhân thử cứa, hà khắc, trói buộc này thông thường không phải là phòng thí nghiệm hay hăng du lịch. Ở đa số tác giả thử viết bằng tiếng Việt nói trên, tôi có cảm tưởng đôi bên còn chưa cầm tay nhau, trong khi rất có thể họ đã ăn nằm như thế nào đó với một bản ngữ

khác. Cảm giác chưa cầm tay nhau đương nhiên rất phỉnh nịnh và quyến rũ, khiến người chưa võ tiếng Việt có thể lâng lâng bay như trên lưng ngựa Phù Đổng, trong khi người dày dặn lại như bò lê dưới gánh nặng mà dân tộc Việt có thể trút xuống một thành viên đơn lẻ của mình. Có lẽ không cần phải quảy trọn gánh ấy mới là mang quê hương theo, tôi biết vô số người đã trút quá nửa gánh ấy xuống dọc đường di tản mà vẫn còn nguyên là người Việt. Nhưng cưỡi ngựa mà xem hoa như nói trên thì ít liên quan đến việc tìm cội nguồn Việt. Cách đây không lâu tôi đọc một truyện ngắn của một tác giả gốc Việt viết tiếng Anh. Bản dịch tiếng Việt chỉ cho thấy đấy là văn dịch, không tiết lộ một văn phong riêng tư gì đã đành, mà cố hình dung bản gốc tôi cũng chẳng tìm được một điều gì nhất thiết liên quan đến “Việt tính”, song truyện ngắn đó được giới

thiệt đại loại là nghệ thuật của một thể hệ tuy đã dùng ngôn ngữ khác, nhưng vẫn “man mác tâm hồn dân tộc”. Tôi hy vọng dân tộc Nga chẳng hạn, không đi tìm dấu vết của tâm hồn mình trong “Lolita”. Còn Kafka, liệu dân tộc nào giành được bản quyền tâm hồn mình ở đó?

Hai là, nếu một gốc rễ nào đó từng tồn tại, thì không dễ gì mất hẳn. Vốn liếng của một cộng đồng văn hóa cấp cho mỗi người khi bước vào đời có phần khác với món gia tài của cha mẹ để lại. Khả năng hoàn toàn phá sản ở trường hợp thứ hai có thể xảy ra qua đêm. Ở trường hợp thứ nhất, không dễ dàng mà thành trắng tay như vậy. Vốn liếng ấy giống tuổi thơ, có thể giống cả mối tình đầu, giống lần thứ nhất nhìn thấy biển, nếu muốn thì giống lần đầu tiên đi xem hát nữa. Tôi rất tránh dùng những cách nói, đại loại như “tìm

lại tuổi thơ” hay “mối tình đầu đã mất”, và đương nhiên là bất đắc dĩ mà dùng “tìm về cội rễ”. Người ta mang những thứ ấy trong mình tự nhiên chẳng khác gì mang mẩu ruột thừa sót lại từ thuở tổ tiên gặm cỏ, để lấy ví dụ khiếm tốn nhất. Lắm người phải cắt nó đi mới sống được, còn lại không mấy ai dành cho nó lấy một nửa ý nghĩ. Ấy quả là vật thừa duy nhất trong cái cơ thể được chúc năng hóa hoàn hảo của chúng ta. Có lẽ cũng thừa như các vua Hùng trong mỗi ngày đi làm, đóng thuế, kệt xe và viết vô vọng vài trang truyện ngắn của một người Việt nơi đất khách. Tôi mang nó, từ khi mới đẻ, và hài lòng rằng nó chưa bao giờ viêm lên. Nhưng tôi không hình dung được con đường tìm về mẩu ruột thừa ấy.

Lại lấy ví dụ một người từng sinh trưởng trong tiếng Việt. Là ngôn ngữ

của một xứ phương Nam, nơi hỏa vượng mà vạn vật khuếch trương hương vị như cách lý giải của người xưa, tiếng Việt giàu vốn từ chỉ tả mi từng sắc thái, cấp độ của muôn loại mùi chẳng hạn. Hẳn cũng vì hỏa vượng, mà những mùi khó chịu cũng được cơ hội bành trướng. Mùi phân mèo thì chua, mùi phân gà hôi, phân trâu hắc, phân lợn nồng, phân trẻ con thum thum, phân người lớn thối, còn mồm ai đó thì thối hoắc. Mùi và tình trạng thực phẩm hỏng trong bếp Việt mới thực đa dạng. Cá thì tanh, thịt thì ôi, cơm thì khô, rau thì oi khổi, dưa thì khú, mắm thì khắm, gạo thì hẩm, trứng thì ung, khoai thì ủng, cháo thì vữa, canh thì thiu, lạc thì mốc, mỡ thì khét lẹt... Sau này người ấy sống hẳn ở một xứ lạnh, hỏa chẳng vượng, vạn vật không phát hết mùi, mũi xứ người chắc cũng nhạy không kém mũi xứ ta, nhưng tiếng nước người cho chân thối,

cá thối, tiền thối, chính trị cũng thối như thế cả, muốn phân biệt phải dùng thêm từ mô tả, không có chữ nào, chỉ bằng chính nó, thỏa mãn cái biết của khứu giác như trong tiếng ta. Một lúc nào đó, người ấy thậm chí có thể quên cái vô âm thanh của những từ Việt chỉ mùi, nhưng bản thân những mùi đã từng có một tên riêng ấy, từng là những thực thể đặc thù ấy, trong sâu thẳm không dễ gì hòa chung làm một với “thối và chỉ thối”. Theo tôi, giữ được mùi quê như thế, thụ động và ở tít một nơi ẩn khuất nào đó trong lòng, đã là bảo quản gốc gác. Với người viết, ai biết giữa một mùi mong manh đã mất tên và một nền tảng nhận thức được mệnh danh chắc nịch, cái gì dư sức khuấy động hơn?

Cộng đồng Việt nhỏ bé ở bên ngoài lại có một phẩm chất đặc biệt: nó bảo tồn rất nhiều khía cạnh văn hóa Việt mãi

liệt và cuồng nhiệt hơn ở chính quốc. Một lúc nào đó, tôi e rằng các học giả muốn truy tìm dấu tích lịch sử của dân tộc Việt, thay vì đi Hà Nội có lẽ phải đến Quận Cam. Cội rễ có thể bị bật tung tại chính chỗ phát sinh, nhưng lại dai dẳng sống sót ở những vùng biên xa xôi nhất. Việt Nam hải ngoại là một vùng biên như thế. Xin lấy già nửa thế kỷ lưu lạc của văn chương tiền chiến làm ví dụ. Lấy lời than năm 1917 của một trong những nhà khuyến Việt nhiệt thành mà bi đát nhất, Phạm Quỳnh, làm mốc, rằng quốc ngữ khi ấy còn sài đẹn ấu trĩ như tiếng bi be của đứa lên ba, khiến bậc cao sĩ “ngồi hầu chuyện các văn nhân thi sĩ nước Tàu nước Tây vẫn còn sướng hơn”, và “trong khi họp tập năm ba anh em ngồi với nhau, bàn những chuyện thiết tha, nói những điều tâm sự, mà đương câu chuyện phải pha một hồi tiếng tây hay điểm mấy câu

tiếng tàu”, thì tiếng Việt không đầy hai thập kỷ sau của văn chương tiền chiến là một thành quả vĩ đại. Hai thập kỷ sau nữa nó đã ngắc ngoải, và chậm nhất là sau Hiệp Định, miền Bắc đã kết thúc thời kỳ quá độ ngôn ngữ, để các thế hệ sau đó có thể yên tâm mà nói giọng hiện thực xã hội chủ nghĩa thuần khiết. Thế hệ tôi quả là miệng không uống giọt sữa nào, bút không chấm giọt mực nào của tiền chiến. Lại hai thập kỷ sau, nếu nước Việt không tái thống nhất, có lẽ tôi chẳng có dịp thử nếm mùi vị của một quá khứ không xa ấy. Cả một nền văn hóa tiền chiến theo chân người Bắc-54 di cư mà cố thủ trong lòng hồi cổ, và sinh sôi trên mảnh đất Nam Bộ vốn không quá khắt khe. Rồi lại hai thập kỷ sau nữa, Nam Bộ ấy đã đổi khác, muốn gặp văn chương tiền chiến phải tiếp tục di tản, giạt mãi tới vùng chót, bám gót người Việt hải ngoại. Ở tí

nơi hạ nguồn này, một thành quả từng là vĩ đại mãi mãi là vĩ đại. Một nửa thế kỷ chen vào giữa không có giá trị gì. Tôi từng ngẩn ngơ, khi đọc thơ của một tác giả hải ngoại cùng lứa, thấy “xuân mộng, hồn mơ, cõi tiên, quan san, tổng biệt, hận thu, đêm liêu trai, trăng mất ngủ, gió về đâu, sầu mấy kiếp, lệ vơi, tình rơi, đời ời, trời hồi...”, như lạc vào bảo tàng văn học. Như vậy cũng có thể phỏng đoán, chẳng hạn tiếng Việt hiện thực xã hội chủ nghĩa nếu có mất mát tại chính quốc, chắc còn chỗ trú lâu dài nơi người Bắc tị nạn đời mới tại Đông Âu. Bảo hoàng hơn vua phải chăng là tính cách muôn thuở của tỉnh lẻ? Như thế càng xa nguồn càng bị trói không giãy nổi khỏi nguồn? Như thế văn chương Việt hải ngoại đau ruột thừa triền miên mà không dám cắt phăng cái mẩu nợ nần ấy.

Vào chính lúc này, khi xã hội Việt Nam ở bên trong đang lên cơn truyền thống dân tộc, như nó đã từng lên những cơn kích động kỳ lạ khác mà không sẵn rơ-le tự ngắt, liệu một nhà văn Việt ở bên ngoài có nên mạnh dạn vứt đi chiếc cân tiểu ly thường thủ sẵn trong tay áo, bên này là dân tộc, bên kia là thế giới, hay không. Cái dụng cụ tinh tế ấy chưa từng dùng được cho một tác phẩm nặng cân nào của văn học Việt đương đại. Và lại, cái đầu của nhà văn Việt thì hoan nghênh một sự hài hòa kết hợp, mà lòng thì nghiêng về truyền thống hơn. Văn chương Việt ra ngoài nước ắt có sứ mệnh làm một nền-văn-học-đau lòng-con-cuộc-cuộc, lại càng viết bằng bụng nhiều hơn bằng đầu, yêu cái đã có hơn đam mê cái chưa có, ngoái nhìn cội rễ xa ngái hơn khao khát những vùng đất lạ ở sát nách, chăm bẵm những lý tưởng nghệ thuật của cha

ông mình để lại như con đẻ, còn lý tưởng của cha ông kẻ khác là con ghẻ, bằng mặt mà không bằng lòng. Tôi không dám cho thế là dở. Nếu cái đã có đủ đồ sộ thì ở tù trong đó chắc cũng được sung sướng. Có lẽ nhiều người mãn nguyện như thế hơn tôi tưởng. Khi đọc D.H. Lawrence chẳng hạn, tôi không bắt giác coi ông là nhà văn Anh dù ông viết tiếng Anh về nước Anh, sau này vỡ lẽ rằng ông cả đời lưu lạc. Còn khi đọc một số đồng nghiệp Việt ở hải ngoại, tôi thành thật xin lỗi vì nhận xét không ưu ái này, tôi bắt giác cho rằng họ chưa bao giờ rời nước Việt, mặc dù các nhân vật của họ đi gần khắp thế giới, chỉ trừ đi Phi đen. Văn học Việt hải ngoại không thiếu Việt Nam. Mà thiếu thế giới.

Ngay cả sự thiếu thốn tiếng Việt ở bên ngoài, quả là xác thực, nhưng tôi cũng cho đó là một trở ngại cần thiết. Rút

cục thì chúng ta đáng được cái handicap này thử thách hơn là những chướng ngại khác từng biết. Mỗi người cầm bút đều hơn một lần than thầm, hoặc kêu âm lên, về sự bất lực của ngôn ngữ, rằng ngôn bất tòng ý, bất tòng tính. Như thể điều mình muốn diễn đạt vượt quá sức tải của ngôn ngữ. Cá nhân tôi không công nhận cái bi kịch nghề nghiệp đó. Tôi cho rằng ngôn ngữ cũng như thời gian, không biết thế nào là đủ, nhưng ai cũng có một phong thời gian và một kho từ ít nhất là vừa đủ dùng cho chính mình. Vốn liếng ấy không thể bất cập nhu cầu của bản thân, mà chỉ bất cập với nhu cầu của kẻ khác. Nếu chỉ thuần túy sống trong môi trường ngôn ngữ Việt, dù có là một thiên tài chẳng nữa cũng chỉ đi đến hết cái giới hạn của tiếng Việt hiện có, hay nói cách khác, lên đến đỉnh cao của những nhu cầu diễn đạt hiện tại của dân tộc. Có trời chứng giám

là những nhu cầu ấy tự biết chừng mực của mình. Tôi xin trở lại câu chuyện ngôn ngữ vào một dịp riêng khác, ở đây chỉ xin lưu ý rằng, trong suốt lịch sử văn học và lịch sử phát triển tư tưởng Việt Nam, không một nhà lập ngôn quan trọng nào của chúng ta không cùng một lúc. đứng vững cả hai chân, một trong tiếng Việt nôm, và một trong một ngôn ngữ khác. Chính sự bất lực tạm thời của tiếng Việt trước nội dung cần diễn đạt của một cộng đồng ngôn ngữ khác như chúng ta hằng chứng kiến trong cuộc sống lưu lạc, vâng, chính nó là cái may trong cái rủi của nhà văn Việt xa xứ. Ta hãy xem hẳn có những cơ hội gì:

Hẳn có thể vừa bị cuốn theo ông chủ ngôn ngữ mới, vừa trung thành trong giới hạn cho phép với chủ cũ, là vốn liếng tiếng Việt mang theo. Trong trường hợp này,

sớm muộn hắn cũng rời bỏ văn chương tiếng Việt. Mỗi năm viết dăm bảy trang là cố gắng cuối cùng của hắn, để chăm sóc một kỷ niệm về tiếng Việt hơn thực sự dùng tiếng Việt. Rồi hắn sẽ thử viết bằng ngôn ngữ mới. Bằng một ngoại ngữ. Và có cảm tưởng mình cũng không tồi. Dường như sự tâm thường của hắn trong tiếng Việt có thể biến mất trong ngoại ngữ, chỉ ít hắn trở nên khúc chiết và ít bay bướm hơn. Tuy mỗi khi trở về với tiếng Việt, hắn lại xoàng như cũ, nhưng điều đó không quan trọng, vì chẳng cộng đồng văn chương nào thiếu bóng những thành viên như thế. Quan trọng là, hắn không còn đặt kỳ vọng ở tiếng Việt, và đây là sự giải phóng: giải phóng hắn, để hắn tự do đi tìm một ngôn ngữ khác. Và giải phóng tiếng Việt. Khởi một mối tình hờ. Công cuộc giải phóng này không thể xảy ra ở Việt Nam.

Hoặc hẳn quyết liệt tẩy chay cái ngôn ngữ lạ mặt kia ngay từ đầu, và trong thể phòng thủ đơn độc cũng có thể kiêu hãnh mà đi hết giới hạn đã định của mình. Văn giới Việt Nam hải ngoại biết không ít những cuộc đi nhả nẻo đường cùng như vậy. Giã chết cũng có thể hùng tráng, và tang lễ hoàn toàn có thể đẹp.

Hoặc hẳn phải nhảy vọt. Vượt khỏi một lãnh thổ ngôn ngữ, một giai đoạn ngôn ngữ, một số phận ngôn ngữ cho trước. Tôi tin rằng, sinh lực của Việt ngữ phụ thuộc vào những thành tựu vượt rào như vậy, chứ không nhất thiết còn hay mất ở việc vốn từ bên ngoài có bị tiêu lẹm, có kém cập nhật chút ít so với ở Việt Nam.

Tiếng Việt trong nước quả nhiên có những cách nảy nở riêng của nó, và công trình ngôn ngữ của một tập thể gần tám

mười triệu người nhất định là trên tầm cỡ của một cố gắng cá nhân. Khu vực ngôn ngữ chính trị không mấy tiến bộ, ngôn ngữ của các khoa học nhân văn cũng dậm chân tại chỗ, của các ngành kinh tế và kỹ thuật phát triển chấp vá và vô chính phủ, “quan thoại” của Việt ngữ tại chính nước Việt thì ngu kỹ, nhưng bù vào đó, “bạch thoại” rục rở hơn bao giờ. Tôi có cảm giác rằng, người Việt chưa từng ăn nói lắm kiểu hấp dẫn, khôi hài, giàu liên tưởng và mắc những lỗi ngôn ngữ tuyệt vời như trong vòng một thập kỷ nay. Nôm hiện đại đang ở đỉnh cao, tuy vẫn không phải là ngôn ngữ lý tưởng để suy tư trừu tượng hay thúc đẩy luận lý, nhưng dồi dào để diễn đạt những tâm tình và kinh nghiệm trực quan của thời đại. Nếu muốn thì gần như bất kỳ ai trong các nhà văn Việt hải ngoại cũng có thể mỗi năm về “vỗ béo” tiếng Việt đã gầy guộc chút

ít của mình ở đó. Song nhu cầu Việt ngữ của văn giới hải ngoại xem ra không cấp thiết đến mức như vậy. “Bạch thoại” của miền Nam trước bảy lăm mang theo đến giờ còn dùng đủ, còn up-to-date lắm. Nếu ngày mai, lý do lưu vong của chúng ta không còn nữa, liệu có bao nhiêu nhà văn Việt đang sống ở hải ngoại, chỉ vì cái nghiệp của tiếng Việt, chỉ vì e “mất nguồn sáng tạo”, mà quyết định trở về?

Phần mình, tôi ra khỏi Việt Nam vài năm trước, công việc cho phép gặp vô số nhà văn sống lưu lạc, đến mức tôi có cảm tưởng rằng, du mục là một trong những điều kiện nghề nghiệp của một nhóm văn sĩ càng ngày càng đông đúc. Quê hương họ là những cuộc hành trình. Phản bội quê hương là dừng lại quá lâu một chỗ.

4. HƯ CẤU THỰC, HIỆN THỰC GIẢ

Vẫn chương hư cấu không lạ gì thủ pháp ném một số phận tiểu tốt vào giữa dòng xoáy của những biến cố lịch sử hệ trọng. Trí khôn đựng vừa tay nải của cái nhân vật chính bất đắc dĩ ấy thành vô dụng, tầm mắt nó vốn dừng ở mép bàn ăn thành đầu mối của mọi trở trêu, bi kịch nhỏ nhoi là nó chẳng ăn nhằm gì đến kịch bản khổng lồ của thời cuộc, nó tha hồ làm một nạn nhân hữu hiệu trong lòng độc giả và một chứng nhân hữu ích cho tác giả. Con tốt ngơ ngác sang sông là

một hình tượng đặc sác, chiếm tỉ lệ bất hủ cao.

Vậy mà văn chương Việt Nam, rất chú trọng những con đường dẫn đến bất hủ, hầu như không màng đến thủ pháp ấy. Dòng bác học chữ Nho trong văn học cổ điển chuyên trách tâm tư lớn của những nhân vật xuất chúng, những người có thể đặt thế sự lên lòng bàn tay mà ngắm luân phiên với cảnh trí thiên nhiên. Không có gì xảy ra trên thế gian này khiến họ ngạc nhiên và mất khả năng bình luận. Dòng chữ Nôm - như thể tiếng hạc hai dùng cho việc thú cấp, mà cũng như thể tiếng mẹ đẻ để với tới những tâm sự riêng tư và nhỏ mọn hơn - tuy tìm được vài số phận không ở diện phi thường, hầu hết đều là phụ nữ, song có là cát bụi cho con tạo tung hứng thì họ cũng là thứ cát bụi đã đãi kĩ, sạch hơn hẳn hạt thường. Ngoại cảnh

chỉ chạm rất khẽ vào phận đàn bà bọc kín trong những quan niệm tổng quát của nhà Nho về luân thường, của nhà Phật về định mệnh, và chút ít của dân gian về lẽ đời. Nếu nàng chinh phụ trích lịch sử như một giáo sư uyên bác thì ấy là lịch sử Trung Quốc xa xôi, lịch sử đã thành điển cố, quân Tần đánh quân Tần ở sông Phì Thủy, Ban Siêu đi sứ Tây Vực ba mươi mốt năm..., chẳng quan hệ gì với Trịnh và Nguyễn đang bạo liệt phân tranh trên đất Việt. Còn dòng dân gian, nơi duy nhất để kẻ thường dân xuất hiện, thì bên bỉ dựng trượng phong thánh cho kẻ ấy, không bao giờ hết những chàng mồ côi và lái lợn, chàng ngốc và chàng lú ra giữa thiên hạ mà tung hoành, giải quyết đại sự quốc gia bằng câu đối giắt lưng, thống soái việc lân bang bằng kinh nghiệm xem rễ si, cỏ gà hoặc lên đàn úm một tràng tiếng lóng.

Đối diện với lịch sử nước Việt đầy tao loạn, với thế giới chông chéo rối ren, các nhân vật hư cấu của cả ba dòng ấy đều xử sự theo tinh thần điển cố, giai thoại và trữ tình. Ở đó không có thời sự, chỉ có thời cuộc, không có chính trị, chỉ có chính sự. Lời giới thiệu Cung oán ngâm khúc³ xuất bản năm 1958 cho «tâm lí của người cung nữ là tâm lí chung của tầng lớp thống trị đang đi vào con đường tan rã..., không còn chút ý thức với lịch sử...». Song đã trách như vậy thì nên trách hết. Vào năm 1958 không ai biết, mà bây giờ cũng không ai biết, lịch sử có tồn tại thật với một người cung nữ trong phủ Chúa hay không để mà ý thức. Mọi chỉ dẫn từ hư cấu sang hiện thực thời đó đều được giấu kĩ trong ước lệ. Người cung nữ của Nguyễn Gia Thiều là thật, hay một phần

3 Nguyễn Trác và Nguyễn Đăng Châu khảo thích và giới thiệu, nhà xuất bản Văn Hoá, Hà Nội, 1958.

tử cung nữ cốt cán, sôi nổi đứng ra tổ khổ, vạch mặt cả Sâm lẫn Huệ, là thật?

Lúc quần chúng lọt vào nghệ thuật hư cấu Việt Nam cũng là lúc thế giới bên ngoài, phương Tây, đổ bộ vào hiện thực Việt Nam. Các nhân vật văn chương thông thái thường dẫn chuyện nước Ngô nước Sở như thể chuyện nhà lui dần, để một thằng tóc đỏ, nhật bóng sân quần, ra đối diện với một Ba Lê, kĩ thuật phương Tây và quan hệ ngoại giao quốc tế. Nó bày tỏ một thái độ chưa từng có trong thành quả hư cấu của văn học Việt cho đến thời điểm ấy, thái độ bản năng, thực dụng, vô chính phủ. Đã thôi là một danh phận quy định trong tôn ti Nho giáo để quan niệm xã hội theo đúng phép tắc cần thiết, và chưa là một thành phần giai cấp trong trật tự vô sản để được trang bị cái thế giới quan duy nhất có hiệu lực sau này, nó tuyệt

không có nghĩa vụ với một quan điểm chính thống nào. Nó là thằng loong toong ngơ ngẩn giữa cuộc trở mình của lịch sử, ủng hộ nước Nam quân chủ thì xung đột với nước Pháp dân chủ, chào mừng nước Xiêm thân Đức và Nhật thì nguy hiểm cho nước Pháp của chính phủ bình dân, theo phái trực trị mong Pháp Việt để huê thì hại cho vua nước Nam hành đạo, theo cộng sản thì phái ấy không dám giở trò gì và biết mình có tội, theo phái dân chủ thì bất kính với vua mình và vua láng giềng... Đường nào cũng đường cùng. Tốt hơn cả là đánh bài mặt thộn, có thời cơ thì xin thua một séc bóng để cứu vãn thế giới đang mấp mé bờ chiến tranh. Cho đến lúc ấy chưa bao giờ chính trị hiện ra cụ thể và oái oăm như vậy trong văn học Việt. Nhưng Xuân Tóc Đỏ là phát minh của hư cấu hay phát sinh của hiện thực? Bất luận thế nào, nó là hình tượng phóng

đại cho tôi nhiều chỉ dẫn thổi phồng có lẽ xác đáng nhất về hiện thực một thời. Cái thật của hiện thực và cái giả của hư cấu không cần chuyển ngôi cho nhau, cũng không cần trà trộn, bên nào giữ sân bên nấy. Xuân Tóc Đỏ là một trong những con tốt hiếm hoi và có lẽ cũng sống mãi - như đã nói, chúng chiếm tỉ lệ bất hủ cao - dù bị phát văng gần một nửa thế kỉ trước khi lại về với văn học Việt, không giải thích, như thể đi vắng mấy chục năm là chuyện chẳng bỏ phí lời.

Văn học Việt Nam có chừng ba hay bốn thập kỉ để luyện một khoá bồi dưỡng chớp nhoáng những chặng phát triển của văn học châu Á - chủ yếu là Pháp -, một mạch từ thời kì Khai Sáng đến chủ nghĩa hiện thực cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, một chút chủ nghĩa tự nhiên và vừa chớm vào chủ nghĩa tượng trưng thì mãn

khóa⁴. Không một xã hội nào, dù biến động như vũ bão, đủ sức cung cấp hiện thực với tốc độ như vậy cho hư cấu. Chạy thi thì con rùa hiện thực chỉ thắng con thỏ hư cấu như cách đã biết trong ngụ ngôn. Không phải quả hiện thực đã chín muồi để rơi vào giỏ hư cấu, mà ngược lại, những trai thanh gái tú trong tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn có vẻ sẵn sàng rời trang giấy mà sung vào hiện thực. Họ đại diện cho những trào lưu tư tưởng hoặc nghệ thuật hoàn toàn mới mẻ chẳng? Có thể lắm. Song mọi trào lưu đều cần một chút thời gian để lọt lòng từ những tiền đề xã hội nhất định, một chút nữa để trưởng thành, lại một chút nữa để chín chắn và nở rộ và cần rất nhiều chút để thoái vị. Bất chấp những con đường tắt

4 Văn học miền Nam 1954-1975 đã đi tiếp hoặc ít ra là quan sát tiến trình phát triển sau đó của văn học phương Tây, nhưng tại Việt Nam nó gần như bị xoá sổ, tại hải ngoại bị thất lạc và phân tán. Người viết bài xin bỏ ngoặc giai đoạn này.

và rút ngắn của văn học Việt Nam giai đoạn ấy, xã hội Việt Nam trong thực tế sâu thẳm và trong quán tính cố hữu của nó vẫn rất chậm rãi, dù bề mặt có thể bày ra một cảnh tượng khác. Sự hoài nghi của tôi đối với chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam bắt đầu từ cảm giác lệch pha ghê gớm, cảm giác rùa-thỏ chạy-thi, giữa hiện thực và hư cấu của chính giai đoạn văn chương được coi là khai phá ấy, chứ không phải của giai đoạn chuyên tu hiện thực xã hội chủ nghĩa sau này.

Kết luận chung của hầu hết ai đứng ngoài, ai đối lập và ai đã tìm được một khoảng cách với văn học cách mạng Việt Nam - chúng ta phải chấp nhận khái niệm này như một thuật ngữ của lịch sử văn học - là nền văn học đó giáo điều, công thức, lên gân và giả tạo. Tôi không cho là như vậy. Khác với giai đoạn trước, hư cấu và

hiện thực đến đây hoàn toàn đồng bộ, văn chương và thực tế thành cặp song sinh, nhiễm thói quen của nhau, đau lẫn bệnh của nhau. Không phải nghệ thuật gồng lên với những công thức và giáo điều, mà hiện thực đã làm mẫu trước. Không phải nhà văn cố tình bày đặt ra một thế giới giả tạo, mà chính thế giới bên ngoài trang sách đã giả tạo tiên phong. Lỗi duy nhất của hư cấu là không giữ được bất kì một khoảng cách nào với cái hiện thực ấy. Là trung thành với cái giả, chân thành tùy tùng cái nguy. Anh bộ đội, chị nông dân, bác công nhân trong sách chỉ cố gắng nói đúng như những anh, chị, bác như thế thường phát ngôn trong thực tế. Họ trở thành gương sáng của xã hội trước khi ụp vào làm anh hùng trong truyện, không phải những con tốt đen bị đấm mà là lực lượng của một tập thể hùng hậu, đầy ý thức về sứ mệnh với lịch sử, vai trò với

nhân loại và vị trí với thế giới của mình. Họ thôi làm dân chúng để thành nhân dân. Không có gì xảy ra trên thế gian này khiến họ ngạc nhiên và mất khả năng bình luận. ở những vùng hẻo lánh nhất, không biết sông nhà chảy qua đâu về đâu, song người ta biết rõ ba dòng thác cách mạng thế giới, biết sản lượng thép ra lò ở Liên Xô, biết trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ⁵ và biết mọi công dân ưu tú nhất của hành tinh trái đất đều mơ sáng mai thức dậy thành người Việt Nam. Miệng mình có bao nhiêu cái răng sâu chẳng rõ, nhưng người ta nắm vững bệnh án trầm kha của con bệnh tư bản. Tình hình quốc tế luôn thuận lợi, đúng như mong muốn, đôi khi khó khăn cũng là tất yếu để khắc phục thành công. Thế giới đã khổng lồ hơn xưa, đặt lên lòng bàn tay không vừa,

5 Cửa mở, thơ Việt Phương, xin không ghi số liệu xuất bản vì tập thơ bị thu hồi vào những năm 80, hiện có lẽ đã được xuất bản trở lại.

nhưng đủ gói gọn trong cuộc họp hàng tuần, thừa ra thì vợ chồng bàn nốt trong nhà trước ca sinh hoạt. Chưa bao giờ người Việt tự tin và thấu hiểu cái thế giới trước đó không lâu còn liệt họ vào diện bán khai như vậy. Thế giới quan duy vật lịch sử cắt nghĩa tất cả, không để ngỏ một kết luận nào. Vật đối, sao dời, Jane Fonda là bạn rồi Jane Fonda là thù, đều trong quy luật tiến hoá của lịch sử. Chưa bao giờ ngôn ngữ chính trị đi vào lời ăn tiếng nói của quần chúng như thế. Không phải văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa bị chính trị hoá, nó chỉ bị một hiện thực chính trị hoá đô hộ, khẩu hiệu chào năm mới trong thơ Tố Hữu chỉ cố cho khỏi chêngh với khẩu hiệu kẻ vôi bên ngoài mà thôi. Song đâu là ngọn, đâu là gốc, một lúc nào đó ai còn đặt câu hỏi. Hiện thực giả hoá thân vào hư cấu thật. Văn chương gán những sơ đồ rành mạch của tư duy

đen trắng cho cuộc đời và cuộc đời bỏ những tâm tình thẳng thớm của mô hình thiện ác lên mặt giấy. Sự giản lược⁶ diễn ra đồng loạt ở mọi bình diện. Cái hiện hữu dựa vào cái không hiện hữu, cái bịa mô phỏng chính xác cái có thật, phân biệt chân và ngụy trở nên thừa.

Những năm gần đây các nhân vật hư cấu trong văn chương Việt Nam đã thay đổi đáng kể. Nửa non chưa thôi là nhân dân như đã biết, nửa già đã lạng lẽ quay về làm những số phận riêng tư của một dân chúng không còn biết, không thể biết và có lẽ cũng không muốn biết thế gian và thế giới, chính trị và chính sự, thời sự và thời cuộc... rồi sẽ ngã sang những mâu gì. Phần đông đã lại gói mình trong luân thường, định mệnh và lẽ đời, một phần nữa lặp lại lối xử sự theo tinh thần giai

6 Xem những dòng mở đầu bài viết của Umberto Eco trong Talawas 05, www.talawas.net & www.talawas.de.

thoại, diễn cố và trữ tình. Chỉ còn chờ lòi ra một con tốt có triển vọng bất hủ công khai bày tỏ thái độ bản năng, thực dụng, vô chính phủ, là chúng ta có một giai đoạn văn học hậu hiện đại biết tái sinh mọi phương tiện cũ.

Nó, đứa loong toong ngo ngẩn giữa cuộc trở mình của lịch sử, có lẽ lại xin thua một séc bóng để cứu văn thế giới mấp mé bờ tận thế sau 11 tháng Chín, dù chẳng biết cái thảm họa ấy có thật hay chỉ là hư cấu hoá thân.

Phạm Thị Hoài

5. MAN NƯỚNG

Man nướng, tôi gọi em như vậy những buổi chiều bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ trong căn phòng trống rỗng tầng ba có hai nhánh xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên.

Man nướng, em không rón rén nhưng cũng không thật đàng hoàng bằng qua một hành lang dài bếp dầu hôi chậu và guốc dép vãi như kẹo trước mỗi cửa phòng phòng nào cũng bốn mét nhân

bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ.

Trước cửa phòng tôi chỉ có một đôi dép nhựa tái sinh nâu thô kệch cỡ bốn mươi sáu là ít nhất. Động tác đầu tiên của em là cúi nhón đôi giày trần trề nữ tính vừa trút ngoài cửa vào theo, đặt chính xác ở góc càng mở cửa càng là tàng hình. Rồi mới úp mặt vào ngực tôi mở sẵn, rồi hai bàn chân trần tìm trèo lên hai chân tôi cũng đã mở sẵn em có thêm năm centimét bệ đỡ để nhích úp mặt vào cổ tôi, rồi hai cánh tay tìm ghì lên vai tôi để em đu úp mặt vào mặt tôi, thế là tới đích.

Man nương, những buổi chiều từ hai giờ đến bốn giờ tôi gọi em như vậy, từ hai giờ đến bốn giờ nắng quái ác tôi chỉ có một chiếc quạt ba mươi năm đồng cực kỳ tế nhị muốn đặt kiểu gì nó cũng tự xoay vào mặt tường, hơn nữa từ hai

giờ đến bốn giờ thành phố chưa có điện. Tôi đóng tất cả cửa sổ, mong ánh sáng cũng được tế nhị như

cái quạt. Vì sao? Man nường, em và tôi chúng ta không phải nhân vật chính trong tiểu thuyết bán chạy nhất. Điều đó đã rõ ràng. Tôi là một người đàn ông chỉ có chiều cao là chiều cao cỡ không lại được gì. Khẳng khiu, nhan nhân xương, đốt nọ đốt kia, nhiều tới mức chính tôi cũng chẳng buồn xem chúng có được một hài hòa trật tự nào đó chẳng. Chúng không có. Em đã nhìn thấy. Em còn nhìn thấy chỗ khuỷu tay tôi chỗ bẹn chỗ hai tay chảy xuống toàn là nhăn nhó. Còn chỗ ấy là một cục xám nâu thâm hại không đáng một cái liếc mắt của trường phái nạ dòng âm thầm từng trải. Ngực thì mỏng tanh. Móng tay móng chân không cắt theo đường lối. Quần áo tầm

thường. Người đàn ông này cũng không tỏa hương thơm khát ở môi ở các ngón tay dù ngón run run rờ trên em. Run run thật. Vì làm sao tôi tin được đây là không gian ái tình. Tôi cũng đã nhìn thấy em không phải một trang mỹ nữ

với đùi dài thẳng tắp với ngực vênh vênh và tóc xõa xõa. Man nương, em chẳng có gì giống thế. Đã bao lần em đứng trước gương không biết nên trách khuôn mặt hay trách mái tóc hai thứ nhất định không cùng ê-kíp. Rồi cả hai lại hoàn toàn độc lập với những gì còn lại. Đã bao lần em gắng thu xếp một tư thế lý tưởng nào đó lúc thì giấu giếm ngực lúc xua đuổi hai cái xương chậu và chủ yếu là thủ tiêu những đường cong ngược, ôi Man nương!

Em úp mặt vào mặt tôi. Chúng mình không biết hôn một cách chuyên nghiệp.

Tôi nghe người ta nói dùng lưỡi tách hai hàm răng. Em hẳn cũng nghe nói người ta xoay nghiêng một góc bốn mươi lăm độ.

Nghe nói phải từ từ gỡ hai khuy áo trên. Phải sưng sờ vài giây trước điều kỳ diệu thấp thoáng rồi có hai cách, hoặc vừa dịu dàng cúi xuống đặt môi vừa khe khẽ ngấm

như thể đẩy làm bằng pha lê bằng sứ Tàu bằng ngọc lan bằng hai giọt sương khổng lồ, hoặc tay phải bao giờ cũng là tay phải có một nhà văn đã nói về nỗi bất hạnh của những kẻ thuận tay trái cuống cuống mơn nắn vò xé từ bên này qua bên kia từ bên kia qua bên này như thể chẳng kịp như thể nó sắp đột ngột vượt lên thách thức như một dải Hoàng Liên Sơn hay sắp biến mất sau trận động đất, cách hai là cách như đại cách một là cách

như ngày. Còn em, em phải cong người ra phía sau cong mãi cong mãi con tôm của tôi chiếc lạt của tôi. Tôi mãi muốn làm mái vòm linh động rủ theo em. Che cái nắng quái ác cái nắng thiếu hẳn đức tế nhị.

Nhưng nghe nói phải diễn biến tiếp.

Bây giờ cũng có hai cách.

Cách một tôi vẫn áo quần nguyên nhè nhẹ trải em ra gấm của tôi vóc của tôi tôi có hai con mắt và một ngón tay. Em thì mắt khép đuôi khép còn lại lồ lộ run từng cơn thụ động. Cho đến khi em phải lật mình sang nghiêng, e lệ dốc thêm muốn xuống một bên lườn, một nửa số xương sườn thấp thỏm. Tôi mới liếm phơn phớt hai vành tai làm bằng nhung the và hai nhũ đầu có mùi táo Tàu. Đừng anh làm gì, em phải nói với khăn trải giường như

thế câu ấy là bắt buộc. Nếu không chúng ta là phường dối trạ.

một câu nói có sứ mệnh tổng vệ sinh tích cực thân thể xú uế của chúng ta. Rồi chúng ta lại bốc mùi đã khử trùng của hành lang bệnh viện.

Cách hai nghe nói phải oanh liệt hơn. Như thể hai dòng sông đã sốt ruột chảy và chảy qua bao nhiêu phong cảnh qua những bè gỗ thả những áo quần giặt đùm đụp đùm đụp những đập thủy điện xây vội những vó bè tần ngần, để bây giờ đổ ập vào nhau. Không có tôi trước hay em trước. Không có sĩ diện và những chùm tiết hạnh khả phong treo hoài phòng khách. Tôi phải ồn ào giải phóng em khỏi lớp trong lớp ngoài lớp lịch sự lớp văn minh giải phóng em khỏi lòng tự trọng quá sâu sắc. Tất cả sẽ rơi lả tả hoặc cuộn thành mả thành đụn vô

chủ như trên mặt trăng. Rất gợi cảm. Rồi tôi cũng hùng hổ lộn vèo qua đầu chiếc sơ-mi trong khi một tay lần này tay phải vẫn giữ em. Dòng sông của tôi dừng chảy một mình ra biển. Rồi chúng ta phải găm gù. Ở cách hai này găm gù là bắt buộc. Lẽ ra tôi dùng thêm từ rên rỉ. Nhưng trong tai tôi từ ấy xấu xí như chiếc cà vạt phải đeo đúng cách vào các dịp nào đó. Em không có cơ hội nói một câu gì vì tôi bịt kín miệng em tôi lấp hết các cửa ngõ ngay từ đầu ào ào đánh phá bằng nhiều tốc độ vừa đánh vừa kìm. Cứ như ý tôi thì thành lũy này cho phép trợn vện hại tiếng đồng hồ từ hai giờ đến bốn giờ. Cho đến khi mỗi đứa đều bằng qua điểm ích kỷ tuyệt vời chỉ còn đủ sức thán phục nhau bằng cách thiếp đi năm phút trong khi tay nắm tay nhau.

Nếu không chúng ta là phường bạc bẽo.

Vẫn hoặc là như đại hoặc là như ngày.

Nhưng đã xác định tôi và em chúng ta không ở trong tiểu thuyết bán chạy nhất. Nghe nói thì thế đấy. Nghe nói thì người ta yêu nhau cứ như thể một sự kiện. Cứ như thể tiệc tùng. Cứ như thể Niết Bàn. Tôi không có ý chống lại các superlatives như hồi vị thành niên, nhưng đã từng lên khỏi một vài tiệc lớn nơi quý ông quý bà mỗi người một chiếc ly trong tay loay hoay trình bày một phong độ. Tôi đã quẳng chiếc ly của mình vào một lùm cây gần nhất rồi chuẩn. Và cũng từng chuẩn khỏi một vài Niết Bàn nơi các quý vị nâu sồng lưỡm nguýt nhau vì xôi oản và chúng chỉ phong di tích lịch sử. Đã được xếp hạng.

Nghĩa là tôi rất yên tâm vì những buổi chiều màu xanh lơ ấy không giống như nghe nói.

Giống làm sao được. Tôi cứ nhìn kỹ vào cuộc sống của mình, soi đi soi lại, như tự nghiệm, như rắp tâm viết hồi ký, thì thấy rõ. Không có sự kiện đáng hàng tit lớn nào xảy ra với tôi. Hồi nhỏ chắc tôi cũng đã lên sởi, đã mấy lần gãy tay và mắc chứng táo bón chứng bỏ học chứng lười đánh răng. Tất cả những chuyện đó thật đáng yêu nhưng chúng chẳng cho phép tôi thành một chú bé khác thường. Tôi cũng là cái giá áo cho những trang phục hiếu chiến nhất suốt một tuổi vị thành niên. Hồi ấy mỗi ngày tôi búng ngón tay và nhổ nước miếng mấy trăm lần. Từng cái lông chân của thiên hạ đều khiến tôi giận dữ và kinh tởm. Sau khi thấy thế chỉ tổ cho bà con khu phố được

giải trí không mất tiền, tôi chuyển qua trầm ngâm. Ngay từ hồi ấy tôi đã hiểu thấu đáo ý nghĩa của việc lặn ngòi nhăm nháp một tách trà ở ngã tư Hòa Mã, nơi cứ hai tuần tàu điện lại chẹt chết một ai đó. Ngay từ hồi ấy tôi đã tập được những ý nghĩ bao quát về số phận. Tôi nghĩ ngợi về sự cầu thả không thể tin được của con người trong cái cách của họ im ỉm đóng cửa cái lộn hoặc an ủi nhau tất cả thường diễn ra quanh mâm cơm người này gấp thêm một miếng cho người kia người khác thì hất nước mắt ra chiếu, trong cái cách họ lê dế đi ra đường hoặc dính chặt vào yên xe đạp, trong cái cách họ chào nhau bằng những câu xoi mói, họ vén quần đái giữa phố một cách rất khêu dâm, họ ngồi chồm hổm ở khắp mọi nơi như những con khỉ vui sống, họ tỏ tình không ý nhị gì cho lắm, họ sục nức mùi cá biển cắt ô toàn thành phố trong

cùng một ngày. Tôi nghĩ ngợi rất nhiều về tương lai. Tương lai khi ấy đối với tôi vẫn còn là một ngôi sao treo khuất ở đâu đó. Tôi cũng bỏ công lên đường tìm kiếm những kẻ giống mình, nghĩa là những kẻ trầm tư chĩa mắt vào cuộc đời mà họ chưa từng sống. Nhưng đấy là nhận định bây giờ. Thuở ấy tất nhiên tôi lang thang đi tìm tri âm như một kẻ đã sống quá đủ kể cả đời sống tình ái. Có một cô tên Lan hơn tôi mấy tuổi chịu trách nhiệm về điều đó. Chúng tôi ngồi ở công viên Pasteur rồi chạy tuốt lên đường Lê Phụng Hiếu trốn một công an và hai dân vệ. Cuối cùng ở con dốc gần lò mổ tôi mới biết cô nàng là nạn nhân của bệnh đậu mùa và hơi rình ở miệng ở nách còn những chỗ khác tôi hoàn toàn lú lẫn. Thế là quá đủ. Tôi cặp kè sống chết với Vũ và Lâm. Vũ là một đứa loẻo khoẻo thích đội mũ phớt biết kéo vĩ cầm xuất thân

giáo sư cả bố lẫn mẹ. Trên thế gian này không có ai đáng cho nó nói chuyện dù chỉ là câu thế nào khỏe chứ. Vì thế sự trầm ngâm của tôi là hợp cách. Lâm lại là hình ảnh của rất muốn dùng bạo lực. Vì lý do tổng quát. Nó bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng chỉ riêng sự có mặt của nó trên đường phố đã đủ là lời tuyên án trực tiếp nhất nếu không muốn nói là sự khủng bố đầy hân hoan với tất cả những gì còn lại, nó với bộ râu quai nón tương lai với cặp mắt chứa chan tình cảm và đôi môi cố mím để khỏi mếu mếu cười cười. Rút cục chúng tôi cũng chỉ là bộ ba phổ biến bao giờ người ta cũng ưa chuộng con số ba. Làm như nhân ba thì phần chẵn hơn nhân bốn. Tất cả những chuyện ấy cũng thật đáng yêu thật đáng nhớ lại kể lại với gia thêm một chút bột canh Việt Trì. Nhưng sòng phẳng mà nói những sóng gió tuổi choai choai ấy đến một lúc nào

đó bỗng nhiên đi đâu hết. Tôi chẳng biết bây giờ Vũ đã đội chiếc mũ phớt thứ bao nhiêu trong cuộc đời.

Lâm đã lầm bầm nguyên rủa bao nhiêu lưỡi dao cạo. Một ngày nào đó gần đây tôi chợt nhìn thấy Vũ dắt chiếc một linh ba mặt mũi đây tự trọng kiểu trí thức thuộc địa và theo sau một quăng nghi binh là một nàng đeo kính cổ tách khỏi môi trường. Tóc nàng để rất dụng ý. Khóc miệng thì chán chường căng thẳng. Những phụ nữ hạng siêu việt này chỉ có một mục đích trong cuộc đời là săn tìm một người đàn ông có thể hiểu được mình. Họ quả là không đơn giản chút nào. Tôi mừng cho Vũ từ đằng sau. Thế là nó đã tìm được ai đó đáng cho nó nói chuyện. Thế là nó đã trưởng thành, đã có một đời sống xã hội thật rồi cứ nhìn cách nó chọn xe pháo thì biết. Còn

Lâm đôi ba lần lướt qua ngay sát mũi tôi nhưng tôi chẳng kịp đánh hơi xem nó là ai. Mà tôi chắc cũng không dậy mùi VIP khiến nó phải miễn cưỡng ngoảnh lại. Nó đã quệt vớ cái đèn xi-nhan bên trái của tôi để lách chui qua chiếc chắn tàu ở đầu đường Khâm Thiên, nó tỏ ra biết quý thời gian ở tình huống chắn tàu như phần lớn người Hà Nội hiện đại và cũng giống như phần lớn người Hà Nội hiện đại nó không xin lỗi. Thế cũng là một trưởng thành.

Man nường, chẳng bao giờ em cật vấn tôi tôi cật vấn em xem chúng ta có đáng một hàng tit lớn nào không. Cứ thử nghĩ xem khi người người ta đẹp khi người ta cường tráng người ta nổi tiếng và giàu có mà lại còn yêu nhau và yêu nhau hợp đạo lý thì có gì mà nói nữa. Hoặc khi người ta bị xô vào nhau như

Chí Phèo Thị Nở thì cũng chỉ cần nói một lần trong sách vở là đủ. Chúng ta chẳng có gì giống thế.

Tôi rất mừng thấy em không phải hạng phụ nữ siêu việt như trên vì tôi không thích là mục đích của đời em. Nếu như thế tôi sẽ bứt rứt sẽ gồng lên và một lúc nào đó cái không gian ái tình màu xanh lơ nóng hầm hập tro bụi của chúng mình dứt khoát sẽ biến thành vũ đài. Tôi sẽ vung vẩy hò hét ở đó trên cơ sở cặp mắt sáng rực của em. Không, vì tôi biết tới gần giây phút sung sướng có thật nhất có một màn mây mỏng dùng đục kéo qua mắt em, trông em đau đớn thất thần như trong cơn vượt cạn, rồi ở cái điểm ích kỷ tuyệt vời ấy em lơ đãng nhắm mắt, khẽ trào ra một hai giọt lệ, còn tôi thì khịt khịt như bị ngạt mũi. Theo thẩm

mỹ riêng của tôi như thế đáng cảm động hơn vũ đài.

Tôi cũng rất mừng thấy em không phải hạng phụ nữ nổi loạn muộn măn. Em không có một quá khứ đại đột nào để bây giờ phải cân bằng. Em cũng không hăm nhừ chúng mình trong nhiệt độ cao của những tâm hồn bây giờ mới biết bốc cháy. Em lại càng không xoa dịu lương tâm bằng cái cách phổ biến là vò xé nó. Không phức tạp, không riết róng, không ồn ào. Nếu cần nói về em, tôi luôn chỉ biết em không như thế nào. Cứ trừ dần trừ dần đi, có thể còn lại là em, ôi Man nưong!

Tôi thường hết lòng ngắm em vào lúc hai giờ năm phút và bốn giờ kém năm phút. Hai giờ năm phút em gỡ tóc ra và chải. Bốn giờ năm phút em chải và

búi tóc lên. Bao giờ cũng chùng ấy động tác xoắn xoắn vuốt vuốt chùng ấy sợi tóc rụng mơ hồ. Bao giờ cũng là cái lược ấy, cũng nhựa tái sinh, cũng màu xanh lơ, bán rất nhiều ở các tiệm hàng xén ngoài chợ. Tôi không thể hình dung em với một cái lược khác. Đến nỗi buổi chiều cuối cùng tôi đã hỏi xin em cái lược ấy. Em nhẹ nhàng hỏi như thế có xúc phạm vợ anh không. Tôi cười trừ và bỏ ngay ý định. Tôi không cho phép ai cho phép cái gì xúc phạm vợ tôi ngoài chính tôi. Nàng cũng biết thế và nàng không đau đớn quá mức cần thiết.

Ở khoảng giữa hai lần chải đầu, tất cả diễn ra đều đều trật tự. Tôi đã nói rồi, không có sự kiện. Đầu tiên em lơ đãng liếc qua một hai mẫu báo rơi chệnh mảng trên sàn tôi thường mua bánh mì kẹp trong giấy báo. Trong khi đó, tôi

kiểm tra một lần nữa các cửa sổ rồi rót nước lọc cho em vào cái nắp phích. Tôi tới ngồi bệt trên sàn cạnh em, quạt quạt bằng bìa tờ phụ san thể thao văn hóa. Có Madonna và Maradona. Chẳng bao giờ tôi đưa ra một nhận xét tích cực về áo quần và mùi hương của em vì với em tôi không nở nịnh. Em trang phục theo lối tổng thể không thay đổi nên mọi nhận xét về biến cách của chi tiết một cái cổ áo dầm ba cái cúc mấy đường chít chít lượn lượn đều vô ích. Chỉ có một lần em giặt thêm hoa ngọc lan trong nịt vú. Đây không còn là biến cách mà là một phá cách đàng hoàng. Nhưng chỉ một lần em không lặp lại chẳng hiểu vì sao tôi cũng không hỏi.

Rồi lượng chừng mẩu báo đã dẫn luận xong, tôi đỡ em nằm xuống vẫn ngay trên sàn nhà chỉ thêm hai chiếc gối

chứ chẳng giường chiếu khăn khiếctrải gì hết. Hai chiếc gối bọc cùng loại vải kẻ ô cùng một đường may như đôi quần đùi của tôi. Em sẽ không nói gì với khăn trải giường, phải rồi, đấy là một tất yếu. Trong cái ánh sáng khó tả đã được tôi dàn xếp trước, trên nền gạch vàng nhờ nhờ và từ góc nhìn chênh chếch xuống trông em thật tươi. Mi mắt sẫm hơn, vành môi rõ ràng hơn, gò má thanh thoát hơn. Tôi ôm em một lúc vừa ôm vừa quạt vẫn phẩy đi là Madonna phẩy về là Maradona. Được khoảng trăm cái tôi mới tay em cũng tự động nhích ra. Đến lượt những câu chuyện băng quơ. Có gì mới không em, có gì mới không anh, hai câu hỏi và hai cái lắc đầu thế là đã hết năm phút. Đấy là tốc độ sống bình thường, tôi biết có những người còn chậm hơn. Chúng ta đào đầu ra từ bốn giờ chiều hôm trước đến hai giờ chiều hôm sau những thông

tin túi bụi, tôi với em chúng ta thuộc loại chưa từng gọi đi đâu một bức điện khẩn. May mắn mỗi người trong chúng ta có được một hai quyết định tạm gọi là quan trọng trong cuộc đời. Trong cả cuộc đời, tôi muốn nhấn mạnh. Hai mươi hai tiếng đồng hồ chỉ vừa xoắn cho ta tự nhiên già đi một chút không nhận thấy, tự nhiên quên đi một cái gì không rõ, tự nhiên ra ra vào vào thêm mấy lượt ở ngay cửa nhà ta mà thôi. Nghe thì chán nhưng thật ra tất cả những chuyện ấy cũng thật đáng yêu. Vì thế tôi vẫn đầy hứng khởi theo sát những chuyện không mới của em. Hôm nay con bé nhà em lại nhất định không chịu đi nhà trẻ. Hôm nay em gặp chị ấy chị ấy ở đầu chợ Hôm lâu lắm không gặp trông có vẻ béo ra. Lý tưởng thẩm mỹ của em là béo tôi có thể hiểu được. Hôm nay hôm nay hôm nay. Tôi không có khả năng miêu tả cuộc đời mình giản dị sinh

động như thế, nên lòng dần tràn âu yếm. Và bắt đầu run run rờ trên em. Làm sao tôi tin được đây là không gian ái tình.

Em nhồm dậy xoay lưng cởi áo tôi cũng nhồm dậy xoay lưng. Bên nào ra bên ấy không có cảnh ngổn ngang vô chủ. Trung thành với truyền thống mảnh trong vẫn ở trong mảnh ngoài vẫn ở ngoài ngăn nắp trên sàn. Em không hề biết trên đời có cái gọi là hiệu ứng đồ lót. Còn tôi cũng không hề biết cách nâng niu những thiên thể bé nhỏ ấy tôi sợ chúng tuột qua kẽ ngón tay. Rồi chúng ta cùng quay nhanh lại cùng trườn vội vào lòng nhau cùng nhìn sâu vào mắt nhau thế là mắt khỏi chạm vào những chỗ khác. Tay cũng thế môi cũng thế nói chung cái nào cái ấy rồi tất cả cùng trật tự đi tới đích, hoặc thỉnh thoảng cũng không đi tới đích. Tình thần chung là không sáng

tạo. Có thể tôi luôn tỏ ra sung sướng hơn tình cảnh thực một chút. Có thể tôi tìm cách giấu giếm một vài cố gắng. Và có thể em một đôi lần cũng nhẩn nại nằm đó cho cái tình yêu thật kém điều luyện này có chỗ mà đậu vào. Có thể như vậy. Đây không là những động tác giả. Đây chỉ là để thay thế những xin lỗi cảm ơn tương kính như trong hội nghị mà chúng ta chẳng thể du dương cất lên.

Sau đó đến lượt em quạt, quạt mãi quạt mãi, vài chục nghìn chiếc tôi đếm không chính xác vì lần nào cũng thế đúng lúc ấy hai nhánh xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên đột ngột lách qua một khe cửa sổ nhòm vào. Như một nụ cười hiền. Nhân chứng duy nhất đấy, kẻ khích lệ duy nhất đấy. Tôi quên bằng những đốt xương nhan nhân của mình, quên sự trầm tư, quên rằng

bên cạnh tôi em đã thu xếp được một tư thế lý tưởng từ lâu; tôi nháy mắt và đánh lưởi với một con thạch sùng treo lẳng phắc trên trần; tôi ư hử trong cổ họng: Man nương ới Man nương. Không bao giờ em biết tôi gọi em như thế.

Buổi chiều cuối cùng đợi em búi tóc xong tôi đã bẻ một trong hai nhánh xanh ấy trao cho em. Em chớp chớp mắt ngạc nhiên rồi bỏ nó vào chiếc túi cán thường đeo kéo phéc-mơ-tuya thật chặt. Một nửa nụ cười hiền nhàu nát theo em vượt qua lại một hành lang dài bếp dầu hôi xô chậu và guốc dép vãi như kẹo...

Tôi định bụng đem theo nốt nhánh xanh còn lại sớm hôm sau khi già từ Hà Nội. Nhưng việc ra đi bận rộn khiến tôi quên đi mất. Căn phòng của tôi đã bán.

4.1992.

6. TẶNG TÁC GIẢ NHỮNG NHÂN VẬT XUNG EM

Chỉ có hai mẹ con trong căn buồng như một ga tàu treo mào hiểm trên tầng năm. Hành khách toàn đàn ông. Họ là những người quen ra vào nơi công cộng. Cứ thử quan sát họ, dù ở một nhà vệ sinh thu tiền, hay bu quanh một góc tiểu tiện khoan khoái ẩm cúng giữa phố, bao giờ họ cũng khác khi ở gia đình riêng. Nghĩa là giấu chỗ bí tất thủng dưới lòng bàn chân, cân nhắc tùy mức độ các

động tác và lời nói, và hay chột dạ. Xung quanh có ba hàng xóm. Ông số 7 của mẹ, làm nghề thu tiền điện, bảo, đến nhà nào cũng thấy một con đực, và kè kè bên nó một con cái, không rõ có phải của nhau hay không, nhưng xem ra cố định. Nhà nào cũng thế, khiến ông ta ghen ngào. Em đã thử sang xin muối của cả ba hàng xóm. Quả có thể thật. Riêng nhà em một kiểu. Mẹ thường bảo, mẹ con mình sống kiểu thời chiến. Không có ông nào đào ngũ, về ở hản với mẹ.

Trong căn buồng - ga tàu treo của hai mẹ con, cái gì cũng chuẩn bị nhổ neo, không ở yên một chỗ, cái gì cũng phấp phới bay, nhất là bức bình phong vải phin hoa nội địa ngăn giữa nơi tiếp khách của mẹ và góc học tập của em, cái gì cũng mang tinh thần không rõ ngày mai trôi giạt phương nào, trừ những cuống vé

của đám hành khách đàn ông. Chúng là kỷ niệm, nên có quyền chất lù lù thành núi, không ai can thiệp được. Kỷ niệm mang hình đầu lọc thuốc lá còn hằn rõ vết răng, vừa cắn vừa ngậm kiểu đàn ông, bẹp gí, nong nong. Rồi những bức thư, cả xấp chưa trả lời, cả xấp nguyên không bóc, cả xấp bị xé vụn, rồi những mảnh vụn lại được giấu dưới một đáy hộp nào đó. Đủ kiểu giấy: ông này xé sổ tay, ông kia rình kiếm loại xa xỉ ngoại quốc, ông nữa dùng loại kẻ ô ly, chắc có con đang học lớp dưới. Rồi những lọ nước hoa được sản xuất từ những nơi có truyền thống yêu đàn bà, đã dùng cạn vẫn xếp hàng góp mặt trên giá. Album ảnh thì đầy những khoảng trống lem nhem như bộ nhớ của thời gian, với dòng chữ và con số chứa toàn bộ điều bí mật đã dập xóa công phu bên dưới. Kỷ niệm còn là những vết thủng trên tường bê-tông...,

một đồ đạc treo nặng nghĩa tình nào đó đã sơ tán... Mẹ con em sống kiểu thời chiến, kỷ niệm cũng nguy trang, vội vội vàng vàng. Có iúc, em muốn châm lửa đốt sạch, giải tán luôn cái nhà ga này, hay tế nhị hơn: dùng chiếc quạt tai voi già nua xua tời tả đồng kỷ niệm không chịu tự động hành quân ấy ra ngoài cửa sổ, cho chúng đậu xuống mái nhà tầng dưới -dưới ấy và dưới ấy nữa, sâu xuống lòng đất, chắc chắn chỗ nào cũng là một con đực và một con cái cố định bên nhau - thành rác rưởi ở đó, công khai bằng hoại ở đó và thối hoảng lên, để mỗi lần nhìn ra cửa sổ, mẹ, người nhạy cảm với hương thơm và cái đẹp, phải rùng mình. Nhưng không. Mẹ, hoặc mở toang cửa sổ, mắt phơn phớt một chút xanh, môi phơn phớt một chút hồng, miệng không ngậm được vì cứ phải cười một mình và hát một mình, còn tâm hồn thì bay trước

xuống tận chân cầu thang tầng một, bắt chắp phân chó của cả năm tầng g, rạo rục hờ, hoặc đóng sập cửa sổ, quật lên những chiếc gối trắng tinh các bức màu nước đầy ấn tượng xanh hồng và đen sì chì kẻ mắt made in Japan, rồi vò nhàu chúng, phẩn nộ, tức tưởi như họa sĩ không hài lòng với tác phẩm, vò nhàu tóc tai người ngợm và nữ tính bất diệt của mình, và, hai tiếng đồng hồ sau, bài thơ “Bầm ơi” em chưa kịp thuộc lòng câu kết, mẹ lại mở toang cửa sổ: quá khứ đã được thanh toán đàng hoàng bằng nước mắt ba màu. Thế thôi, chứ mẹ không rùng mình. Núi kỷ niệm còn đó. Mẹ chẳng sống với nó, nên em thành người cai quản. Trong căn buồng - ga tàu treo của hai mẹ con, em là người kiểm vé.

Diễn biến cái mối tình của mẹ, tổng kết một cách khoa học, luôn giống nhau:

bao nhiêu sung sướng, bấy nhiêu đau đớn, cho cho nhận nhận, cao trào, thoái trào, cộng trừ xong tóm lại là bằng không, trừ trường hợp người đàn ông mới toanh hiện nay của mẹ, và của em, và dĩ nhiên trừ những khoản thư giãn dễ chịu. Nhưng mẹ, người không hề rùng mình trước triển lãm ký ức mà em có thể tổ chức tế nhị ngoài cửa sổ, trên mái nhà tầng dưới, lại rùng mình trước lý lẽ mổ xẻ và khái quát của em. Những nẻo đường của tình cảm, con gái ơi, bất ngờ pháp phỏm lắm. Đừng soi mói chúng. Chúng biến hóa vô cùng. Hãy để chúng tự dắt con đi, đừng cố gắng kiểm soát, đừng dùng lý trí làm nỗ lực cưỡng lại. Mẹ nói thế, vì mẹ mang trái tim thiếu nữ mù lòa của em. Với em thì đã muộn.

Em, vì còn ai nữa đâu trong căn buồng thời chiến, nhận trái tim thiếu

phụ mệt mỏi và cạn kiệt cảm xúc của mẹ.

Vậy là, đầu tiên mẹ tò mò, khởi điểm của sung sướng. Ông số 7 chẳng hạn, gây ấn tượng đáng kể bởi những ngón tay dài màu vàng nâu luôn lơ đãng. Ông ta là một người đàn ông trung niên có đủ thứ mặc cảm. Thông thường, ông ta trốn khỏi mở mặc cảm đó, bằng cách theo đuổi những ý nghĩ xa xăm. Người trước đó, em nhớ, có bàn tay ngắn mập mạp, hiếu động, hiện thân của sự vui vẻ. Hẳn no đủ và hơi quá vui tính, em nhớ, em đã phàn nàn như vậy. Ông số 7 lơ đãng và phiến muộn. Mẹ đã ngồi ngây ra khi ông ta đốt thuốc lá như thắp hương. Điều thuốc cứ tự cháy tàn trong lòng chiếc đĩa con đựng chén trà hầu như không được đụng tới, hết điều này đến điều khác, những điều thuốc lá đất tiền của mẹ, trong khi ông ta lơ đãng hướng nội. Nếu có hút vào, ông

ta cũng sẽ ho sặc sụa. Nhưng cứ châm thuốc, để đó, hướng nội cái đã.

Ông hướng nội, ông hướng ngoại, mẹ chạy vòng quanh, cũng là một thế giới lạc quan.

Ông số 7 là một trong những tai họa lớn nhất của mẹ. Sau ông ta rất lâu, thỉnh thoảng mẹ vẫn đỏ mặt khi bị em bắt quả tang đang dăm dăm nhìn điều thuốc mẹ tự tay đốt trong lòng đĩa, với lời cầu nguyện bí ẩn trên môi. Một tôn giáo mới ra đời. Em đưa cho mẹ một trong chín cái gạt tàn chính quy nằm rải rác khắp nơi, để bất cứ ở tọa độ nào cũng tiện cầm tay với. Rồi em xoay lưng lại, cho mẹ áp hết tất cả các đốt xương sống lạc quan của mẹ lên em, tựa vững chắc vào em, vì còn ai nữa đâu trong căn buồng thời chiến. Mẹ quả là phi thường. Mẹ luôn biết cách biến các tai họa thành điều

may mắn. Sau ông số 7, mẹ đã may mắn rút kinh nghiệm là nên tò mò vào những điều thiết thực hơn. Thế là mẹ gặp một ông luôn đứng ra tổ chức rất thành công các hội thảo và hội nghị khoa học cho người khác phờ phạc ngồi nghe, còn ông ta, thấu hiểu rằng sự thật nằm trong cốc bia của những chiến hữu thân thiết, nên chỉ xuất hiện để khai mạc và tổng kết. Sau đó, mẹ quan tâm tới một ông bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ đang chiêu khách cho phòng khám tư nhân. Ông này hùng hồn nêu cao nhu cầu đặt lại, chẳng hạn, một ngón chân cho ngay ngắn, dù con người ta phần nhiều xuất hiện dưới mắt nhau trong giày và bí tất.

Khi ông ta về, mẹ lập tức ra mắt trong bộ đồ tắm hai mảnh mà mỗi mùa nghỉ mát mẹ đều thầm nghĩ nó đã hết mốt. Em cùng chiếc đèn bàn Liên Xô cổ

ngổng gật gù đi vòng quanh mẹ nhiều lần. Phải khách quan, con gái ạ, đừng mẹ hát con khen hay, như thế không tiến bộ được, mẹ yêu cầu khe khẽ. Không, mẹ ơi, cơ thể ba mươi sáu tuổi của mẹ thật tuyệt vời, ông bác sĩ miệng cá ngao đó đừng hòng hy vọng, em quả quyết thế. Ông ta hãy về mà cắt dán móng má và xếp lại các ngón chân cho chính vợ ông ta í. Bà í rất cần. Mẹ cảm ơn em. Em cùng chiếc đèn cổ ngổng trở về xem xét lần cuối những chỗ lõm lồi trên bản đồ Việt Nam cho cuộc biểu diễn vẽ theo trí nhớ trong giờ địa lý sáng hôm sau. Câu chuyện bên kia bức bình phong của ông bác sĩ khiến em không thể vượt qua đoạn sần sùi ở bờ biển vĩ độ mười hai mười ba. Sau lưng em, mẹ đang hỏi ý kiến tấm gương Pháp, tài sản duy nhất mẹ yêu cầu và được quyền sử dụng sau ly hôn. “Chính con mới là tài sản duy nhất của

mẹ, con gái ạ”, mẹ thường nói thế, nhưng lòng tin cậy gửi gắm của mẹ vẫn tiếp tục chao đảo giữa em và tấm gương. Ánh mắt mẹ sáng ngời khi chạy trên đường viền khuôn mặt thanh tú và đường cong hoàn hảo của bờ vai, bộ ngực, nhưng tối dần, tần ngần dừng lại và cũng không vượt qua nổi khu vực tương ứng như trên tấm bản đồ của em.

Sáng hôm sau, bài kiểm tra địa lý của em là nguyên vẹn mẹ, trong bộ đồ tắm hai mảnh đầy lo âu, hình chữ S. Em đã vẽ đoạn phình ra, sần sùi, ở vĩ độ mười hai mười ba thật đàng hoàng, thật âu yếm, để mẹ không cần mặc cảm gì hết, để mẹ đừng tin những tấm gương, dù là gương phẩm chất đã được thử thách của thời xa xưa để lại. Chính vì em, và cho em, chỗ ấy mới sần sùi thế. Nên với em, nó tuyệt đẹp, nó cảm động hơn tất cả những cái

bụng mĩ miều của các hoa hậu. Hơn nữa, khi người ta mang một trái tim thiếu nữ luôn đập loạn xạ, thì cái túi thịt bên ngoài nào có ý nghĩa gì. Và nhìn chung, tại sao phải bận rộn đến thế vì riêng cái tấm thân? Rאי sao phải quan tâm nhiều đến nó thế, dành cho nó lắm phát minh thế, phụ thuộc cuộc đời vào nó thế?

Mẹ suốt đời mang trái tim thiếu nữ của em.

Ngay chiều hôm đó có cuộc gặp mặt trực tiếp giữa nhà trường và phụ huynh phía bên kia bức bình phong phấp phới. “Bây giờ, tôi thật không còn ngạc nhiên về điều gì nữa”, thầy giáo dạy địa lý vò nát bức chân dung mẹ, phác họa bởi thiên tài của em, với dòng ghi chú “Mẹ Việt Nam”, rồi lại vội vàng mở ra, vuốt phẳng, nhét vào cặp, để còn trình ban giám hiệu, và ba chân bốn cẳng chạy

thực mạng khỏi căn buồng - ga tàu treo. Thỉnh thoảng cũng có một hành khách nhăm ga như thế. Chẳng qua, thầy chỉ là một người đàn ông nhỏ thó, luôn kinh hoàng trước sự lễ phép giấu cọt của đám học trò phổng phao. Rồi sự thân ái của đồng nghiệp cũng giấu cọt. Tôn ti trật tự trong gia đình cũng giấu cọt nốt... Mẹ áp lên má em một giọt nước mắt và không bao giờ nhắc tới ông bác sĩ nữa. Mỗi lần mẹ khóc, bộ ngực mẹ như muốn bật tung ra, rơi vào tay bất cứ ai đang ở gần. Bên kia bức bình phong, đã bao nhiêu ông khách phải làm phúc giữ hộ bộ ngực không chịu ở yên một chỗ ấy. Em đã nói, trong căn buồng này chẳng có gì cố định.

Sau tò mò, mẹ chuyển sang khám phục, hoặc xúc động, hoặc cả hai thứ một lúc. Mẹ đã khám phục đủ thứ. Một ông luôn nói những lời mơ hồ mà mẹ

chẳng hiểu gì hết, nhưng mê mết linh cảm đằng sau đó những điều thiêng liêng to tát. Một ông đi đâu cũng được thiên hạ mời mọc hỏi han, khiến mẹ vô cùng hãnh diện. Rồi những ông luôn đứng hện, ôi con người mới đáng tin đáng quý làm sao, những ông nhạy cảm lạ lùng, những ông nho nhã, những ông khéo tay, những ông cương cường dũng mãnh, những ông rất đổi dịu dàng, những ông mực thước thâm thúy, những ông phóng khoáng bao dung, những ông uyên bác thông minh, những ông vô cùng bí hiểm, những ông mộng mơ, những ông quần áo chẳng có gì mà trông lúc nào cũng thích mắt, những ông giản dị khiêm nhường, những ông cực kỳ lịch duyệt, những ông trẻ thơ, những ông là đá hoa cương, những ông là người thuyền trưởng, những ông giàu óc thực tiễn, những ông yêu súc vật, những ông luôn biết điều,

những ông chối lợi tài năng, những ông quên mình cho lý tưởng, những ông chẳng làm ai buồn, những ông không hắt xì hơi trước mặt phụ nữ và trẻ em, những ông là cả một thế giới độc lập ngang tàng, những ông vui vẻ xách làn cho vợ... Các ông ấy, ông nào cũng hơn hẳn những ông còn lại, hơn hẳn và hơn tất cả, ông nào cũng “Tôi thế này”, “Phải tay tôi thì”, “Tôi nghĩ”, “Tôi muốn”, ông nào cũng trình bày mình như một cơ hội lớn trong cuộc đời đến là nẫu ruột này. Như thế, hỏi mẹ nhẹ dạ của em làm sao không run lên? Và khi mẹ đã thán phục, thì xin tào hóa đừng tự ái, đừng khuyên nhủ, đấy bao giờ cũng là người đàn ông duy nhất và cuối cùng trên mặt đất. Mẹ mở lòng ra, khâm phục thậm chí những ông “chẳng có gì đặc biệt, nhưng con gái ạ, đấy mới là điều dễ chịu nhất. Rồi sẽ đến lúc con biết đánh giá đúng mức sự

dễ chịu”. Em không còn cơ hội để đánh giá điều gì nữa. Em đã sống trước tương lai đàn bà của em trong mẹ, đã gửi cả vào mẹ trái tim mười sáu tuổi cường tráng của em, và nhận chân canh giữ kỷ ức quá tải ái tình của mẹ. Ở nước ngoài, em có thể là một bồi phòn g tốt, được trả lương cao, em có thể là một bồi phòng cam.

Vâng, em mười sáu, em định nghĩa tốt chứng lãnh cảm.

Mẹ, đã thành chu kỳ, cứ sau ba cuộc thăng trầm lại lớn tiếng ca ngợi sự dễ chịu thuần túy. Đó là những khoảng thư giãn ngay trong tình yêu, vì tình yêu trong cuộc đời mẹ không ngày nào được nghỉ. Thỉnh thoảng, mẹ nghỉ ngơi trên mặt hồ, trong một nhà hàng ấm cúng mới phát hiện, hay trong một buồng khách sạn ven đô, với slip mặc lần đầu, đồ hộp, và một người đàn ông không thuộc về mẹ một

khoảnh khắc nào, cũng như mẹ tuyệt đối không thuộc về ông ta. Ông ta là cả một khối dễ chịu đồ sộ, với bàn tay nóng ấm mơn man lịch sự, không cuống cuống, không thúc bách, bàn tay biết nghe lời và biết yêu thương đặc biệt những khu vực giàu mặc cảm của mẹ, vĩ độ mười hai mười ba, để mẹ nhắm mắt quên đi, quên đi cái quá khứ nông nổi lỗi lầm, quên đi đứa con gái vị thành niên mắc chứng lãnh cảm, quên đi, hay đừng sống trước những gì chờ đợi, vì em ơi, những nẻo đường của định mệnh làm sao kiểm soát nổi. Em ngốc lắm, em ngu nữa, ông ta bảo mẹ thế, hãy để yên, anh thấy dễ chịu. Mẹ và ông ta, họ không tương tư nhau. Họ biết ơn nhau. Thế, đối với cuộc đời bị thóa mạ thường trực của mẹ đã là quá nhiều an ủi.

Khả năng xúc động của mẹ còn khổng lồ hơn khả năng khâm phục. Mẹ cứ rối rít lên như cần ăng-ten, bắt đủ thứ sóng ngắn dài. Những làn sóng lượn qua nhau, đè lên nhau, nổ lực bực trong lòng em. Lòng em là cái loa hỏng từ lâu. Ông số 7 chẳng hạn đã đánh gục mẹ bằng sự bất hạnh triền miên của ông ta, một sự bất hạnh không cần đeo thêm nội dung nào cụ thể, một sự bất hạnh có tính nguyên tắc. Ông ta bất hạnh khi ngồi trước mặt mẹ, bên kia bức bình phong, cả hai cùng im lặng thật hồi hộp về màu sắc, để tránh cho thế giới học trò của em nguy cơ ô nhiễm. Ông ta tiếp tục bất hạnh, khi em trang trọng kiểm có xuống nhà đổ rác, nhân tiện mua ô mai. Và tất nhiên khi ông ta chào mẹ để về thuê thẳng con trai chín tuổi đi học, cứ điểm mười năm trăm, điểm chín bốn trăm, điểm ba tám trăm, từ bảy trở xuống không tính, khi

ông ta chào mẹ ở chót vót trên tầng năm để về thực thi nền giáo dục và nghĩa phụ tử kiểu ấy, rồi gặp em mọc rễ bên cái xô bán ở đầu đó bên dưới, miệng tê dại vì đắng và chua không mở ra chào ông ta được, thì nỗi bất hạnh của ông ta nhuộm toàn bộ không gian xung quanh khu cầu thang trong một vầng hào quang đen ma ám. Sự bất hạnh là cái gì mà quyến rũ thế, em hỏi. Mẹ giật cái xô rác trong tay em, ném choang xuống cầu thang: “Nói như thế là sỉ nhục người khác, con không biết à!” Cái xô trống rỗng thoát đầu lao vun vút xuống, ba bậc một, ngập ngừng dừng ở khoảng chiều nghiêng chật hẹp hà tiện, rồi quả quyết tự chỉnh hướng, quay lại, khổ sở leo lên từng bậc thang và nhả nhục đứng trước mẹ, như thầm nói: “Thưa bà, tôi không có sĩ diện”. Mẹ ngất. Sau này, ông số 7 cũng nói, đại ý, ông ta không có sĩ diện. Ông ta là công dân của một đất

nước ở vào thời buổi không có gì đáng sĩ diện hết.

Mẹ vẫn mở lòng ra, xúc động trước tất cả: những ông khát vọng không chịu già đều cùng tuổi tác, những ông lạc lõng giữa các bầy nhóm và tập đoàn, những ông chỉ sống để trả thù các thành công không xứng đáng của kẻ khác, những ông cao dưới một mét sáu mươi, những ông dang dở mọi nhẽ, những ông phải tiết kiệm hai trăm gửi xe, những ông lên gân cho các cuộc giao du quý phái, những ông không làm cách nào ly hôn được với vợ, những ông đắm đầu vào bệnh lậu trong tinh thần ngơ ngác, những ông vất vả ngược xuôi thu phát các tư tưởng độc đáo, những ông tuyệt vọng chống trả bị kịch bị lãng quên..., và ưu tiên số một là những ông công dân bất hạnh. Hai khả năng của mẹ, khâm phục và xúc động, là

hai cánh tay khổng lồ vươn ra ôm trọn thế giới đàn ông, không cho ông nào thoát. Thế, nên khách nhà em thường bắt tay nhau sưng sờ. Người đáng kính ngồi kể kẻ đáng thương. Ông thành đạt chìa tay cho ông chưa thành đạt và ông không bao giờ thành đạt. Họ khinh trọng nhau ở đâu, chứ ở nhà em, tất cả đều bình đẳng trong vòng ôm khổng lồ, trong gọng kìm của mẹ. Giấc mơ đại đồng của nhân loại được thực hiện phân nửa bởi một phụ nữ nhẹ dạ, lầm lỗi như thế.

Cũng không ông nào thoát cơn say đắm của mẹ. Mẹ luôn phải say đắm một người đàn ông nào đó. Mỗi lần mẹ say đắm, em còn lại một mình, hai đầu gối kẹp chặt trái tim. Nhiều lần như vậy, nó đông cứng lại trong một hình số 8 vẹo vọ.

“Mẹ sẽ mua một con chó Nhật nhé,

xinh lắm”, mẹ nói thế vào một buổi sáng sớm, khi mẹ rón rén trở về và bắt gặp em ngủ ngời đằng sau cánh cửa trông ra cầu thang. Mẹ rón rén trở về, guốc cầm trên tay, con hươu ba mươi sáu tuổi, cười bối rối bằng màu môi thật, trông cảm động hơn tất cả những cặp môi rục rở của các hoa hậu. Đó là ngoài môi, còn sâu trong cổ họng là những âm thanh bị nén lại theo phép ứng xử. Cũng một kiểu thực thi nghĩa phụ tử. Đáng lẽ chúng phải được tự do xô tung ra, kêu lên, gào lên, rằng mẹ đang hạnh phúc. Nhân loại đại đồng và hạnh phúc. Vâng, mẹ rất dễ hạnh phúc. Mẹ có thể tự nguyện hạnh phúc trong phạm vi đường kính một mét tư, quây tròn bởi những mảnh bọt và ni-lông chấp nối trong khu vườn nhỏ lạo xạo sỏi và tiếng thâm thì rên rĩ của hầu hết các quán cà phê Hà Nội. Chủ quán ắt phải là một người đàn bà còn giữ nguyên vẻ

lam lũ đức hạnh của một đời làm cán bộ nhà nước hưu non. Bà ta sẽ sốt sắng, gần như xun xoe tuần các đĩa hướng dương, thuốc lá điếu lẻ và kẹo cao su vào từng lỗ ái tình bập bùng kín mít, trong đó có mẹ. Mẹ cũng sẵn sàng hạnh phúc khi người đàn Ông đi cạnh chỉ đi cạnh, chứ không dắt tay mẹ dung dăng, để mẹ được tỏ cho phố phường náo nhiệt vô danh biết mẹ là người đàn bà được che chở. Mẹ hạnh phúc bất chấp cả ba nhà hàng xóm, thỉnh thoảng nghe tiếng chân ngoài cầu thang lại hé cửa, cho một ví dụ về đạo đức. Em thế, hỏi các người, từ nay ta sẽ không sang xin muối nữa! Thậm chí câu hỏi băng quơ nhiều lần của viên cảnh sát khu vực: “Thực ra, chị làm nghề gì nhỉ?” cũng không thể ngăn cản mẹ hạnh phúc. Mẹ có hai bằng đại học, bốn ngoại ngữ, ngoài ra còn làm thơ. Mẹ là trí thức hạng nặng.

Con chó Nhật không kịp đến, ông số 7 đã ra đi. Ông ta không có điều kiện hành động giống cái xô rác hôm nào, vì các cuộc chia tay của mẹ bao giờ cũng mang tinh thần chiến tranh: người ta phải dũng cảm và quyết liệt bằng mọi giá. Rồi mẹ sẽ có một say đắm số 8, hy vọng rằng không vẹo vọ như số 8 kẹp chặt giữa hai đầu gối của em, tất nhiên. Nếu cần, mẹ sẽ rút ngắn các giai đoạn tiền say đắm để nhanh chóng đạt đến cao trào sung sướng hơn. Đó thuần túy là vấn đề kỹ thuật. Nhưng kỷ nguyên sau ông số 7 bỗng mang một dấu hiệu nguy hiểm: mẹ cũng bắt đầu lơ đãng hướng nội. Mỗi lần mẹ hướng nội, em lại còn tro một mình, nhưng không có thời gian quan sát trái tim lập dị của em, vì còn bận canh chừng ấm điện, tàu ngầm, máy sấy tóc, bếp đun, bàn là, vòi nước, những vật thể cho nội tâm cuối thế kỷ hai mươi của

mẹ. Bất cứ lúc nào, căn buồng - ga tàu treo mào hiểm của hai mẹ con cũng có thể bùng cháy hay thê thảm đắm chìm.

Rồi một chiều, mẹ ra mắt em và tấm gương Pháp dưới dạng một cuộc cách mạng: mái tóc từng làm khu cầu thang sục mùi phân chó phải xao xuyến bây giờ là một mớ xoắn tít, cụt lủn, màu móng chân móng tay thì nhức nhối với màu môi màu mắt, và triệt để hơn cả là bộ quần áo lóng lánh nhùn nhũn, toàn bộ giống như một con ngỗng đang hoang mang giữa một trường giả và một hí-pi. Thế là mẹ trở thành một phạm trù. Càng ngày càng nhiều những phạm trù tương tự xuất hiện trên đường em đi học. Các mợ sục tỉnh cơn thèm sống. Các mợ khuynh. Các mợ vút vỏ kẹo cao su và cười Honda nát đường em đi học. Em và tấm gương Pháp lần đầu tiên ngấm đũa mắt

cho nhau: hãy im lặng, không nhất thiết phải tán đồng, nhưng cuộc cách mạng này đáng tôn trọng vì tính chất tuyệt vọng của nó. Mẹ đang phồng lên dữ dội, đang lấn chiếm không gian, đang quyết tâm khẳng định một điều gì đó ghê gớm lắm. Như thể ông số 7 và nỗi bất hạnh công dân của ông ta chưa từng chiếm một chỗ đứng không ra nữa trong lòng mẹ. Như thể mẹ, trí thức hạng nặng, yên tâm lắm trong cuộc yêu khổng lồ nhưng mãi mãi đơn độc và bị thóa mạ thường trực của mình. Như thể em không nêu một tấm gương về sự lãnh đạm, ít nhất cũng với phân nửa nhân loại. Mẹ phồng lên trên sự suy nhược của em mà thôi.

Mẹ kéo về một ông nói liên tục, như sợ ngày mai đột tử không kịp nói nữa. “Ê, này cô bé”, ông ta thò đầu qua bức bình phong, nói với em, “Uống một chút chứ!

Đừng có làm bộ mặt khó dễ như bà hiệu trưởng thế. Hừm, các người tưởng các người đang ở đâu hả? Anh Cát Lợi chắc? Uống đi cháu, bác xin lỗi. Thôi được. Thôi được. Tôi phải đi khỏi đây chắc? Các người mơ màng quá. Cuộc sống của tôi cũng nhiều ý nghĩa lắm đấy. Em này, cái công ty của anh đang quét vôi lại. Đá rửa nữa. Ra phết. Này cô bé, cô vào lớp chuyên tin đi, chú đảm bảo việc làm. Nhưng dù sao thịt quay ở chợ này cũng khá. Anh đã tưởng phải đi xa hơn. Thịt quay là vấn đề không đơn giản. Em này...». Ông ta ngoáy liên tục vào bát nước chấm, ra nhà vệ sinh vài ba lần và dội nước ồ ồ, chắc cũng sợ ngày mai không kịp. Bên kia bức bình phong, ông ta lột tất ở chân mình, tuyên bố rằng trên đời đáng ghét nhất là sự ồm ờ. Với ông ta, mọi chuyện đều phải rõ ràng, ngay tức khắc. Hơn nữa, người ta hơn kém

nhau chỉ ở tốc độ sống. Mẹ may mắn đi đôi tất chỉ lên tới đầu gối. Mẹ thỏa hiệp một chân, chân kia vẫn thủ tiết. Mẹ khe khẽ đề nghị tới một quán cà phê nào đó. Ông ta gạt đi: “Vẽ chuyện, con bé nhà em vô cảm”. Mẹ đứng phắt dậy, mái đầu xoắn tít ném một đồng dấu chấm hỏi rực lửa lên trần nhà. Bên trên là một bầu trời bình thường. Ông ta chờ đợi hồi lâu. Khi không thấy lời đáp nào từ trên ấy, ông ta cũng đứng phắt dậy: “Các người tưởng các người đang ở đâu hả? Anh Cát Lợi chắc?» Vì sao ông ta chỉ hăm mộ mỗi nước Anh? Em bước ra, nói: “Mẹ, con đi tìm ông số 7”. Trời, ai dạy con gái đánh số, mẹ ôm mặt lão đảo.

Rồi lần đầu tiên trong căn buồng - ga tàu treo của hai mẹ con xuất hiện khách đàn bà. Họ gồm ba người, đến vào các chiều thứ năm như trong thế giới quý

tộc. Đúng năm giờ, ngày đang bước vào thời điểm đực cái bắt đầu quần lấy nhau, thời điểm ông số 7 ghen ngào đi thu tiền điện, những cơn đau nho nhỏ cứ dấy lên trong ông ta khi ngửi mùi dưa xào chảo lớn, đúng giờ ấy, họ tập trung ở nhà em, mít tinh ca ngợi tự do. Họ thi nhau thơm nức. Họ mở bia và nước ngọt lớp lớp. Một lát sau, họ sẽ lần lượt khỏa thân. Toàn những con ngựa không có người cưỡi, xác thịt chảy buồn bã như suối. Một mợ vượt quá mọi kích thước, trừ đôi cẳng chân bắt đầu teo lại. Một mợ đẹp như tạc, đẹp phi lý và lạnh buốt. Một mợ lép kẹp, má lại phính. Cái xê-ri này cũng đáng tôn trọng vì nhu cầu phản kháng của nó. Nhưng em đã kiệt quệ, già nua vì ký ức quá tải ái tình của mẹ. Thêm những xác thịt gào thét của các mợ, em ắt phải gục xuống. Mợ to béo với cẳng chân teo đến véo vào đùi em. Các mợ khác vừa

cười hi hí khinh khí ch vừa sờ nắn khắp người em: “Xem này, không khéo con bé xơ cứng mất!” Họ bảo nhau đem lại cho em mùa xuân. Họ, hội từ thiện không tự bố thí nổi cho mình. Có người nào trong số các vợ ấy không từng bị một ông tàn nhẫn bảo rằng, các vợ có phồng lên như chiếc chăn bông cũ bật lại cũng hoàn toàn vô ích? Cả mẹ nữa, có bao giờ mẹ giật mình bắt gặp những người đàn ông của mẹ trộm nhìn em?

Những người bạn gái phóng túng của mẹ gửi cho em mười tám mùa xuân, bằng đúng nửa số năm tháng sung sướng và đau đớn của mẹ. Anh chàng mười tám tuổi đứng giữa mẹ và em, người đàn ông mới toanh hiện nay của mẹ, và của em. Sự lạnh lẽo của em đẩy anh ta sang phía mẹ. Nỗi hoảng sợ của mẹ lại trả anh ta về em. Thời chiến hết rồi. Bây giờ người ta

thanh toán các hậu quả. Chẳng còn cách nào khác, mẹ phải chữa bệnh cho con gái mẹ. Liều thuốc là mỗi tình xót xa bất đắc dĩ này.

12-1990

7. THỰC ĐƠN CHỦ NHẬT

Củ nhật tôi đến thăm bà ngoại trên căn gác không cửa sổ chỉ có một lỗ thông hơi bằng viên gạch đục ra phía trên bàn thờ ông ngoại cho ông ngoại được chút khí trời. Những đám mây bên ngoài trôi qua chỗ ấy như trong tivi. Bà ngoại nằm trên hai tấm ván ghép vào nhau kê bằng kinh Phật và rương hòm bé xíu cùng với chai lọ guốc dép bình vôi những quyển sổ những quả cam mốc meo một chiếc xô sứ và một chiếc

bô nhựa. Bà nằm đồ sộ trên toàn gia sản nhìn mây trôi. Một nén hương cho ông ngoại mỗi tuần tôi thắp trong chiếc hộp diêm kín mít này cũng đủ để bà cháu nhìn nhau qua khói mù mịt.

Tôi bảo tuần vừa rồi thứ hai có gà kim hoa ngọc thụ, thứ ba phượng hoàng hoài thai, thứ tư long tu, thứ năm bào ngư hoàng sa, thứ sáu cua thiên phù dung, thứ bảy bạch điều quy sào, hôm nay chủ nhật thì vịt hải sâm vạn thọ. Mỗi chủ nhật tôi thay một thực đơn. Như thế trước khi dùng hai mảnh ván vào việc khác bà ngoại được yên tâm là sự nghiệp nấu bếp nhà quan của bà không uổng. Mẹ tôi làm cấp dưỡng mậu dịch bây giờ mở quán cơm xích lô, mỗi chủ nhật đưa tôi hai tờ năm nghìn bảo: «Hôm nay cho mày nghỉ, về đi du lịch với bà.» Bà cháu đi ngược một đời người, đi mãi, bà cứ dẫn tôi đến

trước mâm cơm sơn son đầy lồng bàn bằng sa thì dừng lại. Về phần mình tôi cũng tỏ ra xứng đáng bằng những món ăn chẳng biết nội dung ra sao chỉ thấy tên kêu như Viện Hàn Lâm Hán Việt. Rồi tôi rón rén đặt hai tờ năm nghìn lộ phôiên bàn thờ cho ông ngoại có chút bồi dưỡng, tôi nghĩ biểu xén người chết lịch sự hơn biểu người đang sống. Và để bà ở lại ngôi thit vào những cọng giá đầu thế kỷ.

Cơm xich lô nhà tôi mùa nóng nhiều canh, mùa lạnh nhiều mỡ, món chủ đạo quanh năm là dưa chua và đậu rán, thay đổi thì có khó, thit kho, tôm kho, trứng tráng, rau xào. Mẹ tôi có bao nhiêu kinh nghiệm của cửa hàng ăn uống mậu dịch đều dùng được, canh nấu một nồi pha thành ba, nước mắm một lít chế thành năm, trứng đánh điêu hoa phồng như gối giường cưới, ba miếng thit bày rầm

rộ như tế thần. Hồi mới mở quán tôi nghĩ nhà mình hai chục năm kinh hãi nghề thuật của mẹ, bây giờ lại đem trưng ra ngoài đường cho thiên hạ thưởng thức thì dơ. Mẹ tôi dặn: «Nhỡ bà hỏi thì bảo nhà mở đặc sản.» Mừng Hai Tết năm ngoài mẹ nấu mọc đông sai tôi mang cho bà dùng. Lúc bà lật bát thật may mọi thứ cũng thành hình khum khum trên đĩa, bình thường những món đông của mẹ nhão như bùn vầy trong đĩa muốn ngất. Tôi mừng cho mẹ nhưng khắp khởi đời mãi không thấy bà dùng nên xin phép về. Bà dặn: «Mang về bảo mẹ lấy vải màn lọc nước bì đi đã, tiêu thì rang sốt thôi, hai đảo bắc ra ngay, nắm cắt chân thật sát, mình chính thế này là định đầu độc bà già hay sao.» Trên đường về tôi ném đĩa mọc xuống Hồ Hoàn Kiếm. Mẹ hỏi tôi bảo bà khen ngon để bà và mẹ xích lại gần nhau, cơm xích lô bày mâm sơn son

là thành tốt một trường phái.

Nhưng tôi đã lo không lâu. Mẹ tôi tự biết mình chẳng phải là nàng dâu đáng giá nhất của trăm họ nên không làm cao. Phương châm của mẹ là vì nhân dân quên mình, hai trăm cũng bán, suất sang nhất là nghìn rưởi, nên khách đông bàn ghế không đủ phải tràn ra phố đứng ăn rào rào, ở ngoài nhìn vào thấy đĩa vung tíu tíu chấm chấm mút mút rất vui mắt. Việc ở quán do hai mẹ con và anh Thái là cháu họ đảm bố tôi nhà ở Bưởi đảm nhiệm. Anh Thái làm những việc nặng như phun nước, bê nồi, đổ rác, nhóm lò, rửa bát và giữ trật tự vì khách nhà tôi không thuộc loại ăn uống rón rén như sợ hạt cơm đau, ba chén rượu vài củ lạc và một bìa đậu là đủ cho họ sinh ra những sự không ai lường trước được. Mọi việc anh Thái đều lười, chỉ chăm giữ trật tự, chỗ nào hơi

động tĩnh một tí là vác con dao dùng để
bổ củi xông ra đứng tấn, mẹ tôi lựa lời
can thì đổi, xuống bếp tè vào nồi nước
rau. Mẹ tôi sợ cho anh thôi việc có khi
còn nguy hiểm hơn nên gắng nhịn, thỉnh
thoảng lại dúm cho vài nghìn bảo anh đi
hát karaoke vì nếu để anh xả tâm hồn ở
quán thì bắn nước bọt vào mặt khách mất
lịch sự. Anh chỉ hát bài «Chiều thu buồn.»
Tôi bảo bà ngoại là tiệm đặc sản của nhà
thuê hẳn một vệ sĩ đã du học ở Nhật.

Karaoketoschibaajinomototoyota-
hondayamahasanyomitschuschubiohaio-
tokyo. Bà ngoại bảo nghe còn hay hơn
mẹc xì lù bố cu. Bà đổ cho thằng Tây
tội hủ hoá khẩu vị nước mình. Tôi phải
rất cẩn thận để không hở ra những món
rôti, phá-xí, cùng là bơ sữa xúc xích dăm
bông để lòng yêu nước dậy mùi mắm tôm
hành tỏi của bà không bị khuấy đảo. Tôi

của mẹ còn nặng hơn thằng Tây. Là tội tàn phá. Tôi đoán bà sẽ mang chiếc bô sứ Trung Quốc mỏng tang có hình những cô tiên xuống mồ để giữ gìn nền văn minh phương đông còn chiếc bô nhựa để lại cho lũ chúng tôi con cái cháu chắt của một thời đại lai căng dung tục từ việc ẩm thực đến đại tiểu tiện nói theo chữ của Viện Hàn Lâm Hán Việt.

Những việc còn lại hai mẹ con chia nhau. Đi chợ thì mẹ mặc cả tôi xách làn, nấu nướng mẹ pha chế tôi thực hiện, đứng mười rưỡi hàng ngày mẹ ngự sau quầy còn tôi lo chạy bàn hầu khách và phụ rửa bát cho anh Thái. Khi nào khách đông quá tôi cũng được xới cơm và gắp rau, mẹ độc quyền những món nhiều prôtít vì sợ tôi còn trẻ nhiều sĩ diện gắp quá tay cho khách thì nhà sạt nghiệp. Thực ra những miếng thịt mẹ thái không miếng

nào có thể nhỉnh hơn miếng nào, cá và đậu cũng có cỡ chuẩn, tôm nhộng đông sẵn bằng một gạt chén uống trà, mẹ bảo đấy là phần cứng vì ở đó không được mủi lòng, còn phần mềm là cơm, rau, canh, và nước chấm thì thỉnh thoảng cũng có thể linh động để khách hàng được thật sự là thượng đế. Tôi đoán anh Thái đã tiết lộ thông tin nội bộ này cho đám xe thô ở Bưởi. Mỗi lần vào quán họ gọi toàn cơm rau ăn với cá khô mang sẵn và liên tục xin thêm nước chấm thật nhiều chanh ớt rồi còn chê ít mì chính. Mẹ thấy thế đổ sẵn vào mỗi bát nước chấm một muôi mì chính rồi bảo tôi, nghề nào cũng có một nỗi đau riêng, quên đi mà sống con ạ. Tôi sợ đám xe thô làng Bưởi bị đầu độc nên lén chan thêm cho họ mấy muống nước rau muống đánh dấm, ở nhà mỗi lần tôi ghen nấc đau bụng cảm cúm mẹ đều bảo uống nước rau đi là hết.

Nếu mọi sự cứ diễn ra bình thường như vậy tôi không có gì phải phàn nàn. Tôi không mơ mặc váy chèn để đánh mông kiểu diễm tiến đến những bàn phủ khăn dâng món khai vị là bánh thực đơn bằng ba thứ tiếng. Mấy cô tre trẻ như tôi làm ở những chỗ ấy thì lộ vẻ hãnh diện, môi ướm như được hôn cả ngày. Tôi cũng muốn biết thế nào là được hôn. Ở quán cơm xích lô ngoài phận đàn bà của hai mẹ con còn lại toàn đàn ông dữ dằn, tôi được phát vào mông cũng nhiều nhưng những cái hôn dường như bướm, đậu cả vào những hoa khác mất rồi. Anh Thái cũng là đàn ông, một đàn ông tục tũn hung hăng và hay hờn, lúc quá trớn sục vào bếp luôn trưởng sống vào cổ áo tôi để xem tôi cuống quýt cởi áo cứu trứng. Thế thôi. Ở quán cơm này đặc biệt vui sống thì khó, nhưng cũng không buồn, nhiều lúc tôi còn cảm thấy mình có tình ruột

thịt với những người đang ăn rào rào kia như thể họ đã chung mâm với tôi từ tấm bé, ngon thì không nhưng no hoàn toàn. Và lại họ đều là những người bôn ba gánh vác việc của thiên hạ, không ai nhàn ngay cả trong bữa cơm, tôi được lây cảm giác sống gấp rút mê man như lên đồng. Nhiều người trong họ thực ra trong rất mất cảm tình, ngồi chồm hổm trên ghế như đi cầu tiêu và xỉa răng như quét chợ, những câu chửi đời phun ra giữa hai lần và soàn soạt nghe thối không chịu được, nhưng mẹ bảo, khách đã là thượng đế thì thế chú bình ra đây mình cũng phải nuốt, quên đi mà vui sống con ơi. Tôi phải nhận là nhân sinh quan nguyên mẫu dịch viên chông lòn phũ phàng của mẹ bây giờ đã đầy hài hước và tình người.

Ngày ở đây trôi điên khùng hơn mây trong tivi ở nhà bà ngoại, từ mười rưỡi trở

đi không có phút nào để nghĩ linh tinh, chỉ buổi sáng ngồi nấu bếp tôi mới vẫn lơ lửng nhẩm những thực đơn chủ nhật để nhìn vào xoong chảo không bị rùng mình. Tôi biết rõ nồi canh hôm nay là nồi canh hôm qua nguội trang bằng hành tươi và nồi canh hôm qua là nồi canh hôm kia, còn trong xoong thịt đang vui vẻ sinh sôi màu cánh rún kia là hai cân một ế chợ chiều, ruồi và cứt ruồi bám như đậu đen vùng đen. Nhưng khách nhà tôi sống gấp vào ngày quá, thức ăn không ở lâu trong miệng cuống cuống chạy thẳng xuống dưới, chẳng ai có thời gian nhần ra canh hôm qua canh hôm nay. Phần tôi lơ lửng nhẩm một lúc giò hoa ám nguyệt, chả cá ngọc lan đình, canh bạch tuyết, gà tần hải sâm ... cũng qua cơn rùng mình. Tôi chẳng biết hải sâm là gì, nhưng nghe rất bổ. Hễ bổ là ngon, bà và mẹ đều nhất trí như vậy. Thế thôi. Tôi không khó khăn

như bà không xuề xoà như mẹ. Bếp đầu thế kỷ bếp cuối thế kỷ của mẹ và bà ngoài ra đều nhất trí ở mục đánh lừa người ăn. Cái ruột cá của bà thì nướng thành râu rồng. Miếng chả của mẹ thì toàn bột và bột. Bà cho người ta no bằng tai và mắt. Mẹ cho người ta no bằng độn cứng dạ dày. Cả hai đều hết lòng kính trọng prôtít. Đến lượt mình ở thế kỷ hai mốt không khéo tôi kết hợp cả hai nghệ thuật lừa mị, cho bà mẹ thành bất tử trong một trường phái có thể đặt tên là «Việt Nam bếp núc tân cổ giao duyên,» tôi sẽ tẩm quất cả tai mắt lẫn dạ dày và công thêm lòng sĩ diện của khách, rút cục thì cái đáng ngại là sĩ diện của khách chứ không phải sĩ diện của tôi. Và sẽ viết một cuốn sách dạy dỗ nhiều điều bổ ích hơn tất cả những sách nấu ăn tôi đã học mỗi chủ nhật ở thư viện Hà Nội trước khi đến báo cáo thực đơn trong tuần với bà ngoại.

Cơm xịch lô nhà tôi đang hưng thịnh, nghệ thuật của mẹ đang ở đỉnh cao và tôi đọc vừa hết sách nấu ăn của thư viện Hà Nội thì công an đi chiến dịch «Sạch đẹp thành phố» ào qua khuôn hết lên đồn, tôi từ trong bếp chạy ra thấy mẹ lẫn lộn trên những mảnh bát vỡ trong vũng canh cua xanh xanh xám xám, gạch cua bết vào tóc mẹ như cườm. Lúc ấy còn sớm chưa có khách ăn. Anh Thái cầm vôi cao su lần lượt nhằm vào từng món ngổn ngang trên mặt đất xả như rửa xe máy, mỗi xả một «Ông thì sạch này!», mỗi xả một «Ông thì đẹp này!». Cả quăng phố thành nồi canh thập cẩm lênh láng, mẹ tôi thấy thế thì nhồm dậy cười rũ rượi, cườm gạch cua dính trong tóc rung rinh rung rinh.

Hôm ấy không có việc nên tôi về thăm bà. Bà ngoại lấy tôi làm lịch, than rằng bà mới chợ mắt một lúc mà đã hết

tuần. Thực ra đây là một ngày thứ tư. Tôi không dính chính để bà được thọ hơn nên lại mang thực đơn chủ nhật ra báo cáo. Tuần vừa rồi có bạch hạc hầu cờ, gà chi lan, vịt viên tuyết hoa... Bình thường sau mỗi món ăn bà chỉ «ừ», tôi đoán bà cũng chẳng biết đấy là món gì, sách tôi đọc trong thư viện Hà Nội toàn loại mới soạn sau này, tác giả phần lớn là người trong nam, họ ăn uống hiện đại nghĩa là cho nắm, dầm bông và ngò vào mọi món. Trong quyển «Việt Nam phong tục» tôi thấy ông Phan Kế Bính cũng là người đầu thế kỷ viết rằng việc ăn uống của ta sơn hào hải vị chẳng thiếu thức gì, chỉ hiếm cách nấu nướng thì còn vụng lắm, thợ nấu ăn chẳng qua là mấy tay người nhà đẩy tớ theo tục mà làm thế nào cho ăn được thì thôi chứ không ai học nấu ăn cao siêu gì. Mẹ cũng bảo: «Ồi dào tao chém to kho mặn, còn bà thì í à cũng đến ba món

xào dăm món nấu, vây cá vẹt hầm là hết.» Cho nên mỗi chủ nhật nghe bà «ừ» tôi được mừng, nửa phần là xoá bớt tội cho mẹ, nửa phần là thực đơn tôi soạn thế là không chỉ ngon cho riêng mình. Trong cái hộp diêm kín mít khói và mây tranh nhau trôi qua lỗ thông hơi này một miếng ngon tôi nhặt ở đâu mang đến cũng đủ để bà cháu mềm môi cả tuần. Có thể những cố gắng Hán Việt của tôi bây giờ làm cho đầu thế kỷ của bà oanh liệt hơn thực tế. Có thể đầu thế kỷ của bà làm thiên niên kỷ sắp tới của tôi nhớ nhãng hơn tự nó. Tôi không lục vấn, không buồn, chỉ thỉnh thoảng hơi lúng túng vì mỗi người gắn với mỗi thời tự nhiên như tranh gắn vào khung, phần tôi chưa biết gắn vào đâu, cứ vất vả đi vào khung này đi ra khung kia mãi không được ổn định. Thế thôi. Tôi không khó khăn như bà không xuể xoà như mẹ.

Lúc kể đến món hải sâm hấp chim không thấy bà «ừ», tôi nhìn mặt bà thấy nụ cười là lạ nên chột dạ, sợ bà hỏi hải sâm là cái gì thì có lẽ cả bà lẫn cháu đều khó nói năng. Nhưng bà không hỏi, chỉ cười mãi, rồi nói rất dịu dàng: «Con hải sâm, con đột đột ấy khi ăn lấy nước của đồng mà ngâm...»

Tôi nhẹ người, trong mâm cơm sơn son đây lồng bàn sa đen của bà thế là cũng có ít nhất con hải sâm. Nhưng bây giờ tôi vẫn không biết con đột đột là con gì. Đột mãi không thấy bà dạy thêm, tôi cúi nhìn mặt bà một lúc rồi co cẳng chạy ra ngoài. Đến Hồ Hoàn Kiếm tôi sức nhớ là quên cái cửa nên quay lại. Bà ngoại vẫn nằm đồ sộ trên toàn gia sản nhìn mây trôi. Tôi lưỡng lự rồi xin phép bà vào vuốt mắt. Bây giờ bà có thể chớp mắt một lúc là hết thế kỷ nhưng điều đó chẳng quan

trọng, hôm nay là chủ nhật, ngày mai là chủ nhật, ngày kia cũng là chủ nhật, đấy mới là điều quan trọng. Tôi lấy hết sức khế nhấc một đầu ván rút ra được quyển kinh Phật để vào tay bà. Bà nằm hơi cập kênh nhưng không sao, kinh Phật bây giờ chuyển sang chống phần hồn. Hồn bà cũng đồ sộ. Tôi đốt một lúc không biết bao nhiêu nén hương cho bà được thơm rồi cài cửa ra về. Ở quán, anh Thái ngồi một mình hát bài «Chiều thu buồn». Mẹ tôi chắc đã lên đồn mời thuốc ba số. Hai đứa không biết làm gì, tự nhiên đi cả vào bếp. Anh Thái luồn nhiều trứng vào cổ áo tôi. Tôi để anh giúp tôi hứng trứng suốt một chiều buồn. Sau này nhất định tôi sẽ lấy chồng. Những lúc tan hoang như thế này có chút đàn ông bên cạnh nếu được hôn nữa thì ngày cũng trôi qua.

Nhiều ngày trôi qua. Ngày nào tôi

cũng đến thăm bà ngoại buổi sáng, buổi chiều về chơi trứng với anh Thái. Sách nấu ăn cạn rồi, bây giờ tôi lấy dần những tờ năm nghìn lịch sự trên bàn thờ ông ngoại đi mua đặc sản về trình bà. Đặc sản thật. Mỗi hôm một món. Tôi vào những tiệm có mấy cô trẻ trẻ như tôi mặc váy chèn. Tiệm nào cũng na ná nhau, gồm hai ba chục món cố định đặt tên bằng ba thứ tiếng chứ không phong phú và Hán Việt như thực đơn chủ nhật của tôi. Tôi khắc phục bằng cách thêm nấm, dăm bông, và ngò vào mỗi món. Thừa bà hôm nay có kim kê hoàn lạc thủy. Hôm nay có xuân hoa ngũ sắc. Hôm nay có cơm bát bửu lá sen. Bà luôn vừa lòng, người già im lặng thế kia là vừa lòng, nên xong phần chính thống tôi cũng đánh bạo bình luận ngoài lề. Theo tôi thì người ta nhúng tay can thiệp thật lộ liễu vào đồ ăn, nhìn sự chăm sóc cho màu hồng của cà rốt nổi

bật cạnh màu dưa chuột xanh và những miếng phồng tôm tênh hênh cưỡng xoè một vành hoa trắng ngậy tôi thấy lố lố quá. Theo tôi rút rỗng một con vịt để ngồi vào đó một con gà, trong con gà lại là con bồ câu, và tất cả chín nhừ trong một quả dưa khổng lồ là một cái gì điên đảo đã sáo mòn. Theo tôi âu yếm với đồ ăn không phải là mơn man khắc khắc tĩa tĩa trên những quả cà chua rất vô tích sự, không phải là nhồi thịt vào những cọng giá, còn những kinh nghiệm mậu dịch của mẹ tôi thì khỏi cần trích dẫn, đấy là hành hung. Là tàn phá. Âu yếm với đồ ăn khác xa thần phục prôtít. Khác xa những cái tên kêu quá thể. Tình yêu trong miếng ăn đòi rất nhiều sự nguyên vẹn dịu dàng của cả đôi bên.

Theo tôi... Tôi không có gì mà theo. Tất cả lí thuyết hăng hái của tôi dựa trên

suất cơm xích lô đùm vào trang sách nấu ăn của thư viện Hà Nội đặt trong chiếc mâm sơn son. Thế thôi. Thậm chí tôi không biết con đột đột là con gì.

Nhưng bà ngoại không thể nhìn tôi ngượng. Khói mù mịt quá và ruồi bu như mưa đen. Mỗi lần mở cửa tôi nép sang bên cho một trận mưa đen thốc ra, cuốn theo một chút của bà và chút lễ mọn của tôi. Tôi thấp thật nhiều hương, đặt thêm một đĩa xuống sàn đã la liệt sơn hào hải vị rồi ngồi xuống báo cáo thực đơn. Tôi không thấy rõ bà, hôm nay dường như bà thêm đồ sộ trương phình, xé quần áo chật mà bung ra, ngày mai dường như sắp tiêu tán, ruồi và kiến sắp khiêng bà đi vào cuộc du lịch xuôi ngược một kiếp người. Dường như bà ngả sang màu Phật, áo phin nỡn trắng bây giờ thành nâu. Dường như nụ cười của bà nở phồng một đóa hoa tím.

Tôi tiêu đến tờ năm nghìn cuối cùng trên bàn thờ thì sàn nhà cũng không còn chỗ để dọn thêm một đặc sản. Bà ngoại nằm nghiêng trên sàn. Mặt hướng ra cửa chờ tôi, miệng kể bát vây cá, một dòng rùng rợn từ bát nấu dâng lên hay từ miệng bà xuôi xuống bát nấu. Tôi cố trấn tĩnh, xin bà lại về chỗ cũ ngoảnh mặt xem mây trôi qua ông ngoại thì hơn, tiệc nằm thế này lộn xộn quá. Nhưng hai tấm ván cập kênh đã ụp xuống toàn gia sản của bà. Những cô tiên nhẹ như bông trên chiếc bô sứ Trung Quốc nằm quằn quại ngổn ngang. Tôi nhắm mắt lại. Lúc mở mắt ra tôi thấy triệu triệu con ròi bện rộn.

Tôi co cẳng chạy ra ngoài. Chạy thẳng vào bếp tìm anh Thái không thấy anh Thái. Chỉ có trứng vỡ chưa ai dọn, chiều hôm qua chúng tôi chơi hăng quá trứng rơi nhớt khắp ngưỡng. Mẹ tôi đã

được dịp cho hẳn anh Thái về làng Bưởi, có lẽ sắp tới anh đi xe thổ. Tôi bảo mẹ bà thềm món mọc đông. Tôi sẽ nấu để mẹ mang cho bà dùng. Để bà và mẹ xích lại gần nhau. Cổ ma tôi dọn xong rồi, còn một món chót xin mẹ tự tay dâng bà với sự chứng kiến của ông ngoại. Vả lại mẹ biết phải làm gì với hai tấm ván. Tôi lấy vải màn lọc nước bì, nắm chặt chân thật sát, tiêu thì rang sốt...

Mẹ đi thăm bà, tôi không biết làm gì, ngồi hát bài hát nghe lỏm của anh Thái. Tôi hát nhảy cóc từ câu này sang câu kia linh tinh. Những lúc vắng vẻ như thế này hát đi hát lại một bài chỉ thuộc lồm bồm thì ngày cũng trôi qua.

Tuần sau chiến dịch sạch đẹp thủ đô lắng đi, cơm xích lô nhà tôi lại mở.

8. TIỆM MAY SÀI GÒN

Tiệm may Sài Gòn không ở Sài Gòn, không ở Cali. Tôi đứng chờ chắn tàu ở đầu đường Khâm Thiên, ghi-đồng xe tôi ngoắc vào mẹt của chị hàng thuốc trên vỉa hè, chị hàng thuốc chửi tôi là đồ con gì, lúc ấy tôi thấy cái biển to tướng ở trên đầu chị ta: «Tiệm may Sài Gòn, dạy cắt may các kiểu nam nữ hợp thời trang», mở ngoặc bên dưới là là có com-lê, vét-tông, áo dài.

Buổi tối gặp Dũng, tôi bảo em đi

học may, Dũng bảo thôi thôi xin cô học với hành, tiếng Pháp này, tiếng Anh này, compiutor này, trang điểm cô dâu này. Chúng tôi uống mỗi đứa một cốc nước mía. Dũng nghĩ thế nào lại gọi thêm một điều Vina, tôi thì được đĩa hướng dương, Dũng hút hết thuốc thì bảo: «Anh nói cho mà biết, nhất nghệ tinh nhất thân vinh». Tôi nói: «Thì lần này em nhất nghệ tinh». Dũng bảo, thôi thôi xin cô, lần nào cũng lần này.

Lúc vào tiệm may tôi thấy một đám con gái hai chục đứa toàn nhà quê ngồi bên bàn máy, chả đứa nào nhìn tôi. Tôi định quay ra ngay, nhưng chị hàng thuốc đã chặn chỗ cạnh xe tôi, xin chị ấy đứng dậy để lấy xe ra là thành đồ con gì, vả lại lúc đó có tiếng gọi: «Này này em gì ơi, học hả?» Đây là bà chủ tiệm đang lách bụng và mông qua đám con gái. Bà vừa lật lật một

quyển vở mép cong tướn vừa nói: «Một trăm hai mươi kiểu nam nữ âu phục dân tộc phổ biến thời trang nhất hiện nay, sơ cấp hai trăm rưỡi, trung cấp bốn trăm, cả trung cả sơ thì sáu trăm giảm năm chục, cao cấp thì áo dài com-lê, thực hành ngay trên vải giáo viên vào loại tín nhiệm, nào em tên là gì? «Nào em tên gì? Tôi nghĩ chắc bà bận lắm nên lễ nhập học của tôi phải xong ngay trong một tràng tiếng Việt cực trong sáng như thế. Sau này tôi gọi bà là cô Tuyết và thỉnh thoảng cũng gọi là u như cả đám học trò. Tôi rõ là người Hà Nội nên cả đám gọi tôi là chị xưng em. Sang ngày thứ hai, tôi được biết là có bốn giáo viên, hai thầy ở tầng trên dạy cắt, hai thầy ở tầng dưới dạy may, ngoài ra còn có một cô con gái của bà chủ chuyên vắt sổ, hai cô con dâu làm đủ thứ việc và một chị cũng người nông thôn lo cơm nước.

Tôi không thấy có chút gì của Sài Gòn ở đây. Lúc ngồi vào cái máy Trung Quốc tập đánh suốt bằng chuỗi kéo, tôi nghĩ mình vẫn có thể bỏ chạy. Những lớp học tiếng Pháp tiếng Anh và compiuơ toàn dân thành phố có học và có tiền hoặc làm ra về lịch sự có tiền. Lớp trang điểm cô dâu cũng lịch sự đúng là nghề son phấn. So với những chỗ ấy thì cái tiệm may Sài Gòn này là một toa tàu đen chật ních ước mơ; tôi đang mua vé đi suốt vào một tương lai treo đầy sơ mi hàng chợ và áo gió đóng mác Nam Triều Tiên. Buổi tối Dũng hỏi học hành thế nào. Tôi bảo hay lắm, ba tháng thì em có thể mở tiệm. Tôi nghĩ việc đầu tiên là may một đôi quần đùi. Sẽ bọc vào giấy báo bảo Dũng về nhà hãy mở. Cả họn hai chục đứa tên toàn dấu sắc nghe phát ngốt. Tuất, Bích, Trúc, Đất, Phúc, Thoát, Ngát, Thắm, Bắc... Bà chủ là Tuyết, cô con gái Xuyên, hai cô con dâu

Phấn, Đức, bốn thầy Quýt, Túc, Chiến, Thắng. ở tầng trên suốt ngày vang vang chia mông cộng ngực trừ nách, mông ngực nách. ở dưới nhà chả ai nghe rõ ai nói gì, có hét lên thì quạt trần cũng vãi tung tiếng hét thành hạt vụn. Tôi nghĩ mình đi Trâu Quỳ trước khi kịp may đôi quần đùi. Cho nên khi con bé ấy bảo tên em là Lan thì tôi mếu ngay. ở chỗ khác bọn con gái tên Lan toàn bọn vô vị. Nhìn kỹ con bé ấy quả là không giống bọn tên dẫu sắc còn lại. Nó đang ngồi cạnh tôi khều khều những ngón tay búp măng, ngon như mật cười đường may của tôi lên bờ xuống ruộng, thì bố nó ở quê ra bước vào tiệm. Cô Tuyết hỏi: «bác mua sơ mi hay quần thụng, hay xin học cho cháu? « Bố nó bảo dạ không dám, rồi mếu máo kể lể là đi tìm đứa con gái lên Hà Nội học may, ba tháng không thấy về, sáu tháng không thấy về. Cô Tuyết bảo: «Bác ơi Hà Nội này hàng

trăm tiệm may». Bố nó đáp: «Tôi đi tiệm này là thứ mười chín». Bố nó đã ra đến cửa cô Tuyết hỏi với: «Thế em nó tên là gì nữa đâu». «ở nhà gọi là con Chút». Con bé Lan từ gầm bàn chui lên bảo tôi, bố em đấy. Hoá ra nó cũng tên dấu sắc. Những ngày đầu tôi nghĩ mình dốt nhất lớp nên chỉ để ý vào việc học. Thứ tự công việc là tập may thẳng hàng trên vải vụn, rồi may cổ sơ mi, rồi may măng sét. Sang ngày thứ ba cô Tuyết bảo tôi lên gác học cắt sơ mi cơ bản. Hai thầy Quyết và Túc hướng dẫn cho cả bọn không có tổ chức gì. Đứa nào ỏi thầy ỏi thì thầy đến, nếu không thì thầy Quyết còn trẻ nằm ngay trên bàn để hát, còn thầy Túc ngồi rung đùi tán chuyện. Thầy Quyết cởi trần. Thầy Túc áo chỉ khoác hờ để lộ bụng rất phệ. Thầy Quyết trông xinh trai. Thầy Túc nghề chính là giáo viên trường Đại học Mỹ thuật, nên thường nói những chuyện làm cả đám

học trò nhà quê không biết đường nào mà tin. Thầy Quyết chủ yếu dạy cắt cơ bản. Thầy Túc dạy những cách môđiphe ăn chơi nghệ sĩ. Lúc tôi lên gác thì con bé Lan đang ướm một chiếc áo khoác màu hồng, thầy Túc vuốt mãi chỗ ngực áo, bảo chỗ này còn nhăn lắm phải lược lại, xong thầy ảo: «Xin lỗi nhé», rồi luồn tay vào trong để kiểm tra lần lốt. Thầy quyết đang nằm ca cải lương nhôm dầy bảo: «áo này mà mặc với bộ đầm bảy mảnh thì chết người!» Thầy Túc xì một cái, bảo đầm bảy mảnh quê bỏ mẹ, em Lan phải díp trắng đến đây này. Thầy khum hai bàn tay lườn một khoanh đùi con bé Lan để minh họa, rồi lại bảo: «Xin lỗi nhé, ở đây chẳng ai biết gì về nghệ thuật chán lắm em ơi». Tôi học toàn những kiểm may cơ bản của thầy Quyết. Theo cách cắt của thầy thì áo nào cũng giống áo nào, áo đàn bà thêm chút ngực, áo đàn ông bớt xệ vạt trước,

áo trẻ con không trừ eo. Cho nên tôi học một buổi được hơn chục kiểu, một trăm hai mươi kiểu chắc là xong trong mười ngày.

Xong áo cơ bản thì đến quần cơ bản, áo màu xanh nhờn nhợt còn quần màu tím, cô Tuyết bảo như thế bán cho người nhà quê mới hợp. Ngoài tiệm may cô là chủ nhiệm câu lạc bộ thơ Thăng Long, hai thầy Chiến và Thắng dạy may ở tầng dưới cũng là hội viên. Hai thầy đều già, thường dọa chúng tôi là cái nghề may này công phu lắm không phải chuyện đùa. Có hôm cô Tuyết cầm tờ Hà Nội mới đọc ngân nga một bài thơ lục bát. Tôi vừa nghe thấy loáng thoáng thấy cỏ xanh rờn với nhịp cầu thân tình thì cô Tuyết la âm lên: «Chết tôi không ân tình lại đánh thành thân tình, con Xuyên đâu lên toà soạn bắt họ đích chính, chữ nghĩa của người

ta chứ phải chuyện đùa!» Hai thầy Chiến và Thắng cũng gật gù, ừ thân tìn thì còn ra cái gì. Tấm bằng khen của câu lạc bộ thơ Thắng Long treo lẫn trên tường với những mẫu cổ áo, phải nhìn kỹ mới thấy.

Dù sao mặc lòng tôi đã không bỏ chạy. Khai câu chuyện tiệm may đã qua những tiếng Pháp tiếng Anh, computer và trang điểm cô dâu, tôi lại chăm chỉ đến cơ quan ngồi đọc báo, có thể sắp tới tôi đi học lớp thư ký giám đốc, nhưng cái tiệm may cái toa tàu chợ chật ních ước mơ nằm cạnh chỗ chắn đầu đường Khâm Thiên ấy cứ rõ mồn một trong đầu. Ngồi ở cái bàn máy sát vỉa hè, tôi nghĩ khi nào tàu thống nhất bò qua có thể móc cái toa đen nào vào cho chạy thẳng đến Sài Gòn. Sài Gòn thật. ở đó những cái tên toàn dấu sắc sẽ mất dấu sắc. Chúng nó, những con bé bỏ làng đi hy vọng tạo mẫu thời trang

bằng màu xanh nhòn nhọt và màu tím, sẽ học được nhiều hơn một trăm hai mươi kiểu, và tôi sẽ được chia tay có ưu thế với Dũng. ở đây tôi chỉ mong Dũng cưới tôi mà chưa xong. Dũng là người thực tế. Hai đứa cùng đọc báo ở hai cơ quan thì không có gia đình. Tôi không đòi hỏi Dũng ngoài cơ quan phải biết chữa tivi hay rửa xe máy. Nhưng Dũng có những đòi hỏi. Tôi nghĩ truyền thống nước mình là đàn bà phải nỗ lực nên quyết đi học may.

Học được một tuần thì các thầy đều khen tôi thông minh. Tôi chia mông cộng ngực trừ nách đầu ra đây, đám con gái tên dấu sắc nhiều đứa chưa hết lớp bốn tính mãi không ra. Con bé Lan đã xong lớp mười quả thực không ugiống bọn còn lại. Cả bọn cứ say đắm vào những cái áo có cổ sếp nếp và tay bông thật nhiều trông như những chiếc đèn lồng sắp bay

lên trời. Tôi thường phải đứng mẫu cho những áo quần hớn hở của chúng, thụng, lủng, chun, ly, cánh dơi, đầm xoè, cổ Đức, cổ Nhật... Chúng nó lấy cái dáng thành thị của tôi làm chuẩn, chuẩn rồi thì giành nhau mặc vào người, suốt ngày khúc khích cười ra mặc vào tông hống giữa phố xá, bao nhiêu then thùng xấu hổ đã gửi trả về thấy u ở quê hết rồi.

Con bé Lan một hôm bảo tôi là trên phố có bộ đồ chín trăm ngàn, chắc tiền công phải tám trăm, ở quê ăn chơi nhất là áo hai chực, tiền công được năm ngàn nhưng còn hơn làm ruộng. Sau áo khoác hồng nó đã may díp trắng đến đúng khoanh đùi mà thấy Túc đánh dấu. Thầu Túc bảo em Lan có gù lắm. Cô Tuyết thấy nó từ tầng trên xuống, xẹt qua tầng dưới để kiêu hãnh ra phố như cục phấn hồng viên một mẫu trắng thì gào lên: «Này

đóng nốt tiền học đi chứ!» Con bé Lan ngoảnh đầu điệu nghệ như nghệ sĩ trên sân khấu bảo u ơi con có đâm vào xe lửa chết đâu mà u lo. Cô Tuyết quay ra bảo cả bọn: «Biết thế tao đã nộp quách cho bố nó xong, khổ thân ông già, con với cái học chả học chỉ xí xốn».

Từ bàn máy sát vỉa hè tôi thấy nó chui qua thanh chắn, nhún nhảy trên đường ray. Giày cao gót của nó bị vướng. Nó ngã soài ra mà không chịu dậy, cứ nằm thế nhe răng cười với cái đầu tầu đen sì đang sinh sịch tới. Hôm sau nó bảo tôi, em chả việc gì phải tránh, tầu nó tránh em chứ chị. Tôi chẳng còn chút tin tưởng nào vào mình sau tất cả những lần thử vận may bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, computer và trang điểm cô dâu nên thấy nể lòng tự tin mù quáng của con bé. Nó thì lấy tiệm may Sài Gòn rởm này làm điểm

xuất phát. Tôi thì lấy đây làm chỗ dừng. Tình bạn của chúng tôi ngắn ngủi như vận may. Hai tháng trời tôi chẳng được gì ở nó ngoài cái tên giả không có dấu sắc. Nó cũng chẳng được gì ở tôi. Cái con bé này cần nhất là trút bầu tâm sự. Nhưng luôn tâm sự vào tôi như luôn chỉ vào kim được mỗi một sợi vắt vả. Cho nên con bé Lan ở lì trên gác, chỉ xẹt qua tầng dưới để băng ra phố mỗi hôm một xống áo. Rót lòng vào thầy Túc trên gác như rót vàng vào khuôn, thêm cái miệng xinh trai của thầy. Quyết đem nhạc mùi, con bé Lan đến ngồi cạnh tôi khều khều những ngón búp măng ngon như mật, là chỉ để hỏi phăng ta đi là gì hở chị. Và băng ra phố. Bao nhiêu tâm sự còn lại trút cả vào xiêm y.

Tôi cũng thử một hôm nghênh ngang trên đường ray lúc chẵn tàu. Buổi tối tôi

bảo Dũng đây là cảm giác mạnh, em chả việc gì phải tránh tàu, tàu nó tránh em. Uống xong nước mía bỗng nhiên Dũng ôm hôn tôi. Lưỡi hai đứa cùng ngọt như kẹo và môi rất dính, tôi cố gỡ môi ra bảo nếu dám cưới thì tiền mừng chắc đủ mua một cái máy. Dũng bảo tôi thôi thôi lúc nào cũng nếu. Tôi nghĩ đã đến lúc may đôi quần đùi nên mang vải lên gác nhờ thầy Túc. Vải cũng tầm thường, nhưng có ai ngoài thầy Quyết đang nằm trên bàn ngay dưới cái quạt trần vỗ bụng hát bài Lá diêu bông. Vài sợi tóc thầy bay trong bát nước rau ở mâm cơm cũng dọn trên bàn. Thầy hỏi cắt gì. Tôi bảo đôi quần đùi. Thầy bảo: «Như cơ bản, ống ngắn đi là được». Tôi nghĩ không phẩn ta ri vào thì chẳng ra gì nên kiểm có sắp đến giờ thầy ăn cơm để rút lui. Nhưng thầy Quyết ngồi dậy bảo đưa đây nào, rồi cắt xoẹt xoẹt,

xong lại nằm xuống, tóc bơi trong nước rau.

ở dưới nhà cô Tuyết đang lên cơn. Tháng trước cũng có một cơn. Một trong hai đứa cháu nội của cô được mới bốn tháng thường bò dưới những gậm bàn, thỉnh thoảng chúng tôi đập máy nghiền vào nó chỉ bị nghe khóc điếc tai một lát, hôm ấy nó nhặt được hai cái kim đút vào mồm, lúc cô Tuyết cho uống sữa đậu nành mới nhè ra. Cô Tuyết lên cơn thì đám con gái tên dẫu sắc hết cởi ra mặc vào, đứa nào đang cởi truồng là vô phúc. Hai cô con dâu mỗi cô lên một bên gác xép, từ trên đầu chúng tôi cô bên trái và cô bên phải thay nhau trả miếng mẹ chồng và tranh thủ móc kháy nhau. Dưới đất thì giấy đành đập, lơ lửng trên không thì bóp chát rào rào, bao nhiêu của quý lẽ ra chỉ dùng riêng cho mình đem ra ấn vào

mồm nhau, cô Xuyến là con gái ngồi vắt sổ thảnh thoảng lại bình luận rất chua, hôm ấy tôi được biết cái tiệm may này thật sự có máy văn nghệ. Hai thầy trên gác một thầy hát, một thầy mỹ thuật. Dưới nhà thì thơ và thảnh thoảng lên cơn. Lúc tôi cầm đôi quần đùi mới cắt đi xuống, mấy đứa con gái tên dấu sắc đang giữ bụng cô Tuyết cho nó khỏi bung, nhưng miệng cô thì không ai giữ được. Bình thường những tràng tiếng Việt cực trong sáng của cô còn kết thúc ở đâu đó, khi lên cơn chúng không bao giờ chấm hết, phải là người của tiệm Sài Gòn này mới thấm thía, các chị hàng thuốc và mấy bà bán đồ điện Liên Xô từ vỉa hè bên kia kéo sang cũng không chia sẻ được gì. Tôi từ trên gác bước thẳng vào giữa câu của cô: «... xong không dọn bàn là, là xong không rút rử đây, cút để gái già này vác bụng đi hầu mấy con đĩ non kia thì xí xốn học chả

học, may lên bờ xuống ruộng đơm cúc vênh váo như các 1 cái khuyết thừa toe toét chỉ xí xốn tôi thì đuối tuốt, nhà này là nhà làm ăn tử tế toàn là người có học có văn thờ hản hoi chứ là cái nhà thổ à, không phải cái nhà thổ à, không phải cái nhà thổ, không phải cái chợ ai muốn ra thì ra vào thì vào, thời buổi này không ai nuôi không ai, tôi đây chẳng thương thì chó nó thương...»

Tôi dầm chân đứng mãi trong câu nói của cô chẳng muốn bước ra vì tự nhiên tôi thấy mình thật hạnh phúc, đời tôi về mọi phương diện so với cô Tuyết là một chuỗi may mắn, bụng tôi mới sáu hai rưỡi và tôi nói một tiếng Việt thông thả có dấu ngắt. Đôi quần đùi bị thầy Quyết cắt như quần cơ bản đánh xoet không sáng tạo gì chỉ là một bi kịch rất nhỏ, nhờ con bé Lan may hộ có thể vẫn cứu vãn được, đường may

của nó nuột như vẽ. Con bé Lan ở đầu bước vào có thấy Túc theo sau. Nó chạy bán xúi lên gác, thấy Túc ở lại. Bụng thầy và bụng cô Tuyết là kì phùng địch thủ. Thầy bảo, này chị người ta cười cho đấy. Cô Tuyết vẫn ngâm tiếp bài thơ hiện đại phát khiếp của cô, chỉ tạt ra ngoài lề làm một chú thích rằng «anh tưởng anh có cái tài muốn làm gì thì làm hả, tôi trả lương để anh đi dạy hay đi ngồi quán cà phê, đây không phải cái nhà thổ, đây không phải cái chợ». Con bé Lan từ trên gác đi xuống. Nó lại mặc bộ tử, áo khoác hồng và mini trắng. Giầy cao gót. Môi son. Tóc đổ như thác. Nó thả từng bước xuống, hai đùi hé so lo, dừng lại trên mỗi bậc, hai đùi khép lại, cứ hé ra khép vào mê hồn như thế con bé tiến đến trước mặt cô Tuyết. Nó bảo: «U không thôi thì con ra đâm đầu vào xe lửa».

Cô Tuyết cũng muốn lắm mà không thôi được. Khi lên cơn những tràng tiếng Việt của cô không thể tự chấm hết. Con bé Lan băng ra phố, chui qua thành chắn vắt ngang đường ray. Lúc chúng tôi nghe tiếng tàu phanh xô cả ra thì đã muộn. Nó đứt thành ba đoạn, cặp đùi mê hồn xuôi về phía tiệm may, mái tóc đổ về phía dãy hàng hoa, áo váy một màu đỏ thắm phải nhìn kỹ mới thấy màu hồng và màu trắng. Chắc nó đã nằm ngửa mặt lên trời, chỗ ấy có chùm đèn giao thông treo lủng lẳng vào đường dây điện. Nó nằm đấy mỉm cười đếm nhẩm một hai ba sẽ có ai đó xông ra bồng nó dậy... Con bé mới ở Hà Nội sáu tháng, nó không biết là ở đây chẳng ai buồn dây với họa. Giả sử lúc đó đang đứng sau thanh chắn tôi cũng chỉ giương mắt nhìn thôi. Lần này tàu không tránh nó. Đây là tàu Thống Nhất chạy suốt vào Sài Gòn. Con bé Lan còn nợ tiền

học bây giờ có thể gửi ba khúc thân lại Hà Nội mà đưa linh hồn lậu vé vào thẳng Sài Gòn. Ở đó nó có thể dùng tên thật, ở đó bố nó tìm đảng trời. Tôi nhớ có người bảo con gái Sài Gòn đã đẹp thì đẹp hiện đại phô phang, con gái Hà Nội đã đẹp thì đẹp cổ điển quý phái. Con bé Lan chẳng có chút quý phái cổ điển nào nên phải bỏ Hà Nội này mà đi. Cái khuynh hướng trưng bày sốt sáng và hơi điên điên của nó, Hà Nội này không biết thưởng thức.

Tiệm may nghỉ việc một ngày để làm đám tang. Con bé Lan không có hộ khẩu Hà Nội nhưng chả ai biết địa chỉ của nó ở quê mà gửi xác nên cô Tuyết nhận là con nuôi để chôn ở Văn Điển. Cô mang hương hoa ra cúng ngay trên đường ray. Mỗi lần tàu chạy qua hương hoa nát bét, cô lại mang hương hoa mới ra cúng, một ngày mồi mấy lần. Vừa cúng cô vừa vả

đôm đốp vào mặt mình để xin con bé Lan tha cho. Một ngày ăn tát mười mấy lần để chùa cái tội ác mồm chứ không ác bụng. Từ trong tiệm may đưa con gái tên dấu sắc đứng nép vào vai nhau nín thở nhìn ra, cả đời chúng nó cha được thấy cảnh nào hồi hộp như vậy. Tôi thấy con bé Lan đang chu du trong Nam cứ chốc chốc lại phải lộn về Hà nội để rộng lượng. Thấy Túc bảo hôm đó thấy dẫn nó đi trường mỹ thuật thăm quan, trong ấy có khoa designe thời trang, xong hai thầy trò ngồi quán cà phê để bàn xin cho nó bước đầu tạm vào ngôi mẫu rồi sau sẽ tính. Thấy không ra ngoài đường ray thấp hương mà đến nằm cạnh thầy Quyết trên bàn khóc: «Em ơi sao em phải tự trọng chết người thế em!» Tôi nghĩ mình chả còn chút tự trọng nào sau những gợi ý kết hôn chưa thành với Dũng, nên thấy sợ lòng tự trọng mù quáng của con bé. Chốc chốc tôi lại

sởn gai ốc tưởng nó lộn về Hà Nội, không phải vì khổ nhục kế của cô Tuyết mà chỉ để hỏi tôi đi-dai là gì hở chị.

Hôm sau tôi mang đôi quần đùi đến may. Ở tầng dưới có chín bàn máy nhưng chỉ một chiếc không làm đứt chỉ, bình thường đưa nào đã chiếm được thì không chịu nhường. Hôm ấy tầng dưới vắng tanh. Tôi cắm kim, hạ chân vệt xuống xí chỗ ở chiếc máy tốt rồi lên gác. Đám con gái tên dấu sắc đang bao vây thầy Túc đòi thầy cắt cho áo khoác hồng. Mỗi đứa một chiếc. Tôi nghĩ cả thầy lẫn trò đã hoá rồ. Kiểu này xong áo thì đến lượt hai chục chiếc mini trắng và cái dáng thành thị của tôi đương nhiên phải đứng ra làm chuẩn. Hai chục lần làm phấn hồng viền một mẫu trắng suông tình.

Rồi chúng nó sẽ cải tên một lượt, bao nhiêu dấu sắc như kim gãy vứt xuống gầm

bàn cho thằng bé mười bốn tháng nhặt đứt vào mồm. Tôi tự nhủ phải bình tĩnh đừng cuống lên đi thăm quan trường mỹ thuật như chúng nó, nên xuống nhà may đôi quần đùi. Cắt đầu chỉ. Là. Rút bàn là. Luồn chun. Xong tôi lấy một tờ Hà Nội mới có đăng tin buồn về con bé Lan gói lại cẩn thận. Sẽ bảo Dũng về nhà hãy mở. Tôi biết đấy là một đôi quần đùi xấu như cái ngã tư chắn tàu này.

Hôm sau nữa tôi vừa đến rơi ngay vào cuộc cời ra mặc vào trắng hồng của bọn con gái tên dẫu sắc. Cô Tuyết, cô con gái, hai cô con dâu, chị người ở và bốn thầy đứng ngây cả ra nhìn, đàn bướm cái rào rào này hình như vừa dùng thuốc phiện, trong ngõ chợ cách tiệm mấy bước chân chuột cũng say thuốc lão đảo qua đường. Tôi xong việc làm chuẩn hai chục lần đi ra thì cô Tuyết đưa cho gói giấy báo, bảo có

anh gì gửi lại. Dũng chỉ viết là «Cảm ơn nhưng hiện không có nhu cầu». Tối hôm qua lưỡi hai đứa lại ngọt như kẹo và môi rất dính. Tôi đã không gỡ môi ra để nhắc chuyện cưới xin, tôi biết đấy là lần hôn cuối.

Tôi định xin cô Tuyết trả lại một phần tiền học, sẽ nói thác là phải đi công tác đột xuất. Biệt phái Sài Gòn. Nhưng cô lại lên cơn, tôi không ngắt câu của cô được. Cô cứ chấp tay lạy bọn con gái tên dẫu sắc mỗi đứa một áo khoác hồng, một mini trắng đựng đứa cười với phở xá. U lạy con u căn rơm căn cỏ con sống khôn chết thiêng. Lan ơi, chút ơi đừng xí xốn cho u nhờ... Tôi ra phố biệt phái Sài Gòn. Sắp tới có lẽ tôi đi học lớp thư ký giám đốc.

9. TRONG CƠN MƯA

Cơn mưa cuối thu kéo dài tám tiếng đồng hồ, bao nhiêu năm nay tôi không có một cuộc ngồi trọn ca như thế. Kỷ lục ngồi lần thứ nhất của tôi ở thời thơ ấu, kỷ lục lần thứ hai thời trai tráng, lần thứ ba này tôi đã ngoại tứ tuần. Tám tiếng đồng hồ này là của trời cho, chỉ có trời hiểu rõ rằng tôi đến điểm hẹn trắng tay và lúc đi khỏi vẫn thế.

Điểm hẹn là một quán cà phê bình thường, sạch sẽ vừa phải, phục vụ vừa

phải, cũng nhạc cũng đèn màu chung chung, cũng nâu đen đá chanh cam xoài và côla côla, trên tường cũng ảnh gái trai ngoại quốc cười phô phang, dưới đất bàn ghế cộc chén cũng mỗi chiếc một kiểu tạm bợ. Tôi ngồi xuống một trong những chiếc ghế nhỏ thấp, bất tiện, khi giọt mưa đầu tiên rơi xuống và thâm hoảng: chính Vi đã chủ động chọn nơi này. Nàng quá nhạy cảm, quá hồn nhiên hay thậm chí vô tình? Thành phố này chỉ chít quán cà phê, nếu cho mỗi quán một chấm nâu thì bản đồ sẽ toàn một màu sôcôla như thế đấy là màu dân tộc. Tôi từng biết trong số đó vài quán đặc sắc. Một quán nổi tiếng vì tiên phong trong việc rải sỏi và kê những gốc cây phát phảng làm bàn ngoài vườn. Công cuộc thơ mộng hoá ấy bây giờ đã lạc hậu, cạnh hồ Thiền Quang có hai cái quán sát nhau khách ngồi tràn ra vỉa hè, mỗi quán một chấm nâu thì bản

đồ sẽ toàn một màu sôcôla như thể đây là màu dân tộc. Tôi từng biết trong số đó vài quán đặc sắc. Một quán nổi tiếng vì tiên phong trong việc rải sỏi và kê những gốc cây phật phẳng làm bàn ngoài vườn. Công cuộc thơ mộng hoá ấy bây giờ đã lạc hậu, cạnh hồ Thiên Quang có hai cái quán sát nhau khách ngồi tràn ra vỉa hè, mỗi quán gồm rú một chương trình video, bên này tung trường vèo vèo, bên kia lắc mông gân cổ, rơi ngắn gọn giữa hai quán là lập tức sẽ được hai đội phục vụ bên một tay giăng như xé xác phanh thây. Gần sứ quán Thụy Điển thì có một dạ quán gồm mấy dãy nhà gỗ sơn xanh chia thành vô số buồng bé xiu cách nhau một tấm cốt. Tôi đã thử một buồng. Buồng bên trái và buồng bên phải trình diễn stereo những pha giật gân chẳng kém hồ Thiên Quang. Buồng nào cũng có then cài. Muốn nói gì thì nói, đứng trước những dãy buồng biệt

giam loã lồ không lời nào tả tôi đã được bật còi. Một quán nữa ở gần Viện Văn, ông chủ mắt kèm nhèm có bộ sưu tầm nổi tiếng vì vài ba học sĩ tài ba nghiện ngập. Một quán nữa ông chủ là thi sĩ quốc cấm. Một quán nữa bà chủ ngoài nâu đen đá... còn nói được dăm câu tiếng Pháp và biết pha cốc tay. Thiếu gì những cái chấm nâu lừng danh, sao Vi chọn nơi này? Có người bạn mở tiệc sinh nhật thấp thập, tôi đến, lẫn trong những tên tuổi va leng keng vào nhau, bản thân tôi cũng có một cái tên vượt quá mọi tầm kiểm soát của tôi, mỗi ngày vang lên ít nhất dăm ba lần trên các kênh thông tin đại chúng. Ba cô con gái của chủ nhân khác nhau kỳ lạ, như theo một kịch bản cố tình. Dễ thế lắm. Ông bạn tôi là kịc tác gia ăn khách, giường ngủ của vợ chồng ông phải là một sân khấu tại gia. Cô đầu nổi nghiệp bố, ba mươi lăm tuổi đã là một nữ tác giả giàu bản lĩnh,

độc đáo bậc nhất đương thời. Cô có khiếu đi lại chào hỏi trong đám đông gồm toàn những người hâm mộ và những người dè bủ như đi chợ khảo giá, hàng nào cũng ghé mà chẳng mua hàng nào. Cặp mắt thông minh và bình thản, dáng vẻ đài trang và cô đơn, chẳng phải nữ hoàng quyền uy, chẳng phải người đàn bà có bộ ngực phả mùi thơm của bếp, may ra có chẳng một chút huyết tộc xa xôi với tôi? Cô thứ hai đẹp hiếm thấy, vẻ đẹp, vẻ đẹp nhờ phúc tổ tông, không mất công gì mà sang trọng quý phái. Loại phụ nữ này bị nhầm thời đại. Hoặc nhầm quê hương. Nổi danh và tốt mã như tôi cũng chẳng bao giờ dám hạ một câu tán tỉnh. Trước cái cần cổ thẳng vút như ngó sen và vầng trán được tuyển chọn cho vương miện ấy tôi cứ thấy mình là một thằng vô sản lưu manh,

Chẳng lẽ tôi phải đứng cách một sân rộng, úp mặt xuống đất để tâu lên rằng, bẩm người nữ, sắc đẹp của nàng làm chúng tôi xấu hổ! Nghe thôi lắm. Không trách đến giờ nàng chưa lấy được chồng. Vi, cô gái út, thật nhỏ nòi so với hai người chị, nhưng chính nàng mới là phát hiện đầy ân huệ của riêng tôi. Nàng không đẹp, không sắc sảo, nàng dễ lẫn trong đám đông. Cái duyên bề nổi của nàng chỉ toả ra từ sự trẻ trung không vướng bận khiến những kẻ từng trải nao lòng. Văn nghệ sĩ chúng ta những kẻ trải đời đau đời đã viết đã ca đã hoạ đã diễn đủ điều quanh cái sự trẻ trung tươi rói ấy rồi, nhắc lại cũng thôi lắm. Nhưng tôi vẫn nao lòng: nàng nhiều tin cậy quá! Một chàng tốt số nào đó chỉ cần cầm tay nàng, nhìn sâu vào mắt nàng, bảo đi với anh nhé, là nàng sẽ cứ thế mà đi, cứ thế áo chẳng thay chẳng xin tiền bố, nếu hấn bảo, chờ anh nghe

cứng, là nàng sẽ cứ thế mà chờ đợi suốt đời. Tuổi trẻ chỉ góp vốn phần nào cho sự cả tin trong vất ấy. Tôi biết khối em gái đa nghi như Tào

Tháo, nói câu nào các em ấy cũng nhắc: «Ông anh cứ đùa!» Người chị cả với cái nhìn xuyên thấu muôn thuở và bộ óc siêu phàm hẳn là hoài nghi tất cả rồi chấp nhận tất cả như một giả thiết. Và lại cô ấy đã quen trong giới nghi kỵ và bảo vệ lẫn nhau. Không có món ứng xử cực kỳ tế nhị ấy văn nghệ chúng ta thành công nông bình ngay. Người chị hai thì cần gì một niềm tin hỗ trợ, sắc đẹp dễ sợ của cô ấy thay thế hết, chỉ không thay được một tấm chồng. Cô ấy là đại diện lòng lầy cho một nhóm càng ngày càng đông phụ nữ Việt Nam độc thân vì lý do danh dự. Ông bố có lẽ chẳng còn gì hơn ngoài một đám tang nhiều vòng hoa hơn tang thủ

tướng để chờ đợi, các nghệ sĩ bước vào tuổi châu giời thường nhắm trước mình sẽ tổng cộng các khoản bao nhiêu vòng hoa. Và tôi cùng đám khách khứa, chúng tôi có nhiều đấy chứ. Anh nào cũng có tiếng và một chút miếng, chính thất và những mối tình phụ cấp giữa thời lạm phát toàn diện. Đôi khi chúng tôi có cả quyền lực, thứ quyền lực rơi vào tay kẻ nghệ sĩ bao giờ cũng méo mó tội nghiệp. Chỉ thiếu vắng lòng tin cậy, mà lại kiêng không nhắc đến nó để khỏi mang tiếng cổ hủ hoặc cải lương.

Mưa ào một đợt, rét ào theo. Phố đã lên đèn, mưa thành từng chuỗi cườm ánh sáng. Đài nhà ai phát bản nhạc sáu giờ quen thuộc. Cùng với khúc «Hồn từ sĩ», đó là tác phẩm giàu sức thuyết phục nhất trong nền âm nhạc thiếu tự tin của chúng ta. Tôi là khách duy nhất. Chủ quán ngán

ngắm đặt một ly cà phê đen xuống rồi bỏ vào nhà trong. Chiếc đồng hồ to tướng tích tắc ngay sau gáy tôi, tôi sẽ thành chuân vị cho con lắc, thời gian sẽ bò từng giây, mưa từng chuỗi thế nào Vi cũng tới. Nàng đã cho ngay địa chỉ này, nàng rút nó ra từ trí nhớ, đặt vào tay tôi, tự nhiên như thò tay vào túi lấy kẹo cho trẻ. Tôi không dám rủ nàng đi với tôi, tôi không dám dụ nàng chờ tôi suốt đời, tôi chỉ xin nàng một cái hẹn, lấy cớ có một bài hát viết cho riêng nàng. Tôi ca sĩ quốc gia từng hát cho du lịch Vũng Tàu, cho dâu tơ tằm Bảo Lộc, cho thuốc lá Thăng Long, cho Thuỷ điện Sông Đà, cho hoả táng Hoàn Viên, cho sinh đẻ có kế hoạch... Bây giờ một bài hát cho Vi...

Thêm hai khách rũ mưa bước vào. Họ không phải vợ chồng. Vợ chồng thường hằn những nếp gấp của mình lên nhau.

Hai mươi năm, không, chỉ mười năm, thậm chí năm năm cộng hưởng vợ chồng hao hao nhau, chung một vốn từ vựng, một trường cảm xúc, một kho hành vi biểu đạt, một quy định bất thành văn cho các phản ứng. Cứ nghĩ bà vợ thần phần con én là y như ông chồng mặc Slip Thái Lan. Quá trình thẩm thấu ấy diễn ra tự nhiên, ăn mòn cả khoảng cách cuối cùng giữa họ. Họ cư xử như những kẻ hoàn toàn miễn dịch, miệng người này hôi mùi vì đêm trước thì dáy tai người kia đóng cặn từ Tết năm xa, em ợ chua công khai, anh trung tiện bừa bãi, và không hiếm người hiển nhiên cho đấy là chuẩn mực của hôn nhân. Cặp này không thể. Họ cũng chịu đựng nhau, người này cũng vô tình mang chút gì của người kia, cũng thuộc về nhau theo một nghĩa nào đó, nhưng khoảng cách giữa họ rõ ràng quá. Lại càng không phải cặp tình nhân thuở ban đầu, cử

chỉ của họ quá thân mật, họ trao nhau âu yếm theo lệ thông, và điều quan trọng là gương mặt người thiếu phụ mệt mỏi không có cái ánh sáng làm tôi nhói tim ấy, tạm gọi ánh sáng Vi. Gương mặt chị ta đã tắt ngấm, mỗi vào đây bao nhiêu núi lửa nó cũng chẳng bùng lên nữa.

Bây giờ tôi vỡ lẽ, gương mặt vợ tôi cũng đã tắt ngấm, mọi trạng thái tình cảm không thể xuyên thủng lớp da căng thẳng thường trực, thỉnh thoảng may ra đập đổi bằng vẻ lãnh đạm thoát nhìn đây mình triết, để bày ra dù chỉ một lần. Vợ tôi hẳn cũng lo âu phiền muộn, cũng sống như bất kỳ ai.

Nhưng sống ở đâu, túi chỗ nào tôi không còn sờ được, chúng tôi nằm bên nhau đêm đêm như hai trái mít ruột thịt, gai gài vào nhau mà chẳng biết bên trong thế nào. Truy tìm thủ phạm rồi cũng

chẳng cứu vãn được gì. Và nỗi xót xa trong trái tim có thể rất cải lương của tôi, và ánh sáng khiếp đảm của các sân khấu sót lại từ thời Pháp thuộc, và bầu không khí vô chính phủ trong những phòng thu thanh nửa thủ công nửa hiện đại, và công chúng. cái khối chất lỏng có thể chảy tràn bất kể loại khuôn nào và chỉ ưa rủi ro hay bị chọc ngoáy vào chỗ kín, công chúng vĩ đại ít tiền ít thời gian của chúng ta, và giới phê bình khổ sở cha bao giờ thoát khỏi mặc cảm nghiệp dư, và bạn bè đồng nghiệp những Bá Na sinh ra không có Tử Kỳ và toàn bộ họ hàng gần xa với cái quyền của máu mủ là vợ vào mà chẳng hiểu gì, và giọng hát của tôi, nghệ sĩ nhân dân, hát cho tất cả mà chẳng cho tôi... mọi thứ ấy có thể cứu vãn được gì?

Vậy mà bây giờ tôi trông chờ ở cái ánh sáng hạnh phúc và tin cậy bùng lên trên

một gong mặt mặt thiếu nữ. Giá tôi ngỏ lời, người chị cả chắc chắn sẽ bảo: «Tôi chả giúp được gì anh đâu» kèm theo nụ cười cảm thông, tôi sẽ phải cảm ơn dù bị từ chối. Người chị hai chắc sẽ bảo: «Cảm ơn anh xin hẹn dịp khác», cô này thì vừa từ chối vừa cảm ơn. Vợ tôi chắc sẽ bảo: «Trời ơi lại chuyện gì thế này!» để tôi biết rằng nên để cô ấy yên, tồn tại như hai trái mít cạnh nhau thì không nên hẹn hò. Còn Vi nhận lời, tôi đã nói tuổi trẻ chỉ góp vốn phần nào cho sự cả tin trong vắt, còn lại khó mà giải thích.

Thêm một khách, một cô gái, một người đàn bà thì đúng hơn, tôi thích chữ đàn bà vì cái âm hưởng u trầm và nâu xám của nó. Tóc ướt từng lọn tôn gương mặt nhợt nhạt, có lẽ đẹp nếu cặp môi không tô chói chang như thế kia. Cô ta lướt nhìn ba con người im lìm, cặp mắt dạn dĩ, gọi

to một câu: «Ông chủ đâu rồi!», tới ngồi góc đối diện tôi, chưa ấm chỗ đã rút bao thuốc từ chiếc túi nhựa Liên Xô xin màu, nâng niu rít từng hơi, hai đường chỉ chạy dọc khoé miệng hiện rõ trong đốm sáng đầu điều thuốc. Là dấu hiệu của tổn nhiều nước mắt. Cặp tình nhân lâu năm lập tức chum đầu to nhỏ, câu chuyện ướt sũng nước mưa của họ được lau khô, họ phục hồi lòng tự tin cũng nhanh như khi đánh mất. Mặc kệ trời đất trời cuối thu vẫn vũ, mặc kệ những hăm hiu của người đời, thế giới của họ lại viên tròn.

Cô gái nhìn tôi. Tôi cự tuyệt bằng cách nhìn trời. Các vị muốn gì nào? Phân tích tâm hồn các vị không phải việc của tôi, vả lại điều đó thật lố bịch trong cảnh mưa như xóa mọi hên hò toan tính ham hố của cả đám chúng ta, như lối đùa cao ngạo đầy rắn dầy của các thế lực siêu

nhiên, rằng đám chúng ta rút cục cũng nên biết thế nào là tín ngưỡng. Phân tích tâm hồn tôi cho các vị lại càng lỗ bịch. Tôi đã hát từ năm mười ba tuổi cho một nhân loại mà tôi thực lòng yêu, trong đó có các vị. Nhân loại đáp lại tôi bằng vỗ tay và tiền, thế là sòng phẳng, nhưng chẳng vị nào ban cho tôi cái ánh sáng hạnh phúc và tin cậy không vương bận ấy, tạm gọi ánh sáng Vi. Cầu cho nàng không biết gì về cái nghề dễ loè người ngoại đạo và dễ hời hợt kẻ am tường nhất này. Lũ ca sĩ chúng tôi nào khác những lang băm thọc bữa giọng hát đầy vi trùng của mình vào màng nhĩ người ta. Cầu cho nàng không biết gì về những cuộc công diễn trong đó các nghệ sĩ nhân dân cứ phải nhòm mồm nhau cho xong một sự hài hoà chấp vá. Không biết gì về công nghệ sản xuất và tiêu thụ hàng ngàn ca khúc giống nhau như một đàn nòng nọc. Cứ lấy âm nhạc mè nghiện...

Bảy tiếng đồng hồ sau gáy tôi. Tôi từng lập những kỷ lục chờ đợi cao hơn. Lần thứ nhất khi mẹ tôi người hát hay nhất thế gian qua đời. Tôi đã bắt chước tất cả các nhân vật bị lừa trong những câu chuyện cổ, vùi mình vào góc vắng khóc ròng để chờ Bụt hiện. Tôi khóc thật nhiệt tình. Khi trong người không còn giọt nước nào và tôi thấy mình nhẹ đến nỗi phải ôm khư khư một hòn gạch để khỏi bay mất thì tôi gào, rồi cuối cùng không còn một âm thanh nào ra hồn và tôi thấy mình tan nát như cái trống ếch tã bực, đến nỗi phải ngậm chặt miệng để khỏi vỡ nốt theo cái lỗ thủng xấu xí ấy thì thôi rên ử, vì dứt khoát phải gọi Bụt hiện, mà Bụt chỉ nghe tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rên. Tôi đã phát hết mọi tín hiệu và chờ vô vọng, mẹ tôi nhập quan, rồi nhập mộ, người hát hay nhất trần gian vẫn bỏ tôi mà đi vào lòng đất.

Lần thứ hai khi tôi đã trưởng thành, tình cờ giữa đường gặp người bạn quý. Đó là người duy nhất có thể ngồi bên tôi hàng tiếng đồng hồ, cả hai không cần nói gì mà vẫn dễ chịu. Chúng tôi nhìn sững nhau sau ba năm bất tin, cười vang đường phố, rồi anh ấn tôi vào một quán trà ven đường, hẹn đi gặp một công chuyện ở gần, chậm nhất chỉ mười lăm phút. Tôi đã ngồi suốt buổi chiều, uống đến độ không còn là máu mà là nước trà chảy xanh lè trong huyết quản. Bạn tôi chẳng bao giờ quay lại. Mười lăm phút đầu tôi giữ nguyên nụ cười trên môi, mười năm phút sau bốn chồn, mười lăm phút sau nữa lo âu, mười lăm phút sau nữa hoảng hốt. Rồi một buổi triền miên van nài số phận đừng chơi ác thế, và cuối cùng là đầu hàng, chấp thuận. Bạn tôi mất tích hàng tiếng đồng hồ, không cần nói gì mà vẫn yên lòng.

Lần này không phải nước trà mà cà phê sẽ chảy trong huyết quản. Tôi chẳng khóc, chẳng gào, chẳng rên mà im lặng tuyệt đối, lẽ nào số phận lại chơi ác tôi lần nữa? Tôi có đòi hỏi nhiều lắm đâu, chỉ cần nàng tới, để tôi khẳng định rằng gương mặt trẻ trung, giản dị, hạnh phúc và đầy tin cậy của nàng là có thật, không phải một khái niệm siêu hình, không phải sản phẩm của những hoang tưởng chấp chới như phép tồn tại của kẻ nghệ sĩ bất đắc dĩ và bất đắc chí là tôi. Rằng bài hát nằm trong túi áo tôi không theo đơn đặt hàng. Nàng phải tới, để tôi hát một lần không múa may không đèn chiếu không dàn nhạc ào ào như đội cùng một thứ nước sốt lên mọi món ăn. Tám, chín, rồi mười tiếng đồng hồ lần lượt điểm huyết gáy tôi. Mưa vẫn thế, đều đều, như chúng tỏ trời còn sung sức lắm, trời không phải kẻ đầu tiên bỏ cuộc. Vậy tôi cũng khô-

ng được phép bỏ cuộc, bất chấp cái linh cảm quái ác bắt đầu ngấm lạnh vào lục phủ ngũ tạng, rằng toàn bộ cuộc hẹn hò bất lợi này chỉ bám vào một câu nói vô tình, một địa chỉ vu vơ. Tiệc tùng át nháo khiến người ta nói năng như nhấp rượu, ghé môi vào rồi quên mình đã uống ở cốc nào. Rất có thể nàng đã chân thành trong phút ấy, rồi đã tặc lưỡi, thậm chí đã quên. Hay đơn giản chỉ vì thời tiết. Các thiếu nữ mỏng mảnh lắm, mưa gió thế này họ sợ trôi thẳng ra biển.

Nhưng được chờ còn hơn chẳng có gì mà đợi. Cơn mưa này hóa ra niềm ưu ái trời dành cho tôi. Nếu tôi quyết định nên biết thế là tín ngưỡng thì niềm tin đầu tiên của tôi cụ thể là về già tôi sẽ được thêm một lần đợi chót. Bốn cuộc chờ làm mùa cho một đời tròn. Chủ quán cau có xuất hiện, chửi đồng một câu về thời đã khó,

trời lại chó má thế, lằm bằm mỗi khách ra cho nhà đóng cửa và vung chổi, xô bàn ghế âm ẩm. Cặp tình nhân mệt mỗi đỡ đau đứng dậy, người đàn bà liếc nhanh tôi, người đàn ông liếc nhanh cô gái rồi cả hai nhìn nhau ý nhị. Bây giờ họ ra mưa, mỗi người một xe, đạp về cái tổ khô ráo của mình. Chưa bao giờ người Hà Nội ngoại tình ồ ạt, ngoại tình lấy được, ngoại tình mệt mỗi như bây giờ. Tôi nép dúi má hiên chật, mùi nước hoa sát bên cạnh. Cô ta lại châm thuốc, băng quơ: «Chưa về à? « Tôi nhìn kỹ. Quả là một gương mặt biết quá đủ thế nào là nước mắt, và bất giác đáp: «Chưa». Mùi nước hoa bắt đầu bủa vây tôi. Chẳng lẽ mọi kết thúc đều như trong văn chương lá cải thế này sao? Câu chuyện của tôi đã mở đầu đâu đâu đến nổi! Hút xong điếu thuốc, cô ta quăng tàn đánh vèo vào ma. Lại băng quơ: «Thế nào?» Tôi im lặng. Chẳng lẽ lại thú thật

rằng cả cái ham muốn ấy tôi cũng không còn nữa, và xin cô một lời phán xem thế là ổn hay thế là đáng tuyệt vọng lắm rồi.

«Gần đây thôi...», cô ta lẩm bẩm như hết kiên nhẫn rồi bỗng vùng vằng: «Mất đứt buổi tối...» và dần dần bỏ đi. Thực ra tôi có cảm tình với cô. Cô đầu tư thời gian cho nghề của cô, không tranh thủ chụp giật như mấy chị ven hồ Thiên Quang. Các chị ấy bình thường bán một mẹt thuốc lá, khách yêu cầu thì bỏ mẹt đứng lùi vào một gốc cây, xong xuôi trở lại mẹt, khách thường lấy thêm một điếu châm lửa rồi thông thả đạp xe đi, điếu thuốc ấy các chị cũng tính tiền. Tôi gọi: «Cô đi đâu? Mưa lắm!». Cô ta đứng lại, cười khích lệ: «Gần đây thôi...» Tôi chìa tay, nhận được năm ngón tay phụ nữ rất mềm. Đúng lúc tôi bắt đầu xúc động vì những ngón tay tự nhiên và ngoan ngoãn ấy thì cô ta nhích

ra, từ từ, thận trọng, như sợ bị giữ lại. Khi đã cách tôi ba bước, trong tay, cô ta nói: «Ông anh cứ tâm trạng đi, còn mưa hết đêm cơ đấy! Gì chứ tâm trạng thì đây cũng khỏi!» Tôi nhìn cô ta. Cô ta nhìn tôi. Cả hai cười phá lên. Rồi cô gái lao mình vào mưa, miệng «bái bai», tay vẫy vẫy. Tôi vẫn đứng như thế, chân tê lạnh, người trống rỗng không một cảm xúc hay ý nghĩ nào hết. Một lúc nào đó từ trong quán vọng ra tiếng chuông thứ mười hai. Vì không đến. Nàng vừa là người hát hay nhất trần gian, vừa có thể ngồi bên tôi hàng tiếng đồng hồ, không cần nói gì mà vẫn dễ chịu.

Nhưng nàng không đến. Giọt mưa cuối cùng rơi vào khoảng hai giờ đêm. Những đêm mưa lạnh lạnh thế này các thiếu nữ thường ngủ say lắm.

10. THỦ LĨNH TRONG BÓNG TỐI

Đúng mười năm trước tôi được đưa đến ra mắt Trần Dần, sau khi ông đọc bản thảo một số truyện ngắn đầu tay chưa công bố của tôi. Làng văn Hà Nội khi ấy, trong đêm trước của cuộc cõi trời ngắn ngủi, có một không khí nhộn nhịp nhất định. Dân văn chạy ngược xuôi trong văn, không tất tả việc khác như bây giờ. Cả người viết lẫn người đọc đều chờ một cái gì không rõ, nhưng sẽ đến, và có lẽ vì thế mà háo hức, không lãnh-đạm-

biết-rồi như hiện tại. Khi đó chưa nhà nào có điện thoại riêng, muốn trò chuyện phải tìm nhau tận mặt, rượu tây chưa phổ biến, thức nhắm còn nghèo nàn, thuốc lá Liên Xô Ấn Độ đã là sang, đi xe máy là ngoại hạng, và mọi người đều viết tay trên giấy xấu... Cảnh hàn vi đó nuôi lớn một thứ chủ nghĩa lãng mạn giản dị, đầy tính lý tưởng và cũng đầy ảo tưởng mà giờ đây đã biến mất. Hà Nội, khi Trần Dần qua đời, khác xa mười năm trước, khi tôi hồi hộp đến gặp ông như gặp một thủ lĩnh văn chương trong bóng tối.

Không người viết nào muốn thuộc về phía tối của đời sống văn học, song khi phía được chiếu sáng quá tầm thường thì được khuất mặt có thể là một hạnh diện chính đáng. Trước khi ông tưởng về hủ của Nguyễn Huy Thiệp đại náo làng văn thì Nhân Văn Giai Phẩm với mọi huyền

thoại của mình đã luôn là một trong những cái chợ đuổi có sức mê hoặc lớn hơn cửa hàng văn học mậu dịch nhiều. Văn học của NVGP tập trung ở những tác giả và tác phẩm cụ thể của nhóm ấy thời ấy, nhưng tôi quan niệm tinh thần NVGP rộng hơn, bao trùm một số quan niệm, phong cách, nguyên tắc, thái độ ứng xử, đề tài... nhất định, có thể tìm thấy ở những chỗ khác thời khác, ở độc giả, ở các nhà phê bình, thậm chí ở những người từng quyết liệt chống NVGP hoặc rất sợ dính vào đó. Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn luôn ký tên hàng đầu trong các bản án chống NVGP, song chính cái tinh thần NVGP trong ông được kết hợp ở thể chân kiềng với tài năng và lòng biết sợ đã tạo cho ông một đặc cách trong văn học chính thống. Ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng tương tự như vậy. Song sau nhiều chục năm, số tác phẩm

ra đời trong những hoàn cảnh như thế không còn đọng lại bao nhiêu.

Như thế không ai chết được nhiều lần, mà trong tinh thần NVGP ấy, các chiến sĩ ưu tú nhất đã ngã xuống cho những lý tưởng khác trước khi kịp hi sinh cho nghệ thuật. Khi tiếp xúc với thế giới của họ, tôi đã hy vọng là sẽ trèo qua nhanh cái nấc thang thứ nhất đương nhiên là rất quan trọng, vì nếu không thì chẳng vào với nhau được: đó là bi kịch mà ai cũng biết ít nhiều về NVGP. Trèo qua nhanh, vì đã bận tâm vào đó thì không thể chỉ rửa nước mắt vào rửa những vết thương bên ngoài. Tôi hình dung rằng những vị tử vì đạo rất ghét kẻ nào chạy lăng xăng quanh nỗi đau của họ, ăn theo những thăng trầm của họ. Mà tôi lại chú tâm vào những bi kịch văn học hơn, cho nên nấc thang sau và sau nữa là cái đích của tôi.

Văn học không chỉ sinh ra từ cuộc đời bên ngoài, mà còn sinh ra từ chính văn học. Khi bước vào nghề văn, tôi muốn biết cái nổi văn mà tôi đang nấu, hoặc định nấu, được kê bằng cái gì, được đun bằng cái gì. Trừ ngoại lệ lớn nhất và bền bỉ nhất là Trần Dần cùng một vài người chịu ảnh hưởng trực tiếp của ông, tôi luôn có cảm giác rằng giữa những người theo tinh thần NVGP và tôi có trò chuyện, nhưng hầu như không có một đối thoại thật sự, và những cuộc trò chuyện giữa đôi bên bao giờ cũng chỉ dừng ở một chiều sâu lịch sự, dễ chịu, không thể đi quá một chút nào, và luôn luôn quanh quẩn ở cái nấc thang thứ nhất kia. Dường như thời gian ở chỗ họ từ lâu lắm rồi đã không nhích thêm gang tấc nào, tôi thì đầy sự nôn nóng của tuổi trẻ, mà lại phải rất cẩn thận để không làm tổn thương ai. Luật của chúng ta dường như là vậy. Đày đoạ, thanh trừng, xoá sổ

kẻ khác thì được, nhưng làm mất lòng thì không. Tôi không thể nói thẳng với họ, rằng tôi không nhất thiết phải đọc họ chỉ để biết rằng, nhà văn cần yêu ai cứ nói là yêu, ghét ai cứ nói là ghét, điều đó tôi được học ở nhiều chỗ khác rồi, mà không phải là học qua văn chương. Nói như thế là bạc, là phản bội, là rũ trắng mọi khổ đau đen ngòm của người khác. Nhưng có lẽ tôi đã kỳ vọng ở họ nhiều quá. Khi tuổi trẻ bị bịt đường lên phía trước thì nó ngoảnh lại phía sau mãi như vậy và thành những ông cụ bà cụ non. Tôi đã tìm một lối để thoát khỏi văn học Việt Nam đương đại. Cái văn học đó buồn tẻ, nhưng cuối cùng thì lối thoát của nó không phải là giật lùi về đỉnh cao của những năm 50. Cũng như vậy, văn học đổi mới hiện tại chẳng còn gì đáng nói nhiều nữa, song nó không nên ngoảnh lại tiếc nuối cao trào 1988-1989.

Trong những điểm cốt yếu, văn học của nhóm NVGP cùng một bản chất với văn học chính thống sau này. Có thể coi đó là sơ kỳ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Còn phần lớn các tác phẩm cuối những năm 80 mà trong nước tuy gọi đùa, nhưng có lý của nó, là Nhân Văn 2, ngoài nước gọi là văn học phản kháng, là mạt kỳ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Thực ra những người làm nhiệm vụ duy trì và bảo vệ văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa có thể yên tâm lâu dài: một mạt kỳ có thể kéo thêm cả thế kỷ, mà theo tôi thì văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa hoặc một cái gì na ná như vậy còn có tương lai vô tận ở Việt Nam. 500 hội viên này của Hội nhà văn Việt Nam có thể được thay bằng 500 hội viên khác, song 50 triệu người đọc thì không bãi đi để bầu mới nhanh như vậy được. Nền văn học này cũng đẻ ra một số

tài năng và những tác phẩm có thể xúc động lòng người. Nhưng các tác giả và tác phẩm của nó giống nhau, hoàn toàn không có cá tính, đúng như Trần Dần đã nhận xét, năm 1955, về tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, rằng thậm chí những câu hay của Tố Hữu cũng không có chữ ký riêng, có thể ký ở dưới là Nguyễn Du, Tản Đà, hay Ca Dao đều được. Những người có tên tuổi ở thời NVGP cũng không tránh được điều đó. Một số bài thơ của Lê Đạt và Phùng Quán thuở ấy có thể ký lộn cho nhau, sau này thì Lê Đạt tách hẳn ra để có một chữ ký độc đáo cho riêng mình, và lịch sử quả thật thích đùa khi ông bị Trần Mạnh Hảo, một nhà thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa mặt kỳ phủ đầu, chính vì đoạn sau này. Bên Kia Sông Đuống của Hoàng Cầm, hay Màu Tím Hoa Sim của Hữu Loan đi vào lòng người vì những lý do khác, chứ không phải vì đạt tới cái mà

Trần Dần đòi hỏi, ngay từ thuở ấy, rằng nhà thơ trước hết phải có được cái chữ ký riêng của mình. Ông cũng chưa ngay rằng đương nhiên còn phải xem kỹ cái chữ ký ấy nó như thế nào, nhưng mức tối thiểu là phải đạt được như vậy. Lịch sử văn học Việt Nam nửa thế kỷ qua cho thấy, cái tối thiểu mà Trần Dần yêu cầu ấy đã hầu như không đạt được. Cho nên phần lớn tác phẩm của ông, mỗi dòng là mỗi riêng một cỗi, càng lúc càng riêng, riêng tới mức cực đoan, riêng tới mức bí hiểm phải giải mã, phải cần đến một từ điển Trần Dần, không có cách nào khác là làm phận bản-thảo-nằm. Ở ông là một bi kịch văn học lớn mà cái bi kịch chính trị của NVGP chỉ là một trong những bề đệm, còn ở một số người khác thì NVGP là sân khấu, thậm chí có sự trình diễn của các vai nạn nhân, văn chương chỉ đóng một vai rất phụ. Cho nên, nói về ông bây

giờ mà không qua cái nấc thang thứ nhất kia cùng là tí ti minh oan, tí ti phục hồi, tí ti thương cảm, thì khác nào nhổ sơ sơ vài ngọn cỏ cho sạch vài phân vách đá, nhưng đằng sau đó là Äng-co, để dùng lại một biểu tượng mà ông ưa dùng. Bất hạnh lớn của Trần Dần là NVGP, nhưng bất hạnh còn lớn hơn của ông là ông đã quẳng gánh NVGP từ lâu lại sau lưng, còn người đời thì vẫn ề lưng ra gánh mãi. Sự nghiệp của ông không chấm dứt với năm 1958, mà mở đầu từ đó, và đạt tới cao trào trong khoảng 15 năm, từ giữa những năm 70, nghĩa là liên quan không nhỏ tới việc Sài Gòn thất thủ, đến cuối những năm 80, khi ông ngã bệnh.

Bi kịch của Trần Dần là bi kịch của một nhà cách tân, có lẽ là nhà cách tân lớn nhất và sâu sắc nhất trong văn học miền Bắc Việt Nam nửa thế kỷ qua. Việc ông

đi theo cuộc cách mạng của Đảng cộng sản cho đến NVGP là việc dễ hiểu, bởi đôi bên khi ấy cùng chung nhau một chữ cách: cách mạng, cách tân, cùng chung nhau một ý tưởng đổi mới. Việc diễn ra sau đó đối với ông, theo tôi, cũng là một tất yếu. Tôi không cho rằng ông bị hiểu nhầm, mà ông bị không hiểu. Không hiểu chứ không phải hiểu nhầm. Hiểu nhầm còn chữa lại được, không hiểu thì khó thay đổi hơn nhiều. Một người như thế sống ở bất kỳ đâu cũng khó. Còn ở một nơi mà tính đại chúng là tiêu chuẩn tối thượng của văn chương nghệ thuật, một nơi mà sự phục tùng tổ chức, quyền uy, thế lực là kim chỉ nam cho mọi hành vi văn chương thì một người như thế phải bị đày đoạ, bị tẩy chay, hoặc nhẹ nhất là bị bỏ qua. Trong văn học Việt Nam, tôi chưa biết một trường hợp nào mà ham muốn sáng tạo và cách tân quyết liệt như ở Trần

Dần. Nghĩa là ham muốn vượt qua, hoặc ít nhất là khác đi với cái cũ, hoặc cái đã trở thành cũ, ở bên ngoài mình đã đành, lại còn liên tục tự mới với chính mình, tự vượt qua mình, mà lại làm điều ấy trong từng chi tiết, cho đến tận nét chữ chẳng hạn. Ông có 4 kiểu chữ hoàn toàn khác cách nhau: cho giai đoạn đến NVGP những năm 50 là một, giai đoạn ngắn sau đó, đầu những năm 60 là hai, giai đoạn đến đầu những năm 80 là ba, từ đó đến nay tuy chung một kiểu chữ là bốn, nhưng ngay trong một kiểu này cũng có nhiều phát triển khác nhau, kèm theo một khoa chính tả khác thường và một thư pháp, hay thư họa rất đặc trưng Trần Dần. Chỉ riêng điều có thể coi là nhỏ nhất trong cái khối khổng lồ là ông- để dùng lại chữ của Dương Tường- đã làm việc đọc ông rất phức tạp, mà lại càng không thể công bố nhiều tác phẩm của ông ở dạng in ấn

bằng những con chữ thông thường.

Trần Dần đương nhiên là khó hiểu. Nhưng ông nói về sự khó hiểu một cách hết sức giản dị: “Tất cả mọi giá trị Chân Thiện Mỹ đều là khó hiểu.” Khi ông tuyên bố: “Cái đẹp đẹp giết chết cái đẹp”, thì một câu sáng rõ như vậy quả là tối tăm mù mờ với những ai chưa bao giờ nghĩ ngợi về cái “đẹp”. Cái xinh xinh không thể đẹp, ý này có thể của ai khác, có thể từ tư duy trong tiếng nước ngoài, song vào tay Trần Dần thì thành cách nói đặc biệt Trần Dần, nhanh, mạnh, lột trần, độc đáo, không lặp lại ai và không tự lặp, rất Việt và rất hiện đại. Đồng nghiệp của ông yêu cách nói này thì ít, mà sợ thì nhiều. Nguyễn Khải đã tả về hai con mắt “hiếp đáp thiên hạ” của Trần Dần. Không ít người suốt đời hậm hực về một lời phê thường cộc lốc nghiệt ngã của ông. Song

một nhận định phát ra từ bóng tối và cõi im lặng của Trần Dần có cái uy dũng mà người ta tuy hãi nhưng thềm. Ai chịu trận được thì mang ơn ông mãi. Tôi được ông ưu ái khi vừa mon men vào nghề, phần khởi lắm, nhưng những lời đe của ông sau này mới thực cho tôi những bài học càng lâu càng ngấm.

Người ta coi Trần Dần là lập dị. Nhưng trong một môi trường mà chỉ riêng chiếc ba toong của cụ Nguyễn chống trên vỉa hè Hà Nội đã được coi là biểu tượng của khác thường, thì sự lập dị của Trần Dần là vượt ra mọi cách. Chúng ta có thể tôn sùng kẻ đứng đầu một cách, nhưng kẻ vượt ra mọi cách thì không có chỗ đứng. Cho nên Trần Dần nằm. Thơ ông là thơ nằm. Mọi bản thảo của ông là bản thảo nằm. Hàng chục sổ thơ của ông là sổ nằm, ông đặt tên là sổ bụi, và khi hết

sổ phải dùng đến vở tự khâu, thì đấy là vở bụi. Vả lại, khí chất của Trần Dần là cái khí chất không thuận với mọi cách, may ra ông gần hơn cả, gần chứ không thuận, với cách thi trung hữu quy, và tự gọi mình là một thi tặc. Tôi chưa thấy ai trong lịch sử thi ca Việt Nam dám như vậy, đường hoàng như vậy: Thi tặc! Thơ ca của chúng ta có hay thì cốt hay-mãi-ngàn-năm theo hướng thánh thi, tiên thi, đạo thi, có đẹp thì đẹp theo cách tròn đầy nhã nhặn mà Trần Dần tuy ghi nhận nhưng không rung động. Nếu ai hoảng sợ trước cái khái niệm thi tặc ấy thì tốt nhất đừng đọc Trần Dần. Còn đã quyết định đến với ông thì xin đừng coi trọng quá những hành trang tinh thần mà mình đương nhiên khuôn theo, vì Trần Dần thật lắm bất ngờ. Và nhất là, ông sẽ giới thiệu một thứ ngôn ngữ khác, một thứ tiếng Việt không chỉ cho lỗ tai mà còn cho con mắt, không trói

nghĩa vào chữ, không bôi chữ vào chỗ trống của vô nghĩa.

Từ 1958 đến nay Trần Dần làm cái việc mà ông gọi là “làm quốc ngữ», trong bóng tối, cách bức với những phong trào “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt» cứ thỉnh thoảng lại ồn ào dấy lên bên ngoài. Công trình quốc ngữ của một cá nhân lẻ loi lạng lẽ như Trần Dần hoàn toàn khác. Con chữ nào qua tay ông là mang một cuộc đời mới. Những người xung quanh ông, người nào cũng xin được, có khi trộm được, ít nhất là một vài con chữ từ cái lò luyện chữ của Trần Dần như vậy. Những chữ rất hiện đại và đầy truyền thống. Cách ông đối xử với ca dao chẳng hạn là cách của một người biết yêu sao cho cả phía được yêu lẫn phía mình đều lớn bổng lên, không phải cách “yêu ai thì người đó nhỏ lại» như ông đã từng phê rất đích đáng

một nhà thơ nổi tiếng. Là những chữ rất hàn lâm uyên bác mà cực nôm. Cái sướng nôm của ông, nôm hiện đại của “1 bát sọ 1 lẹo vú 1 bú đít 1 lít nách», lây mạnh sang những người xung quanh, thành những ca vô cùng đặc sắc, thành một thứ tiếng Việt hiện đại và đầy phiêu lưu kỳ thú. Ông thậm duy mỹ mà sâu xa và có một giác quan không thể đánh lừa cho mọi giá trị thực. Điều đó kéo theo sự trân trọng và ngưỡng mộ, rất bất chấp, rất hồn nhiên của ông trước những tài năng và nhân cách thật. Ông đã nâng niu thơ Đặng Đình Hưng như thơ ruột, dù quan hệ đôi bên không phải lúc nào cũng êm. Đồng thời, sự thẳng thắn đến phũ phàng của ông trước những thú của rởm cũng không chứa bạn bè thân thích. Trước những con chữ, lòng ông khẳng khẳng trong sạch. Chỉ có điều, tất cả những thú ấy đóng kín trước một số đông, một số rất

đông, không phải của riêng thời NVGP, mà cả bây giờ và sẽ rất lâu sau này vẫn thế. Bây giờ, nếu một phần di cảo của ông có được đưa ra nghiên cứu và sử dụng, cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay số người có thể đọc xuyên qua được những trang bản thảo ấy. Sau ba mươi lăm năm, một trong hơn ba chục tác phẩm của Trần Dần mới ra mắt người đọc, tập thơ-tiểu thuyết *Cổng Tỉnh*, và được nhận giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt Nam. Sự công nhận muộn mằn này dừng lại ở mức một cử chỉ thiện chí, với một quá khứ oan khiên, với một nhà thơ lớn khi ấy đã gần đất xa trời. Song nó không mang lại cho Trần Dần nhiều người đọc hơn. Khi cái lưới của đám đông đã hoàn toàn thoái hoá thì cao lương mỹ vị bày ra cho ai? Một phần ba thế kỷ văn văn quốc doanh, văn xuôi mậu dịch trên môi và trong lòng người đọc Việt Nam đã khiến ít ai vượt qua chỉ

cái tựa đề Cổng Tỉnh. Tôi mở trang đầu,
đọc những dòng đầu mạnh mẽ mội mội:

Kỷ niệm! Đưa tôi về chốn cũ!

Đừng ngại mây che từng cây số buồn
rầu!

Đừng ngại mở trong lòng vài khung
cửa nhớ thương...

qua những dòng bông bột lạ lắm:

Thì hãy lấy mùi soa đêm chùi đôi mắt
khổ

Hơn là mỗi răng nhai rầu rầu vĩa hè...
những dòng ngọt lịm:

Có lẽ xa kia là phố tôi sinh

Có sương sớm đọng trên đèn muện...

những dòng Trần Dần huyền thoại:

Gió thổi kèn ma mưa thui lòng ngỗ
hẹp

 ò..ò đêm đi như một cỗ quan tài...

những dòng tha thiết:

 Ở đâu? ở đâu có ngậm đèn xanh

 Rèm che nhoè cửa sổ?...

 Nín đi thôi. Nín đi thôi các đại lộ
nhiều cây

 Đừng sa sút lá

 Để ta còn khuyên gió... gió đừng rung
cây...

những dòng khinh bạc quay quắt:

 Tôi ơi! Tôi ơi!... Tôi vẫn rong chơi bên
mấy cột đèn mù...

 Tôi càng đứng bơ vơ đầu cổng tỉnh..

Tôi không có đủ đau thương cho mãi
hạn sống

Tôi không có đủ tình yêu

Yêu trái đất lục đục thế này...

rồi lại ngọt đắng:

Gió ơi đừng vội tủi

Khuya rồi! Hãy tới khóc ở hom sông...

Có lẽ thu rồi em nhỉ

Em chớ khóc nhiều vàng ố ngã tư
xưa...

Chỗ nào ông cũng thổi một sự sống
khác thường vào những con chữ, chỗ nào
cũng dành cho ta một bất ngờ. Biết bao
giờ số đông người đọc Việt Nam mới dọn
lòng, dành cho tài năng ghồ ghề jờ joạcx

này một chỗ?

Số phận của Trần Dần là số phận hoàn toàn cô đơn và trong bóng tối theo mọi nghĩa của một người dốc hết mình vào thừa ruộng thử nghiệm của văn học, đặc biệt là của thi ca, một người, để dùng lại chữ của NVGP mà chắc sau này ông cho là mauvais gout lắm, moi tim moi óc làm thơ, một Tư Mã-như tên ông đặt cho mình và bạn bè- suốt nửa thế kỷ không chịu lùi một ly chữ, để làm cái việc mà ông gọi là thơ tự xứ này lên. Một người đi suốt ván chiêm bao của những cái bị nợ và tự nợ, đánh suốt một ván đời với cái biết và cái chưa biết. Ông nói rằng, cái biết là nghĩa, cái chưa biết là chữ. Làm câu châm ngôn hay như Khổng Tử là chưa phải thơ, nghịch lý như Lão Tử chưa phải thơ. Nhảy qua bóng mình mới là thơ. Mình chưa hiểu thơ vì khó

mà nhảy qua bóng mình. Tôi không dám nói ông đã thành công trong bao nhiêu mùa thử nghiệm của mình. Chỉ biết rằng, những ai may mắn đến lấy một hạt giống ở ông, rồi đem về đất của chính mình, đổ sức của chính mình vào đó thì ắt là thành công, trong những trường hợp hiếm hoi như Đặng Đình Hưng thì là một thành công lớn. Còn nếu không cũng được một mùa, theo chữ của ông, là mùa sạch.

Trần Dần từng nói, “tôi sốt ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn chúng tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến.» Nhưng trong một số bụi ông lại tự hỏi: lớp trẻ liệu có còn được một cơ hội mấy chục năm quốc nạn như mình không để làm cái việc ấy? Ông đã ngã bệnh nhiều năm trước khi qua đời, có lẽ cũng linh cảm nhưng không còn đủ thời gian để nhìn thấy những hình dạng mới của quốc nạn.

Văn chương bây giờ có vẻ như chưa cần đầy đọa đã ngắc ngoải tự hủy, chưa sinh ra đã kể huyệt. Thì chôn ai?

Tôi thuộc lớp trẻ, nợ ở ông một lòng ưu ái, mang theo lời đúc kết rất Trần Dần: nhân cách của nhà văn chính là văn cách của anh ta. Tối thiểu tôi phải có được một văn cách.

PTH 1997

(Đăng lần đầu trên tạp chí Văn Học, 1997)

11. TƯ CÁCH CỦA TRÍ THỨC VIỆT NAM

Phạm Thị Hoài

Bài nói chuyện này tôi không muốn phổ biến rộng hơn phạm vi của buổi tọa đàm tháng Mười 2000 tại Berlin, và đương nhiên đã không cho phép sử dụng và đăng tải tại bất cứ nơi nào. Song vì những hiểu lầm nhất định, tạp chí Cánh Én đã đăng bài này tháng 4/2001 và tổ chức thảo luận trên diễn đàn liên mạng Trí thức Việt Nam. Vì bản chuyển từ băng ghi âm do Cánh Én thực hiện và không hề thông qua tác giả có vô số sai sót, tôi đành tự ghi lại bài nói

*chuyện này để có một tư liệu đúng. Đó là lí do duy nhất về phía tôi cho việc đăng tải mà trước sau tôi vẫn không muốn. PTH.
(*)*

Vấn đề tôi muốn đặt ra ở đây rất đơn giản, xin những vị có ý chờ đợi ở một nhà văn những tư tưởng cao siêu, phức tạp thể tất cho. Tất nhiên là mọi vấn đề của hiện thực Việt Nam đều rất phức tạp. Nhưng tôi nghĩ rằng, cái cách dễ dàng nhất, lấu lỉnh nhất để khỏi phải đối mặt với cái hiện thực này chính là làm cho nó phức tạp hơn bản thân nó. Mà văn nghệ sĩ và trí thức Việt Nam có một căn bệnh trầm kha là, khi sự vật dường như không thể giải quyết nổi theo các tiêu chí của nho sĩ, hiệp sĩ hay chiến sĩ thì nó lập tức được nhìn theo nhãn quang của phương sĩ, hay đạo sĩ. Đây là một thứ

nhân quan tất nhiên rất thú vị và vô cùng phức tạp, thú vị và phức tạp tới mức cho phép người ta có thể mãi mê trong chính nó, và bản thân hiện thực chỉ còn là cái cớ rất phụ mà thôi. Nhưng chúng ta sẽ trở lại cái hiện thực này ở một đoạn sau. Bây giờ tôi chỉ xin nói trước là, trong buổi hôm nay chúng ta sẽ cố gắng giản dị và sáng tỏ trong suy nghĩ của mình.

Xuất phát điểm của vấn đề mà tôi muốn đặt ra cũng rất giản dị:

Sau ít nhất là hai ngàn năm có một cộng đồng Việt, một dân tộc Việt, một văn hoá Việt, một quốc gia Việt, và sau ít nhất là hai trăm năm có một lãnh thổ Việt như ngày nay, chúng ta vẫn là một nước nghèo và lạc hậu vào hạng nhất thế giới. Nhưng vấn đề không phải chỉ ở chỗ nghèo và lạc hậu. Nếu chỉ như vậy thì tôi còn chưa thấy có gì đáng sợ lắm.

Vấn đề một là ở chỗ: chưa bao giờ chúng ta không như thế. Từ khi tôi sinh ra đã như vậy. Từ khi cha mẹ, ông bà tôi sinh ra đã như vậy. Từ khi các cụ tôi sinh ra cũng như vậy. Khi các kỵ tôi sinh ra thì thế giới lúc đó chỉ là Trung Hoa và Ấn Độ, nhưng bảng xếp hạng thì vẫn thế, không có gì thay đổi. Nước Hy Lạp chẳng hạn là một nước hiện nay đang nghèo nhất cộng đồng Châu Âu, nhưng không phải bao giờ cũng thế. Nước Nga cũng đang vô cùng bê bối, nhưng không phải lúc nào cũng thế. Chỉ có nước Việt là chưa bao giờ không như thế mà thôi. Tôi thậm chí không dám nghĩ tiếp rằng, khi cháu tôi, hoặc chắt tôi sinh ra, chúng ta vẫn không thoát được cái kiếp đời số như vậy. Sở dĩ tôi phải nói hơi dài về vấn đề này, vì nó là một yếu tố quan trọng trong việc hình thành tính cách và tư cách của người Việt nói chung và người trí thức Việt nói

riêng. Ta hãy hình dung, nếu một anh học trò trong suốt cuộc đời đi học của mình không bao giờ không đứng cuối lớp, như một cái dớp không thay đổi, thì đến một lúc nào đó ý chí phấn đấu của anh ta, nếu anh ta có một ý chí, cũng phải tiêu tan.

Hai là, nếu câu chuyện chỉ dừng ở chỗ chúng ta là một nước nghèo và lạc hậu mà thôi thì tất nhiên vẫn là một câu chuyện buồn, nhưng chưa đến nỗi bi đát và vô vọng. Bởi lẽ - chỗ này tôi cũng phải nói thẳng, vì chúng ta đang sống ở một nước không nghèo và không lạc hậu tí nào là nước Đức - có thể nói rằng sự giàu có và văn minh tiến bộ cũng đẻ ra những nỗi buồn rất đặc trưng của nó, cũng đẻ ra sự bi đát của nó, chứ không phải chỉ riêng nghèo và lạc hậu mới buồn và bi đát. Ta vẫn thường xuyên thấy những công dân của cái thế giới văn minh và giàu có này

tìm cách giải toả những nỗi buồn của họ, giải toả những bi kịch của sự thừa thãi vật chất cũng như của sự tiến bộ với tốc độ rất nhanh chóng của cái xã hội hiện đại của họ bằng cách tìm về những xã hội còn mông muội, còn bán khai, còn nghèo khó, và coi đó là một câu trả lời nhất định, một alternative. Tất nhiên chúng ta có thể mỉm cười và coi đó là một thứ lãng mạn, một căn bệnh quý phái, nhưng không thể bác bỏ nó được. Chỉ có điều, hiện thực Việt Nam thậm chí không phải là chỗ thích hợp để cái thế giới thứ nhất đó chữa chạy những cái căn bệnh quý phái của mình. Bởi vì ngoài cái nghèo và lạc hậu, thì đến đầu thế kỷ 21 này xã hội Việt Nam còn là chỗ hội tụ của những dịch bệnh dường như vô phương cứu chữa khác mà bao trùm lên tất cả là một khái niệm, tôi đặt tên khái niệm đó là sự bất an. Với một nhà văn thì đương nhiên

sự bất an trong tinh thần và tâm hồn là mối quan tâm chính. Theo cách nhìn của tôi, thì sức mạnh của một xã hội là khả năng đem lại cho các thành viên của nó cảm giác an toàn và yên tâm nhất định. Người ta có thể nghèo, nhưng nếu người ta có được một cảm giác an toàn nhất định, điều đó quan trọng hơn. Nếu không có cảm giác ấy thì người ta chỉ có thể miễn cưỡng sống tạm cuộc đời của mình và đương nhiên không có một động cơ nào đủ mạnh để sống tiếp cuộc đời của những thế hệ trước, sống trước cuộc đời của những thế hệ sau và sống chung cuộc đời của những kẻ cùng thời. Nói như thế thì xã hội Việt Nam là một tập hợp tạm bợ, rời rạc và hoàn toàn không hữu cơ của những cá nhân hoang mang và bất ổn.

Về xuất phát điểm là như vậy, vấn

đề đặt ra là trong cái số phận dường như là vĩnh viễn hẩm hiu đó của dân tộc ta thì người trí thức tham dự như thế nào ? Nói một cách khoa trương và có lẽ tương đối sáo thì người trí thức Việt Nam chịu trách nhiệm gì về cái số phận chung ấy của cả một dân tộc ? Cho đến nay, chúng ta đã nghe, có thể là đã nghe đến thuộc lòng, những lời đáp vô cùng rõ ràng về việc này. Việc vì ai, do ai mà nước ta đáng buồn như vậy. Có hai câu trả lời rõ như ban ngày: một là do khách quan, hai là do chủ quan.

«Thằng khách quan», tôi xin lỗi là phải dùng một từ như vậy, bởi vì trong tiếng Việt thì kẻ có tội rất to như thế phải bị gọi là thằng. Thằng khách quan nó có vô số hoá thân và đều được gọi tên rất rành mạch: lúc thì đó là thằng lịch sử, lúc thì đó là thằng bối cảnh, thằng hoàn

cảnh, thẳng tình hình chung, lúc thì đó là thẳng ngoại xâm, thẳng thế lực thù địch, thẳng thực dân đế quốc, thẳng thiên tai địch họa ... Nếu nghe như vậy thì người ta có cảm giác là: bao nhiêu thẳng khách quan đều cẳng nhất đều hòa nhau vào ám dân tộc ta cả. Như vậy thì chẳng có lý do gì hy vọng và chẳng có một cuộc toạ đàm nào, một cuộc hội thảo nào cần thiết nữa. Và nếu ai tin vào lời tiên đoán của ông giáo sư Harvard là ông Huntington trong cuốn sách cách đây mấy năm rầm rộ, cuốn Cuộc Chiến Văn Hóa, rằng Việt Nam sẽ là địa bàn xung đột để chiến tranh thế giới lần thứ ba giữa Mỹ và Trung Quốc xảy ra, thì quả nhiên là chúng ta đáng tuyệt vọng hoàn toàn.

Về chủ quan, người Việt Nam không có truyền thống đem cả một dân tộc ra mà tự phê bình. Một trong những lý do

vì sao như vậy cũng là ở chỗ, khi người ta đã suốt cả một số phận luôn luôn đối số thì lòng tự tin thực sự chẳng còn gì lớn lắm. Đây là tôi muốn nói đến một lòng tự tin thực sự, chứ không phải cái thứ tự tin theo kiểu vừa đánh võ mồm vừa run trong lòng, hoặc là thứ tự tin lưu manh, cứ kích nhau lên để hòng vụ lợi cho mình. Rõ ràng là tự phê bình đòi hỏi một lòng tự tin lớn. Tôi cứ nhìn cái cách tự tra vấn mình, tự hành hạ, tự truy tội, tự xỉ vả mình của một dân tộc như dân tộc Đức này mà phải nhận ra rằng: phải là một dân tộc đã đạt được nhiều thành tựu đến mức nào mới dám làm cái việc cũng rất ư quý phái là tự phê bình mình như vậy ... Vậy dân tộc Việt trọn gói thì không có lỗi gì đáng kể, nhưng một bộ phận, bộ phận đầu sỏ của nó thì bao giờ cũng luôn luôn là đầu mối của mọi tai họa. Bộ phận đó, như chúng ta thường

xuyên được nghe nói, bao giờ cũng là chính quyền, là lực lượng thống trị ... Lúc thì chính quyền Bắc thuộc, lúc thì là vua quan nhà Nguyễn chịu trách nhiệm, lúc thì chính quyền thực dân Pháp chịu trách nhiệm, lúc thì bè lũ Mỹ-ngụy. Và bây giờ, không có chính quyền nào khác hơn là chính quyền cộng sản, thì chính quyền cộng sản chịu trách nhiệm. Bảo đúng thì tất nhiên là đúng. Nhưng như vậy có kỳ cục lắm không? Chẳng lẽ trước năm 1945 nạn đói xảy ra là do phong kiến thực dân, còn bây giờ nạn đói xảy ra là do cộng sản hay sao ?. Chẳng lẽ cái thói chạy chọt, vây cánh, cửa quan, cửa quyền, bộ đỡ ... rất nổi tiếng từ thời cụ Ngô Tất Tố cũng tại cộng sản hay sao ?. Chẳng lẽ văn chương Việt Nam cả một thế kỷ 15 chỉ được một ông Nguyễn Trãi, cả một thế kỷ 16 hầu như cũng toàn nhạt nhẽo và trung bình cả thì cũng tại cộng sản hay sao ?. Một

trong những nhà phê bình văn học sắc sảo nhất của Việt Nam ở hải ngoại, anh Nguyễn Hưng Quốc, hiện là giảng viên của trường Đại học Victoria tại Úc, cách đây 10 năm có viết một cuốn sách nhan đề Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản. Trong đó anh đi tìm câu giải thích cho tình trạng kém cỏi tẻ nhạt của văn học miền Bắc trong những vấn đề của chế độ xã hội chủ nghĩa và hệ thống lý luận mác-xít. Điều đó tất nhiên có nhiều phần đúng, nhưng chưa đủ. Những năm sau này anh Nguyễn Hưng Quốc đi đến một nhận xét hết sức khổ tâm là văn học Việt Nam ở hải ngoại tồn tại ở các chế độ dân chủ, tự do, hoàn toàn không phải dính líu đến hệ lý luận mác-xít, hệ kiểm duyệt cộng sản, hoàn toàn không liên quan đến bộ máy tuyên truyền chính trị chính thống, nhưng cái văn học ấy cũng không khá gì hơn, cũng trì trệ, lạc hậu,

bảo thủ và tẻ nhạt. Tất nhiên là tẻ nhạt theo một kiểu khác. Vậy lời đáp nằm ở đâu ?

Việc phê phán cái xã hội nghèo đói, loạn tặc, nhiễu nhương, tạm bợ, không có phương hướng ở Việt Nam, tất nhiên có thể gắn với việc phê bình chính quyền lãnh đạo. Thế cái xã hội của người Việt ở ngoài nước, tại cộng đồng hải ngoại, không có mặt sự lãnh đạo của chính quyền cộng sản mà cũng đủ những phẩm tính tương tự thì chúng ta biết phê phán trên cơ sở nào ? Rõ ràng có những vấn đề thuộc về văn hoá Việt Nam, những vấn đề nghiêm trọng, không thể qui vào một chính thể, tập đoàn hay đảng phái thống trị nào, nó là những hằng số xuyên suốt cả số phận dân tộc Việt Nam, bắt đầu thậm chí từ Lạc Long Quân, nếu như có ông ấy và bà Âu Cơ. Và nếu đã mở hồ sơ

văn hoá Việt Nam ra mà xét thì có thể nói là ở ngay trang đầu chúng ta đã gặp một thành phần không thể không gặp, đó là trí thức Việt Nam.

Bản thân tôi không dám làm cái việc là điều tra số phận dân tộc bằng cách đi truy tìm phần dính líu của từng cá nhân người Việt, trí thức hay không trí thức thì cũng thế. Nói chung nhiệm vụ nhà văn của tôi không nằm ở chỗ đi qui trách nhiệm cho ai. Vả lại, trong rất nhiều tình huống thì câu hỏi ai có tội, ai có lỗi, là không thể giải đáp trọn vẹn được. Nhưng việc tất yếu mà một nhà văn phải làm ở thời nào cũng thế là quan sát, và nếu có thể thì khám phá những khía cạnh mà anh ta cho rằng còn mờ khuất của con người và cuộc đời. Nhưng không một nhà văn nào khi làm việc đó có thể ôm đồm cả thế gian mà quan sát và khám phá được. Bản

thân tôi, do hoàn cảnh gia đình cũng như môi trường đào tạo, môi trường sống, môi trường sáng tác và làm việc, tôi không thể làm một việc gì khác hơn là quan sát và khám phá giới trí thức. Tôi không có thẩm quyền gì để có thể phát biểu, chẳng hạn về tư cách của người nông dân hay thợ thuyền Việt Nam. Tôi không có một hiểu biết gì đáng kể về những điều đó. Song trí thức Việt Nam là chủ đề của hầu hết các sáng tác của tôi. Vì vậy mà có một buổi nói chuyện như thế này. Tôi không nghĩ rằng mình có thể vạch ra được một đường hướng nào. Việc duy nhất mà tôi có thể thử làm là khắc hoạ diện mạo của trí thức Việt Nam. Bản thân việc này là một đề tài mà một cá nhân không kham nổi. Hôm nay tôi thử trình bày về hai tư cách mà theo tôi là đáng để ý, đó là: «tư cách chính thống» và «tư cách học trò».

Bây giờ phải xin nói trước để chúng ta dễ đồng ý với nhau về khái niệm là: một định nghĩa hoàn hảo về trí thức rõ ràng không thể có được, ngay cả đối với hoàn cảnh còn tương đối dễ bao quát như hoàn cảnh Việt Nam. Chúng ta tạm quy ước với nhau là khi nói tới trí thức Việt Nam ở đây là nói tới những người mà do học thức, trình độ, môi trường sống, thói quen, hoặc thậm chí do ngẫu nhiên cũng được, mà hoạt động trí tuệ và tinh thần là thường trực, hoặc chủ yếu, hoặc đóng một vai trò đáng kể.

Bây giờ tôi xin nói về tư cách chính thống của trí thức Việt Nam.

Một người bạn vong niên của tôi ở Hà Nội, ông Nguyễn Kiến Giang, gần đây có đưa ra một khái niệm là «tính cách phò chính thống của trí thức Việt Nam». Tôi thì gọi đó là tư cách quan văn, theo

cái mô hình trị nước là một ông vua có thể u mê, có thể anh minh, hai bên tả hữu là quan văn và quan võ. Tôi gọi tư cách chính thống của trí thức Việt Nam này là «tư cách quan văn».

Chúng ta hãy xem lại lịch sử. Nếu như bỏ qua cái thời kỳ mông muội, khi người săn bắn giỏi nhất, bắt cá khéo nhất, thắng nhiều cuộc vật nhất và có thể cũng có nhiều con nhất vì được nhiều đàn bà ái mộ nhất, một người như thế được đứng đầu một cộng đồng Việt, nếu bỏ qua thời kỳ đó thì chúng ta có ngay mười mấy thế kỷ toàn trị của giới có học. Khi đó là giới sĩ, một thời gian dài là giới tu sĩ, sau đó tuyệt đối là giới nho sĩ. Chế độ khoa cử với chức năng là một hệ thống đào tạo và tuyển chọn cán bộ và nhân viên nhà nước, đã tự động ghép học thức, tri thức và quyền lực thành một cặp bài

trùng. Trí thức vừa là con đường dẫn đến quyền lực, vừa là cách thực hiện quyền lực. Không có gì để nghi ngờ nữa, giới sĩ phu Việt Nam trong lịch sử là giới cầm quyền, hay ít nhất cũng là giới thừa hành quyền lực. Nói theo từ hiện đại thì toàn bộ guồng máy nhà nước Việt Nam trong lịch sử nằm trong tay các trí thức nho giáo. Nhân đây cũng xin nói ngoài lề là cái tinh thần rất nổi tiếng và thường xuyên được ca ngợi rằng, người Việt hiếu học, cha mẹ muốn con hay chữ, yêu thầy, theo tôi một phần cũng rất đáng kể xuất phát từ tinh thần yêu địa vị và trọng quyền lực. Nếu chữ nghĩa không mở ra được một triển vọng thơm tho như vậy, một người đi học thi đỗ làm quan thì cả họ được nhờ, tôi tin rằng cái sự hiếu học kia chắc chắn là giảm đi đáng kể.

Song câu chuyện «phò chính thống»,

câu chuyện «quan văn» không chỉ dừng lại khi nho học thất thế. Công bằng mà nói thì ở một giai đoạn ngắn của lịch sử, tức là ở đầu thế kỷ 20 trong cả nước, và từ năm 1954 đến năm 1975 ở miền Nam, đã có một cơ hội để cặp bài trùng trí thức và quyền lực có thể tách nhau ra được, và quả thực cũng có tách nhau ra phần nào. Nhưng đây là một khoá học tiếc thay rất ngắn, quá ngắn để trí thức Việt Nam vượt ra khỏi cái vòng kiểm toả và tự kiểm toả bằng quyền lực chính trị để trở thành một lực lượng độc lập như giới trí thức ở các xã hội dân chủ hiện đại. Chúng ta có thể coi những vận động cải cách xã hội và dân trí ở Việt Nam đầu thế kỷ 20 là độc lập với chính quyền nửa phong kiến nửa thực dân đương thời. Và quả nhiên có một tầng lớp trí thức văn nghệ sĩ tự do, tức là không ăn lương của nhà nước, không hưởng bổng lộc của chính quyền, khô-

ng phải là các công chức, viên chức, cán bộ trong bộ máy cai trị, một tầng lớp như vậy quả nhiên là có xuất hiện, điều này cũng lặp lại ở miền Nam trong khoảng thời gian 1954-1975. Thế nhưng lịch sử đã quyết định diễn ra theo chiều hướng là tự lập lại. Bi kịch của một người như Phạm Quỳnh là bi kịch của một trí thức xuất thân hoàn toàn độc lập, có đủ mọi cơ hội và đủ uy tín để tồn tại như một tiếng nói, một uy tín tinh thần, một trọng lượng xã hội độc lập hẳn hoi, nhưng cuối cùng cũng không vượt qua nổi sự mê hoặc của quyền lực chính thống. Tất nhiên Phạm Quỳnh trở thành thượng thư Bộ Lại trong triều Nguyễn với một hy vọng là mượn những phương tiện chính trị mà hành cái đạo của mình. Thế nhưng, ông Tây học Phạm Quỳnh vậy là cũng hành động không khác gì ông Khổng Tử. Khổng Tử chẳng làm được điều gì khi còn đang tại

chức. Khổng Tử chỉ có đánh xe đi bát phố, nghe nhạc và bình phẩm về đàn bà, về cái hoạ đàn bà thì đúng hơn, khi tại chức. Và Phạm Quỳnh cũng chẳng làm được gì cho cái đạo của mình trong suốt thời gian làm bộ trưởng như vậy, và Phạm Quỳnh có lẽ còn lâu mới là người trí thức Việt Nam cuối cùng vừa ghét quyền lực, vừa mong được phục vụ quyền lực như vậy.

Từ năm 1945 ở miền Bắc Việt Nam và từ năm 1975 ở toàn đất nước, có thể nói rằng câu chuyện của cặp bài trùng trí thức và quyền lực lại được kể tiếp với những tình tiết thực ra là giống hệt như trong lịch sử. Chỉ có pha thêm những màn gay cấn đặc trưng cho cái thời đại này mà thôi. Tôi cho rằng chỉ có những người rất ưa sơ đồ hóa các hiện thực mới kết luận rằng trong xã hội cộng sản hay xã hội chủ nghĩa không có chỗ cho trí thức. Không

phải như vậy. Nó chỉ không có chỗ cho các trí thức bất đồng quan điểm, bất đồng tư duy mà thôi. Một xã hội của đồng chí tất nhiên không trải chiếu hoa cho những kẻ bất đồng chí. Song điều đó không có gì là mới mẻ, không phải là đặc sản riêng của chuyên chính vô sản, mà của bất kỳ một nền chuyên chính nào. Một trí thức từng là đồng chí như Nguyễn Trãi khi thành bất đồng chí tất nhiên cũng phải chịu cái họa tru di tam tộc. Và một nhà văn tài hoa từng được coi là thần tượng của sự nông nhênh, thách thức như Nguyễn Tuân thực ra cũng có thể so với Nguyễn Du: bất mãn thì có bất mãn, bất đồng thì có bất đồng, nhưng cả hai dù miễn cưỡng hay tự nguyện, cuối cùng cũng để cho chính quyền trọng dụng mình. Nguyễn Du đóng vai đại sứ đi công cán ở nước ngoài, một chức vụ thực sự là không thấp hèn gì. Nguyễn Tuân cũng vậy. Hồi sinh

viên tôi thường tự hỏi: Tại sao lại như thế ? Phải tay tôi thì không bao giờ chịu để mình ở cái thế há miệng mắc quai như vậy. Nhưng khi đó tôi còn chưa hiểu gì về cái thế phò chính thống, cái thế quan văn của trí thức Việt Nam, một cái thế quả nhiên là rất há miệng mắc quai.

Cuộc cách mạng vô sản ở Việt Nam thực ra là một cuộc cách mạng hoàn toàn do giới trí thức lãnh đạo, còn quần chúng cách mạng thì thời nào cũng vậy, là đám đông, và đám đông trong một nước nông nghiệp tất nhiên là nông dân. Cách mạng vô sản ở Việt Nam là một cuộc cách mạng do một nhóm trí thức lãnh đạo một đám đông nông dân tranh đấu cho quyền lợi của một giai cấp khác, đó là giai cấp công nhân. Nếu chúng ta nói như vậy thì việc các quyền lợi đâm lên nhau, sự không đồng bộ của nhân sự và khả năng phản

bộ lẫn nhau của những bên tham gia đã được định trước.

Song ở đây tôi chỉ muốn nói về sự tham gia của trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam ở buổi ban đầu của cuộc cách mạng, rồi khi cách mạng quay ra ăn thịt những đứa con đẻ của mình, và bây giờ, khi rõ ràng là cách mạng đã về hưu. Mỗi tình giữa chủ nghĩa cộng sản và trí thức, nhất là trí thức cánh tả trên toàn thế giới, là một mối tình phức tạp, đắm nước mắt và đắm máu. Nhưng tôi dám nói rằng chính cái cuộc tình hết sức nồng nhiệt và lãng mạn với lực lượng trí thức và văn nghệ sĩ Việt Nam thuở ấy đã chắp cánh cho cách mạng, khiến cho nó không chỉ là một cuộc khởi nghĩa của nông dân, hay một cuộc bạo động của thợ thuyền.

Điều gì diễn ra khi cách mạng không chỉ còn là một ý tưởng và một lí tưởng, mà

đã trở thành một hiện thực, một chế độ, một guồng máy khổng lồ ? Tôi xin trích ra ở đây một vài dòng trong nhật ký của Trần Dần năm 1958, vào cái thời điểm mà người ngoài tưởng là cuộc nổi dậy trong văn giới Việt Nam, được biết đến dưới cái tên Nhân Văn Giai Phẩm còn rất là sôi sục. Ông ghi ngày 08-01-1958 như sau:

Tin chạy xì xầm xung quanh rất ghê gớm. Rằng báo Văn là một cái rớt của Nhân Văn, rằng nhà xuất bản hội nhà văn bị lái, rằng Câu Lạc Bộ thành nơi hoạt động của bọn Nhân Văn. Tóm lại, bọn Nhân Văn ấy lọt vào tổ chức của Hội Nhà Văn, chúng ra tay chèo lái một cách «tinh vi» ... Sự thật ra, bọn Nhân Văn ấy, non năm nay họ đã theo một cái chính sách gì ? Có thể tóm chính sách của họ là: sợ, cầu an, cố đi gần lãnh đạo, dao động, chán nản ... Một ngón tay Nhân Văn cũng

không có. Non năm nay họ đã nằm bẹp cả xuống, vất tay lên trán, suy nghĩ như các nhà hiền triết cả rồi. Họ có còn cái khao khát chiến thắng của những người tiến bộ nữa đâu ? Nói đúng ra, họ vẫn mong sự tiến bộ sẽ thắng. Song họ mong nó sẽ thắng bằng một cách ích kỷ, tức là bằng bàn tay thúc đẩy của kẻ khác hơn là bàn tay họ ... Vậy đỡ nguy hiểm hơn ... Giá lãnh đạo thuyết phục, họ sẽ có cơ giác ngộ, trở nên con nhà nết na nữa cũng nên. Đảng này lãnh đạo cứ cái chính sách ục, thui vô lý mãi !. Họ càng tủi thân và thất vọng Tôi biết họ chỉ mong nhất một điều là: «mong thánh để hồi tâm?».

Những dòng ấy được viết ra do một trong những người được coi là cứng cổ nhất trong Nhân Văn Giai Phẩm là Trần Dần. Tôi xin lưu ý những khái niệm như «cố đi gần lãnh đạo», «giá lãnh đạo thuyết

phục», «mong thánh để hồi tâm». Tôi cho rằng không cần phải nhiều lời nữa để mô tả cái tính cách phò chính thống này của văn nghệ sĩ trí thức Việt Nam. Nếu có một trí thức thực sự li khai với quyền lực, li khai với quyền lực không lấy gì làm đẹp đẽ lắm của chế độ cộng sản, thì phải có mười trí thức đang nằm chờ ngày «thánh để hồi tâm» và sẽ có một trăm trí thức không làm gì khác hơn là để cho cái chính quyền ấy trọng dụng mình.

Mao Trạch Đông trong bài nói chuyện nổi tiếng ở Thiên An có tuyên bố thẳng thừng: «trí thức là cục phân», song người am hiểu hiện thực của chủ nghĩa xã hội phải nói rằng, trí thức cũng là cục vàng. Những cục vàng ấy là báu vật nằm trong tay những nhà cầm quyền. Ở một địa vị như vậy thì có lí do gì mà mong thay đổi !. Người ta có thể gọi đó là cái hèn,

cái nhu nhược, cái cầu an. Tôi gọi đó là cái nghiện. Nghiện chính thống. Nghiện suốt cả một lịch sử thì không dễ gì một vài ngày mà cai ngay được. Người nghiện thì ít khi trách cái sự nghiện của mình mà có chăng chỉ đổ tội cho cái làm mình nghiện. Chúng ta phải buộc lòng đi đến một kết luận: khi tự đồng nhất mình ở mức độ cao như vậy với giai cấp thống trị, bất kể là giai cấp nào, thì cái bộ phận ưu tú nhất của dân tộc Việt Nam là trí thức Việt Nam mặc nhiên phải đánh mất cái thôi thúc cải thiện, thay đổi và cải cách xã hội. Một ông trí thức nho giáo làm quan tất nhiên là không bao giờ nảy ra sáng kiến chống nạn mù chữ trong đám dân đen. Bởi lẽ ông ta chỉ hơn họ và được làm quan nhờ có mấy trăm chữ ở trong bụng. Một ông nhà thơ phụ trách Ban văn hoá văn nghệ tất nhiên không khuyến khích những thứ thơ văn mới lạ, bởi lẽ nếu thiên hạ đi say

mê thứ văn thơ mới lạ đó thì thơ ông ta ai đọc ? Kinh nghiệm của chính bản thân tôi ở trong nước, với tư cách là một nhà văn hiện nay không được phép công bố tác phẩm ở trong nước, là: Chưa có một ông Đảng hay một ông công an nào có cơ hội đọc duyệt tác phẩm của tôi cả. Bởi vì trước khi các vị đó sờ được đến bản thảo của tôi thì các đồng nghiệp của tôi ngồi ở những vị trí rất nhiều quyền lực đã kiểm duyệt hộ chính quyền từ khuya rồi !

Bây giờ tôi xin nói đến tư cách học trò của trí thức Việt.

Thực ra dân tộc Việt không toàn phải tiếp xúc với những kẻ đến từ một nền văn minh cao và mạnh hơn hẳn. Láng giềng của nước Việt một thuở, như chúng ta đã biết, là Chiêm Thành, Ai Lao, Phù Nam,

Khơme, Xiêm La, Chà Và, Nhật Bản...
Đương nhiên người Việt cũng tiếp thu điều này, điều nọ trong quá trình giao lưu văn hoá với họ ... Trong tiếng Việt ta có thể tìm thấy những dấu tích đó. Thế nhưng, chúng ta có thể lấy hản của người Chiêm Thành một giống lúa, lúa chiêm, mà chả buồn học hỏi gì nhiều ở văn hoá và ngôn ngữ của họ Chúng ta lấy biết bao nhiêu điệu nhạc buồn của họ vào chính cái quan họ Bắc Ninh nổi tiếng của chúng ta, khiến cho cái làn điệu dân ca đó trở nên có thể nói là buồn nhất trong các làn điệu dân ca của miền Bắc nói chung, lúc đó miền Bắc là cái nôi văn hoá Việt và lúc đó Việt Nam chỉ dừng lại ở miền Bắc. Chúng ta lấy của họ như vậy mà chả buồn học hỏi điều gì ở họ, không buồn nghiên cứu gì về họ và thậm chí dường như chúng ta chôn phắt họ đi mà không tiếc nuôi gì hết.

Như vậy, ở cái thế của kẻ mạnh, hoặc ít nhất ở cái thế của kẻ bằng vai, thì người Việt chẳng buồn học ai cả, chẳng buồn ngưỡng mộ ai cả. Thế nhưng, khi ở cái thế của kẻ yếu, của kẻ bị chinh phục, bị khinh bỉ, bị nhục nhã, thì sự học của chúng ta mới vội vã bắt đầu. Tôi có viết trong một tác phẩm về việc hầu như chẳng người Việt nào buồn biết tiếng Nhật như sau: «... người Nhật chiếm nước này chưa đủ dài để người nước này thêm tiếng Nhật. Nỗi nhục chưa kịp ngả thành lòng yêu».

Cái sự học của trí thức chúng ta trong thế giằng xé giữa một bên là nỗi nhục, một bên là lòng yêu, là một sự học đầy mâu thuẫn, thậm chí có thể nói là bệnh hoạn, đầy những đau khổ mà bản thân tôi có thể chia sẻ nhiều phần. Ta hãy lấy ví dụ về việc học này qua cách sáng tạo chữ viết. Cả người Việt lẫn người Nhật

vốn đều có tiếng nói riêng mà không có chữ viết riêng. Trung Hoa thì ngược lại, có chữ viết. Nhưng Trung Hoa không băng qua biển để đi sang Nhật mà mang chữ viết cho người Nhật. Và nói chung thì Trung Hoa là một dân tộc lục địa, họ tin ở con ngựa hơn con thuyền. Cái từ mà chúng ta dùng để chỉ họ là người «Tàu» thật ra chẳng đúng tý nào, họ là dân tộc không liên quan đến tàu bè. Trung Hoa rõ ràng không băng qua biển để cưỡng bách người Nhật phải học sách Tàu và viết chữ Tàu, mà chính là người Nhật đã tự động ngồi lên thuyền, băng qua biển đến Trung Hoa, rồi khuân một ít văn hóa Trung Hoa, trong đó có chữ viết, về nhà họ để dùng tạm trong lúc còn thiếu thốn. Cái thái độ đi học của người Nhật như vậy là một thái độ chủ động, tích cực và có sự sòng phẳng của nó. Cần thì học, thích thì học, hoàn toàn tự nguyện. Và

một khi người Nhật đã mất công lặn lội như vậy để khuôn về nhà từng ấy bộ chữ Trung Quốc thì họ cũng dùng hết, không vớt đi đâu bộ nào. Tất nhiên, không phải ngày một ngày hai, nhưng sau trên dưới khoảng chục thế kỷ, sau nhiều thất bại thì người Nhật cũng dùng được bộ chữ Trung Quốc trong việc ghi lại tiếng Nhật. Chữ Nhật ra đời và trụ được cho đến ngày nay trên cơ sở bộ chữ Tàu giản tiện. Một người Nhật nếu biết tiếng Tàu thì rất quý, thế nhưng nếu không biết thì họ vẫn có khả năng dùng tốt chữ Nhật của họ ... Họ đã thành công trong việc đi học ở bên ngoài và làm ra được cái mà họ chưa có. Họ là hạng học trò ngoại lệ ...

Còn việc sáng tạo chữ viết của người Việt diễn ra như thế nào ? Người Việt chẳng cần lặn lội sang Tàu đi học, mà chính là người Tàu mang một núi khí

giới, một rừng người đến trước, rồi sau đó khuôn một hòm sách sang sau. Dĩ nhiên là người Việt vừa học vừa chửi, giống hệt như vừa học vừa chửi Pháp, vừa học vừa chửi Liên Xô, và bây giờ vừa học vừa chửi Mỹ. Cái sự vừa học vừa chửi này biến thiên qua nhiều cấp độ và tùy vào diễn biến hay triển vọng trong mối quan hệ giữa thầy và trò. Ở trong dân gian, thái độ lưỡng phân này thường bùng nổ chỉ ở thời gian đầu, sau đó có thể nói là cái gì của ta sẵn có, cái gì mà nó bắt ta phải học, dần dần cũng đồng hoá vào nhau, ở cấp độ dân dã, đôi khi không phân biệt nổi xuất xứ nữa. Thí dụ như nói đến ông bụt chẳng hạn, nào ai còn rạch ròi mà bảo rằng đấy là một ngoại kiều Ấn Độ, mà tên thực ra phải là buddha cơ, nào có ai phải rạch ròi đến thế đâu. Nhưng trong giới trí thức thì cái thái độ lưỡng phân kia là cả một tấn bi hài kịch, trong đó có những

pha đẩy phi lý, những pha trái khoáy, những pha nực cười và tất nhiên là rất nhiều pha vô cùng vô duyên. Với giới trí thức Việt Nam thì chỗ này có sự rạch ròi của nó. Cái học thuyết của ông bụt không mang tên là bụt giáo mà mang tên là Phật giáo, bởi lẽ giữa chữ bụt và chữ Phật có một khoảng trống, và ngồi trong khoảng trống ấy chính là ông thầy Trung Hoa.

Việc người Việt luôn có những kẻ thù mạnh và giỏi hơn mình, và kết quả là người Việt luôn phải tiếp thu nền văn minh của kẻ thù, việc ấy vừa là một bất hạnh vừa là một điểm phúc. Rõ ràng là trên đời chẳng có cái gì không có ít nhất hai mặt của nó, chỉ có điều, sức mạnh và tầm vóc của một nền văn hoá biểu hiện ra ở chính cái chỗ nó vận động như thế nào trong sự phức tạp đa chiều đó. Nó có đủ khả năng khống chế sự bất hạnh

và khuyếch trương cái diễm phúc kia lên không, hay là ngược lại. Hay là nó chẳng có một chủ trương chiến lược nào cả, cứ tiện lúc nào sướng cái hay của Tây của Tàu thì khen lấy được, học lấy được, lúc nào cáu lên thì vứt hết, dẹp hết, quay về trâu ta ăn cỏ đồng ta. Và tôi ngờ rằng sự tùy tiện này chính là cách ứng xử của chúng ta. Người ta có thể cho sự tùy tiện này một cái tên quan trọng hơn, «sự linh hoạt» chẳng hạn. Nhưng tên có hay như thế nào cũng không thể kéo cái hiện thực dở đi theo được.

Kẻ bị buộc phải đi học trong tình thế lưỡng phân mà lại tùy tiện như vậy thì đến hệ quả gì ? Một trong những hệ quả là: hẵn không bao giờ học cho hết chữ của thầy. Mới học được nửa trang, mới đọc được nửa trang, học đến nửa quyển sách thì cái phanh của lòng yêu nước,

lòng căm thù ngoại xâm - tất nhiên đây là một tình cảm rất chính đáng - đã chặn đứng tất cả lại và hẳn nhất quyết quay ra với khẩu hiệu «tự lực cánh sinh», hoặc phương châm «sáng tạo, ứng dụng vào hoàn cảnh Việt Nam». Nghiên cứu đối phương chẳng hạn, khi người ta có một kẻ thù thì nghiên cứu kẻ thù để chiến thắng nó là một động cơ đáng kể để học hỏi nền văn minh của kẻ thù. Chỉ có điều tôi có cảm giác rằng sự nghiên cứu của chúng ta chỉ dừng lại ở cái mức tin tức tình báo, đại loại như cái thông tin rằng quân Nguyên Mông không thạo đường thủy, hay đại quân hậu cần của giặc hiện đang tắc ở đoạn nào. Chắc là cái sự học và sự nghiên cứu của chúng ta nó dừng lại ở chỗ ấy, nó khác hẳn sự nghiên cứu của cả người Tàu, người Pháp, và người Mỹ về chúng ta. Có một thực tế là các học giả Việt Nam ngày nay muốn thực sự nghiên

cứu về Việt Nam thì không thể không sang Trung Quốc, Pháp và Mỹ để ngồi đọc tài liệu Việt Nam mà những nước đó đem về giữ trong các thư viện và văn khố của họ ... Tôi có một người bạn, hiện nay đang lang thang ở các trường đại học Mỹ để nghiên cứu về Phan Khôi. Một hành trình hết sức vòng vo. Vì sao ? Để nghiên cứu về Phan Khôi, anh phải đọc báo Việt Nam của những năm 30. Những báo đó, chúng ta không giữ lại đầy đủ, chúng ta không giữ lại, theo đúng tinh thần của người Việt là thời nào biết chuyện của thời đó, thời nào khoan lại thời đó, thế hệ nào khoan lại thế hệ đó, không dính líu gì đến thế hệ sau nữa. Nhưng người Pháp thì khuôn những báo đó về Pháp, không phải chỉ khuôn một bản mà khuôn nhiều bản. Cái bản thừa, bản đúp, thì họ bán lại cho người Mỹ và bây giờ thì Bộ văn hóa Pháp cấp cho một nhà nghiên

cứu Việt Nam một khoản tài trợ để nhà nghiên cứu Việt Nam sang Mỹ mua số báo Việt Nam đã được Pháp bán lại cho Mỹ, để nghiên cứu về một nhân vật Việt Nam đầu thế kỷ. Đối với giới sử học Việt Nam, các công trình của cơ quan nghiên cứu Pháp, Viễn Đông Bác Cổ, là một chỗ dựa không thể thay thế nổi. Rõ ràng là thực dân Pháp muốn chinh phục và bám trụ ở Đông Dương và điều đó không có gì để bàn cãi cả. Để làm điều ấy, họ cần hiểu biết về cái xứ sở mà họ muốn chiếm giữ, hiểu biết tường tận về văn hoá, một nền văn hoá xa lạ với họ, chứ không phải chỉ là thu thập những tin tức tình báo. Chắc chắn là hoạt động của Viễn Đông Bác Cổ được Bộ thuộc địa Pháp tài trợ ... Các học giả và trí thức Pháp có thể đã là công cụ cho một mục đích không lấy gì làm đẹp đẽ lắm, song bản thân công việc nghiên cứu của họ diễn ra nghiêm túc và thâu

đáo. Còn các học giả Việt Nam có thể là công cụ cho một mục đích chính đáng, song kết quả công việc của họ lại tạm bợ và nửa vời.

Xét về phương diện này thì người trí thức VN ngoại lệ nhất là Nguyễn Trường Tộ, và bản thân Tự Đức cũng là một bậc trí thức không đến nỗi ngu đần như trong sách sử chính thống mô tả. Song như chúng ta đã biết, chương trình canh tân được Nguyễn Trường Tộ đề nghị và rất nhiều điểm cũng được Tự Đức tán đồng không hề được đem ra thực hiện. Đa số giới cầm quyền đương thời cũng là các bậc học giả hiểu cao, biết rộng, họ có đủ lí do cần thiết để cản trở chương trình canh tân đó, mà cái lí do rằng Nguyễn Trường Tộ là người theo đạo Tây chỉ là một cái cớ.

Một mặt thì chưa học đến nơi đã sốt sáng sáng tạo, để rồi toàn đi đến những

kết quả nửa vời như vậy. Mặt khác, khi chỉ còn một mình với cái đồng sáng tạo dở dang không dùng được đó thì người trí thức Việt Nam mới lại thành một học trò ngoan, thậm chí rất ngoan. Ngoan tới mức thành một kẻ nô lệ, thành bảo hoàng hơn vua. Thậm chí Khổng Tử hơn cả Khổng Tử, ga-lăng hơn cả người Pháp, mác-xít hơn cả cha đẻ của mác-xít. Lúc bấy giờ cái người học trò thích sáng tạo ấy mới tự phong cho mình những danh hiệu, chẳng hạn là đại diện xứng đáng nhất của những trường phái gì gì đó, của những ông thầy gì gì đó ... Khi Trung Hoa đã là Trung Hoa dân quốc, và trí thức Trung Hoa đã miệt mài ngồi dịch sách của những bậc như Rousseau, Montesquieu, thì trí thức Việt lúc đó vẫn còn chết chìm trong cái mớ «thi văn tử viết» của mình, và triều Nguyễn khi đó trưng ra những lễ nghi nho giáo còn chặt chẽ

hơn cả triều đình Bắc Kinh một thuở. Ta có thể lấy chủ nghĩa lãng mạn trong văn học Việt Nam tiên chiến làm ví dụ cho việc này.

Tất nhiên phong trào Thơ Mới và văn xuôi 1930-1945 là một bước tiến khổng lồ cho văn học Việt Nam, song thần tượng của nó, nguồn ảnh hưởng của nó từ văn học Pháp là những thứ đã diễn ra trước đó có khi cả vài thế kỷ. Cái mà ông thầy Pháp đã bỏ ra khỏi giáo trình của mình từ mấy đời thì anh học trò Việt vẫn còn nghiền ngẫm say sưa lắm, còn cái mà ông thầy ấy đang dạy ở trên lớp thì anh học trò ấy chỉ nghe có một nửa tai rồi bảo: «Cái đoạn này thì ta nên tự lực cánh sinh». Cho đến bây giờ cái tinh thần của lãng mạn tiên chiến vẫn chế ngự trong văn chương Việt Nam hiện đại. Nếu có ai phê bình thì các vị ấy vênh mặt lên bảo rằng: «Văn chương

Pháp cũng thế, dám chê cả văn chương Pháp à !?» Song những điều đang diễn ra trong văn học Pháp hiện đại thì chẳng có ai buồn học, có bảo là phải học thì các vị ấy lại bảo: «Biết cả rồi, xoàng cả thôi, cũng chả hơn gì ta đâu, mình làm có khi còn hay hơn !» Như thế thì hỏi làm sao văn chương nghệ thuật nước ta không luôn luôn đi lạc một bước, ít nhất là một bước sau thế giới ?. Năm mươi năm nữa chẳng hạn, các học trò Việt lại đi mở những thứ sách của thế giới bây giờ ra, thế giới bây giờ, để học lấy học để. Đã học như thế thì lấy đâu ra thời gian để học chính những thứ đang cùng thời với mình ? Hỏi làm sao cái học đó không phải là cái học viễn vông ?

Thí dụ rõ rệt cho cái lẫn lộn lung tung giữa chủ động nô lệ và chủ động sáng tạo ta có thể quan sát ở các trí thức Việt khi

họ đi ra nước ngoài để học hỏi. Chẳng hạn, khi ra nước ngoài học về khoa học quản lí, là thứ mà chúng ta chưa bao giờ có. Rõ ràng trước khi một nước phương Tây quyết định đầu tư vào một chỗ nào đó ở Việt Nam thì họ đành phải làm cái việc không dùng được là đào tạo, cũng như muốn bán cho ta một cái máy bay thì họ phải làm cái việc là đào tạo hộ một anh phi công, đấy là chuyện họ không dùng được. Như vậy là trí thức Việt cấp cấp đi học khoa học quản lí hiện đại. Chứ thấy được mười thì học trò nghe được một, thôi thế thì cũng là may rồi. Nhưng cái mà tôi thường xuyên chứng kiến ở những người đó là họ sẵn sàng vứt tất cả một phần đó đi, mà bảo rằng: «Ủi trời, cái kiểu quản lí này không thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam !» Cũng là có lí chứ không phải không có lí, tất nhiên là không ai đi bệ nguyên xi nước ngoài

về mà dùng được, nhưng chuyện đó tôi không bàn. Tinh thần sáng tạo thì bao giờ cũng muôn năm cả. Thế nhưng cũng chính những người đó, khi trở về nước, đối mặt với những lề lối quản lí rất Việt Nam, nghĩa là rất cầu thả, rất tạm bợ, rất mông muội, rất trung cổ, thì lại giương cái sở học của mình trong các chuyến đào tạo ở nước ngoài như vậy ra mà bảo rằng: «Tây nó làm như thế, Tây nó khác, Tây nó phải như thế ... Không được thế này, không được thế kia ...» Nhưng Tây nó làm như thế nào thì không còn nhớ, thế là lại đi học nữa ! Xã hội Việt Nam sinh ra một tầng lớp trí thức không làm điều gì khác hơn là suốt đời đi học như vậy. Cứ đến lớp thì chê thầy, cứ về nhà thì lại nhớ thầy, xin cấp cấp theo học lại. Suốt đời đi học như vậy. Như thế thì hỏi làm sao được như người Nhật, tự làm ra chữ viết dùng được cho mình ?

Chữ Nôm Việt Nam được làm ra, về xuất phát điểm thực ra không khác gì chữ Nhật, chỉ có điểm khác là nó không thành công. Muốn dùng chữ Nôm, người ta phải biết chữ Hán trước đã, rồi sau đó lại phải học thêm quy tắc cấu trúc cái chữ Hán, vốn đã rất phức tạp như vậy, vào với nhau như thế nào để nó ra cái gọi là chữ Nôm. Tôi lấy một ví dụ: muốn viết chữ «trời» chẳng hạn, muốn viết cái tiếng ta ấy ra mặt giấy thì phải viết thế nào ?. Người ta phải biết hai chữ Hán là chữ «thiên» và chữ «thượng», phải biết cách ghép hai chữ này vào nhau để thành một chữ «trời». Quả nhiên là một cái lô gích vô cùng kinh hoàng đối với hình dung của tôi, cứ làm như còn một cái «thiên» nào khác, ngoài cái «thượng» đó. Mà đã thế sao không dùng luôn tiếng Hán, chỉ có một chữ «thiên» là xong, tại sao lại hai lần tiếng Hán như thế, gộp vào nhau để

ra chữ «trời» ?. Trong cái công trình sáng tạo chữ Nôm ấy, rõ ràng sáng tạo là gì ? - Là ghép hai cái rập khuôn vào nhau !. Tôi chưa bao giờ dám tự hào về cái chữ Nôm mà theo tôi, xin lỗi quý vị ở đây, là điển hình cho tinh thần khổ dâm. Phải học cái chữ của kẻ thù thì chỉ đơn giản là khổ, nhưng học cái chữ của mình bằng cách hai lần đi qua chữ của kẻ thù thì lại bỗng nhiên sướng ? Như thế chẳng phải khổ dâm thì là cái gì ? Song kết cục của công trình làm ra chữ viết của ta như thế nào lại là bất ngờ lớn cho chúng ta. Chữ quốc ngữ là tác phẩm của một số cha cố Dòng Tên. Cái may của chúng ta trong câu chuyện này là những người truyền giáo có mặt ở Việt Nam một thời gian dài, có ảnh hưởng quan trọng, là các vị Dòng Tên, nổi tiếng là những trí thức tu sĩ uyên bác, có năng khiếu ngoại ngữ và có một lòng khoan thứ nhất định đối với

những tín ngưỡng khác, chứ không phải là các vị của Dòng Dominique như trong trường hợp của Trung Quốc chẳng hạn.

Những căn bệnh khác của «người học trò Việt Nam» trong tình thế lưỡng phân này chúng ta có thể kể ra: Học như vậy thì không thể không mặc cảm. Đương nhiên là phải thấy mình bé nhỏ, kém cỏi trước cái khổng lồ, phong phú và cái ưu thế của những thành tựu văn hoá khác. Tôi thực sự chưa hề được chứng kiến một trí thức hoặc văn nghệ sĩ Việt Nam nào có một lòng tự hào và tự tin đáng thuyết phục khi họ đi ra nước ngoài. Tất nhiên trong chuyện này có nhiều bên tham gia. Không thể có kẻ đại diện cho một văn hoá nhược tiểu nếu như không có kẻ đại diện cho một cường quốc văn hoá. Tất nhiên như vậy, nhưng đấy không phải là đề tài của chúng ta hôm nay. Đã mặc cảm như vậy

thì không thể không chán nản, mà ỳ ra và ăn sẵn. Dường như trí thức Việt Nam có thể rất yên tâm mà nghĩ rằng: «Không có chúng ta thì thế giới vẫn tiến bộ âm âm». Thế thì đợi người ta tiến bộ mà ăn nhờ có phải đỡ mất công hay không ?. Mà đảng nào, nếu mình làm thì có ra gì mà làm ?. Thế nhưng ăn sẵn cũng có rất nhiều cách ăn sẵn. Cái cách ăn sẵn của trí thức chúng ta cũng chẳng giống ai, còn chọn chán, còn chê chán, còn chặt miếng ra, miếng nào vừa mồm mình thì mới dùng, vừa khẩu vị mình, để cho cái bụng mình tiêu hoá. Tất nhiên điều đó cũng có cái hợp lý của nó, song vì sao không thử xem lại cái miệng mình có nhỏ quá hay không, khẩu vị của mình có cần thay đổi đi hay không, và bụng dạ mình có còn đủ tốt để tiêu hoá cái gì đó hay không ?

Tóm lại, khi cái học của một tầng lớp có học của chúng ta như thế thì cái học ấy có hơn gì sự vô học của một đám đông hay không ? Hỏi làm sao mà cái học ấy không giúp gì được ai.

Phạm Thị Hoài

(*) : Mạng Ý Kiến: Mặc dù tác giả Phạm Thị Hoài không muốn phổ biến bài, nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, nhìn từ góc độ Con Người Việt Nam, trong đó có giai tầng trí thức (?), bài có ý nghĩa rất lớn; do đó để độc giả có thêm một nhận định về con người Việt Nam, về trí thức Việt Nam, chúng tôi xin mạn phép trích đăng bài. May ra việc xem xét lại về chiều sâu Con Người Việt Nam khiến cho chúng ta tìm ra được các câu trả lời để thoát khỏi tình trạng bế tắc hiện nay (nếu không

muốn nói là cuộc tổng khủng hoảng con người, xã hội), đặt nền móng cho công cuộc xây dựng một nước Việt Nam mới sau này. Mong lắm thay !!!.

12. VĂN VÀ SỐ

Nghề văn và nghề tử vi có những tương ứng kỳ lạ. Mới vào thì hăng hái say mê như không thể dứt. Cái say của kẻ tin rằng số phận là thứ có thể lĩnh hội, văn nghiệp là thứ có thể thủ đắc. Vậy hãy khao khát bằng tới đích, hãy tràn trề tham vọng, hãy ham muốn đạt được một cái gì.

Tất nhiên có một số đông trong văn giới bẩm sinh là những vị tuần nạn, say mê của họ thuần là khổ hạnh vì chữ nghĩa;

một số đông nữa là những bậc thánh đã rửa hết tục, lòng sạch còn lại chỉ dành cho cái vĩnh cửu của văn chương mà thôi; và một số đông khủng khiếp nữa là những văn nhân luôn luôn thuộc về phe bại và đã giải hoà với số phận đen đui của mình từ lâu, họ là tổng hoà thành công của những vị tuần nạn và những bậc thánh. Nhưng số đông ấy đáng kính tới mức không có gì để bàn đến nữa. Ta hãy xem cái say mê tầm thường, hạn hẹp, người ngợm hơn của thiểu số còn lại, trong đó hình như có mình, biến đổi theo thâm niên nghề nghiệp như thế nào.

Ta vào nghề viết với lòng khát khởi, rằng văn chương là một pháo đài có thể chinh phục. Chính ta chứ không phải gã hàng xóm có cái diễm phúc làm một vị hoàng đế, một nguyên soái, một đại tướng, mềng thì làm một tay cầm cờ hay

thối kèn gõ trống, tề nhất cũng làm chân xung phong. Chưa hẳn hiểu danh, nhưng ta thành thực hiểu thắng. Dĩ nhiên không mấy ai ưa vỗ ngực khoe mình hiểu thắng. Nếu phải lý giải, ta sẽ tìm rất giỏi những nguyên có phần lớn là cực sâu xa, cao thượng, phức tạp, quyết định cái hành vi đơn giản, là viết. Những nguyên có đó nếu không thực có trong bản thân ta cũng không hề gì, chúng là những thứ có thể vay dễ dàng ở mọi nơi. Ai dùng cũng thế. Vậy là ta đã đầy nguyên có. Nhưng gã hàng xóm cũng hoàn toàn có quyền đầy nguyên có như thế, ngoài ra gã cũng chăm đọc văn lắm, cũng tu dưỡng tư duy nghệ thuật, cũng ôm ấp những lý tưởng, cũng cho Truyện Kiều là bất hủ, cũng kính chữ như kính trời... Vì sao gã không viết? Chẳng phải lòng tin vào thành quả, niềm hy vọng ở tài năng mình và ham muốn được kẻ khác thừa nhận, nếu khô-

ng muốn nói thêm là cả lòng ham đua tài độ sức, đã đẩy ta, chứ gã thì không, qua cái cổng dẫn vào làng văn đấy ư? Không ai lỡ sẩy chân sa vào rồi đành mắc kẹt ở đó. Không ai, nhất là những kẻ một mực tuyên bố rằng mình chỉ thuần túy rong chơi trong nghệ thuật, và những kẻ than phiền rất khổ sở rằng mình bất đắc dĩ mà dụng văn, không ai bước vào đó mà không giắt sẵn trong những khe ngách kín đáo nhất của tâm hồn mình một chút hy vọng và khao khát thành công. Không thành công thì cũng thành nhân, nghe khiêm tốn lắm. Vậy sao chẳng thành người ở chỗ khác? Nghệ thuật nào phải chỗ dễ thở nhất trong nhân gian.

Những thành công trong văn chương còn lắm vẻ hơn thành công trong cuộc đời. Sớm thì ngay lập tức. Muộn thì ba trăm năm sau. Một lời khen của bạn vàng

có khi đủ, một chỗ đứng trong lịch sử có khi chưa thoả lòng... Tôi không muốn phải bàn về nỗi ngây ngất khi ta đuổi theo một dấu phẩy như cái đuôi tuyệt mỹ của con chồn tinh quái. Một cuộc săn bền bỉ và hùng tráng. Dấu phẩy ơi, hãy đợi đấy! Hoặc phải bàn về lòng hân hoan của kẻ đang nối mạch cuối cùng ở quả bom nghệ thuật sẽ nổ vào rạng sáng ngày mai, khiến bầu trời văn chương quá tròn còn thêm thiếp ngủ của chúng ta rạn nứt và méo theo chương trình thẩm mỹ đầy sống sót của hình bát giác... Vậy chỉ xin bàn về cái triển vọng khiến ta hoa mắt ở đầu đời văn: rằng ta đã bước qua đúng cánh cửa phải bước, đã nhắm đúng hướng. Ta nhất định làm nên một cái gì. Còn lại chỉ là sức lao động và thời gian. Nói cách khác, ta đã vững tin ở thành quả văn chương của mình tới mức có thể rộng rãi tuyên bố về hai yếu tố không mấy quan trọng

còn lại: «nghệ thuật là một phần trăm tài năng cộng chín mươi chín phần trăm lao động» và «thời gian sẽ phán xử». Thật là một sự rộng rãi khinh suất và tai hại, nhưng vào thời điểm này, đầy lòng tin, ta còn hào phóng tuyên bố vô số chân lý bất diệt hơn nhiều.

Người mới nhập môn tử vi cũng sốt sáng tin tưởng như vậy. Y xoè bàn tay trái ra, thoăn thoắt dùng đầu ngón cái lướt trên mười hai ô viên bốn ngón còn lại để an sao lập số. Chỉ cần xong vòng Tử Vi và vòng Thiên Phủ là y đã hình dung ra đại cương của một số phận. Đã vẽ được chút tính tình và diện mạo của đương số. Cứ đà này, đủ 110 vì sao, thì chân tơ kẽ tóc của số ấy nằm trong tay y. Văn chương thông qua hình tượng nghệ thuật mà miêu tả, tái hiện, bình luận và tân tạo cuộc sống thì tử vi thông qua hình tượng

ting tú mà miêu tả, tái hiện, bình luận và tân tạo cuộc đời. Nhưng có khi chưa cần thông qua một hình tượng nào hết, mới lập xong lá số lắm người đã thấy mình là thầy tử vi. Ở cái thuở toàn dân còn mãi học chữ to trên bảng, có lẽ những người chép được chữ nhỏ lên giấy đã nghiệm nhiên thành văn sĩ.

Lập một lá số cần những công thức nhất định. Đôi khi người ta cãi nhau về cách an vòng Tràng Sinh, bộ Kinh Đà và bộ Hoả Linh trong trường hợp âm nam dương nữ. Với Lưu Hà, Khôi Việt, La Vĩ và cả Tú Hoá cũng không hoàn toàn thống nhất. Bộ sao Giải phần lớn chỉ ghi nhận Giải Thần và Thiên Giải. Thêm vào đó Địa Giải là tăng toàn lá số thành 111 vì sao. Nhưng Kim Thánh Thán chẳng bình rằng «Thủy Hử truyện tả nhất bách bát cá nhân tính cách, chân thị nhất bách

bát dạng», khiến ta truyền tụng về Thi Nại Am dựng 108 nhân vật theo 108 tinh tú trong lá tử vi đó sao? Vậy lượng sao trời quyết định số phận ta cũng co giãn lắm. 108, 110, 111, hay thêm 9 vị sao lưu là thành 120? Song các môn đệ của tử vi biết rõ, đường đến nghệ thuật lớn phải gian truân, những hòn sỏi len vật vào giày chưa làm ai nản chí.

Chép chữ lên giấy nào có khác. 29 chữ cái trong tiếng Việt có luật của chúng. Ta cũng cãi nhau về việc cho CH, GH, GI, KH, NG, NH, PH, QU, TH và TR quyền tự quyết, tiếng Việt vậy có thể giàu thêm 10 chữ cái. Thỉnh thoảng ta giật mình vì gặp Z, như một ngôi sao lạc (Địa Giải chăng?), rất có thể là chữ cái thứ 40. (Không có chữ ấy không có nhà thơ Hồ Dzếnh.) Cách dùng I với Y mãi không thống nhất nổi, các giải pháp xung quanh

bộ D-GI-R, bộ C-K-QU, bộ X-S, thậm chí cả bộ CH-TR cũng đành để ngỏ, chưa kể mấy loại quy tắc đánh dấu khác nhau, mấy quan điểm ngữ pháp, mấy quy định viết hoa và dùng gạch nối, mấy phép phiên âm/không phiên âm tiếng ngoại quốc... Vô số biến thể của các phương ngữ làm nốt cái nhiệm vụ là khiến ta từ bỏ mọi ý định tìm kiếm một quy tắc hợp lý. Tài trí xuất chúng và đảm lược phi thường như cố Alexandre de Rhodes mà còn bị các phương ngữ Việt thao túng, vậy nhà độ của ta là đầu hàng. Miền Bắc đương nhiên biết vợ lẽ khác vợ lẽ, miền Nam cũng chắc rằng la ve chứ không la de. Nhưng phải viết thầy hay thày, y chang hay y trang, xí xoá hay xuý xoá, trần sì hay trần xì, giông bão hay đông bão, hổ lốn hay hẩu lốn, vút bỏ hay vất bỏ, cà rớn hay cà giỡn hay cà trớn, layơn hay laydon hay đơn hay glaieul hay Gladiole hay gladiolus, rút

cục, rớt cuộc, rút cuộc hay rớt cục, của đáng tội hay quả đáng tội, riêng tư hay riêng tây, đảng nào hay đảng nào, dẫn thân hay dẫn thân, manh mối hay manh mối, trụ sở ủy ban hay trú sở ủy ban, khuyến mại hay khuyến mãi, lai căng hay lai căn?... Tưởng ăn hoa hồng là phải, hoá ra ăn hoa hồng cũng là phải, tưởng miệng còn hơi sữa, nhưng miệng còn hôi sữa và miệng còn hơi sữa cũng xong. Rõm đúng rồi, nhưng dỏm cũng đúng lắm. Phải viết bất thành linh hay thành linh, gây sức ép lên ai đó hay gây sức ép với ai đó, trong giấy hay trên giấy?... Tra tiếng Việt cần lắm mưu mẹo và cảnh giác cao độ. Chẳng hạn cuốn Từ Điển Tiếng Việt của Trung Tâm Từ Điển Học do Hoàng Phê chủ biên, in lần thứ sáu năm 1998, không ghi nhận những từ như chuyển giao công nghệ, công ty trách nhiệm hữu hạn, vốn pháp định, khuyến mại/mãi, tiếp thị, Việt

kiểu, thuyền nhân, trại cải tạo, toàn trị, quốc xã, đa đảng, kẻ sĩ, phân tâm học, tâm thức, thiện nguyện, chống cộng, đĩa bay, đường cao tốc, kẹo cao su, karaôkê, thăm nuôi, đánh quả, trúng mánh, ôsin, gái cave, cừu vượn, xe ôm, chợ đầu mối, cơm bụi... Bù vào đó, từ điển này chính thức cho tiếng Việt thêm bốn mục chữ cái là F, J, W và Z. Còn ai dùng cuốn Từ Điển Chính Tả Tiếng Việt của Nguyễn Trọng Báu do nhà xuất bản Giáo Dục cho in năm 1997 lại không biết viết những từ như à, ách, am, anh, ánh, áp, âu, ầu, ấu, bạch, bám, banh, bành, bánh, bạnh... cà, cá, cam, cám... Ít nhất hàng trăm từ thông dụng đều vắng mặt không xin phép như vậy. Lẽ nào trong tiếng Việt đã xảy ra một exodus, một cuộc đào thoát? Bệnh vọng ngoại của tôi thường phát mạnh ở những chỗ thật khó hiểu, chẳng hạn cứ khi nào bế tắc trong từ điển Việt của người Việt

tôi lại mò vào quyển Annamite-Francais của J.F.M. Génibrel. Năm nay ta đã chê Britannica năm trước là cũ. Quyển Génibrel xuất bản cách đây 101 năm. Thày tử vì ta cãi nhau có thể lôi sách Tàu ra dựa. Sách Tàu nhiều như muối biển, bảo quyển này đúng, quyển kia sai, là quyển ở thày. Nhà văn ta cãi nhau không dựa vào đầu được, nhưng bảo chữ này đúng, chữ kia sai, cũng là quyển ở mình.

Vậy mà chưa ai non gan đến mức buông bút vì phép chép chữ. Các nhà thơ có thể nhờ vào phép tắc. Thơ hay là thơ nằm ngoài ngôn từ, mới bập bẹ xếp vần ta đã nghe dạy thế. Vậy ngôn từ sai cả cũng không ảnh hưởng. Sai tới mức không biết hiểu thế nào cho phải là có thể thành sấm truyền. Tiểu thuyết hơi khác, hỏng vài trăm chữ cũng còn mấy chục vạn đáng đọc, vả lại những tác phẩm vĩ đại thường

không hoàn toàn. Truyện ngắn ở vào thế bất lợi hơn cả, sai một li đi một dặm. Nhưng nhà văn Việt vốn ưa thử thách, thường nhè việc khó nhất mà đảm đương. Như thầy số hăng nghề gi mắt vào lá số, trước hết là lá số của chính mình, ta cũng nôn nóng chúi mũi vào trang văn, trước hết là văn mình. Hấp dẫn biết bao! Kỳ diệu biết bao! Chẳng lá số nào giống lá số nào. Văn chương muôn nhà muôn cách. Vậy số ta thế nào và văn cách ta thế nào?

Bất luận thế nào, đằng sau một lá số phải là một số phận sinh động, đằng sau trang văn là cuộc đời thực, ta thuộc lắm cái nguyên tắc chán ngắt đó. Giá nhanh chân hơn, được đầu thai vào thuở các văn nhân nước Việt nhiệt đới còn được phép sáng tạo những mùa đông có cây tùng đội tuyết và tự do so những mỹ nữ không thể có trong hiện thực với những

loài hoa chưa ai từng biết..., giá được như vậy thì thoải mái biết bao. Nhưng lịch sử không thể quay ngược. Đã từ lâu, trước khi các nhà văn Việt Nam biết phục tùng hiện thực trong những căn nhà gương do thuyết phản ánh của mỹ học Mác-Lê thiết kế, ta đã dọn sẵn mình để sống dưới quyền năng của hiện thực. Nhưng nó có gì đáng sợ đâu. Dù ai mang cả bộ Hồng Lâu Mộng ra dạy rằng văn chương cổ điển phương Đông từng theo sát cái bản lai diện mục của cuộc đời như thế nào, dù ai lấy thêm bộ Đi Tìm Thời Gian Đã Mất ra dọa rằng hiện thực cũng ngồn ngộn trong văn chương hiện đại phương Tây, dù ai khuôn toàn tập Kim Dung ra chứng minh rằng bỏ qua những đoạn phi thân độn thổ thì mọi thứ trong đó đều như thật, đều theo phép tả chân cả, và cuối cùng, dù ai đem ngàn trang Chiến Tranh và Hoà Bình ra đòi cho được một tác phẩm tâm cỡ tương

tự xứng đáng với thực tế chiến tranh và cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam, vâng, dù lẽ phải hiển nhiên đứng về phe những kiệt tác như thế của văn chương nhân loại, tôi dám đoán rằng ngày nay không một nhà văn nào vào nghề bằng cách nghĩ nhiều hơn một phút về hiện thực. Ta bận tâm đến đủ mọi sự, trừ một sự đương nhiên: đương nhiên văn chương xuất phát từ cuộc đời, dù đấy là một cuộc đời nhạt nhẽo và bé tí. Chẳng lẽ còn một điểm xuất phát nào khác nữa? Ở tác phẩm đầu tay, đời sống hay chỉ ít cái ta cho là đời sống lại thường có vẻ thừa thãi tung toé trên giấy. Lắm người tiếc của trời, đúng hơn phải gọi là của đời, nhặt những mảnh vãi mà làm tiếp, cũng thành một tác phẩm thứ hai. Tôi hiểu ra rất chậm, rằng văn chương không đương nhiên có cái bổn phận quái quỷ là xuất phát từ cuộc đời như vậy. Câu hỏi về

hiện thực không hẳn là vô có, nhất là khi những đòi hỏi của chủ nghĩa hiện thực không hề là điều kiện nguyên uỷ của văn chương. Song vô nghĩa chủ yếu là những câu trả lời. Đời sống và nghệ thuật biết những cách ràng buộc nhau thông qua vô vàn tầng môi giới mù mịt, được một tầng minh bạch đã là nhiều. Trăm giọt sữa rỏ từ vú đời xuống giấy mà giấy vẫn tro màu giấy, đến giọt nào giấy bỗng chuyển thành màu văn? Có thứ văn ngẫu nhiên từ đời mà ra. Có thứ văn tuyệt nhiên cứ dầm chân tại chỗ trong đời. Có thứ văn hiển nhiên cho đời với mình là một. Có thứ văn siêu nhiên, hẳn xuất phát từ siêu đời. Có thứ văn thuần túy từ văn mà ra. Lại có thứ văn rõ ràng không sinh ra từ đâu cả... Một mô hình giữ không nổi mà bỏ cũng không nổi như mô hình Chân Thiện Mỹ rút cuộc cũng dùng được vào một việc: để xác định ba vấn đề căn bản, một là cơ

sở, điểm xuất phát của văn chương; hai là mục đích, điểm đến; và ba là bản thân sự vận động của nghệ thuật ở khoảng giữa. Ta đã thấy cơ sở của văn chương, đi liền với cái Chân, chẳng có gì là đương nhiên và chắc chắn cả. Cái Thực và cái Thật không đồng nhất đã đành, mà khi lấy Chân đối với Hư là lịch sử văn học thành ngay một mớ bòng bong. Các nhà lãnh đạo nghệ thuật xưa nay không gỡ rối. Họ chỉ chặt phăng tất cả những gì không nên lọt vào các đề cương và tuyên ngôn luôn hết sức ngay ngắn gọn gàng của họ. Xung quanh hai vấn đề còn lại, đi liền với Thiện và Mĩ, tình trạng không sáng sửa gì hơn.

Nhưng trước khi thày tử vi ngờ rằng số phận là nguyên mẫu của lá số hay lá số mới thật là nguyên mẫu của số phận, trước khi thày hoảng hốt thấy mỗi lúc một trùng điệp những yếu tố trung gian

che mờ mọi tương quan giữa một nhóm ký hiệu lập trên bàn tay trái hay trên màn hình máy tính với một đời sống nào đó, trước khi thày chán nản quẳng túi càn khôn với 108, 110, 111 hay 120 tinh đầu vào một xó bụi, trước khi như vậy thì khoa tử vi còn đầy vẫy gọi. Mấy ngàn câu tử vi phú và tử vi diễn ca chẳng lẽ vô dụng cả sao? Bao nhiêu kinh nghiệm chung đúc, bao nhiêu chỉ dẫn và nhắc nhở của những người đi trước, bao nhiêu công thức, bao nhiêu bí quyết... Tất cả đều hứa hẹn và khích lệ đừng bỏ cuộc.

Bao nhiêu phương châm và lời chỉ giáo ta cũng từng tuân thủ, để viết? Bao nhiêu điều kiện và những phẩm chất ta đã buộc phải có, bao nhiêu lý tưởng phải noi theo, bao nhiêu lý thuyết rồi lại bao nhiêu chủ trương, đề cương, tuyên ngôn, phong trào, trường phái...? Chắc không ai

đếm nổi. Những bí quyết thành công của cái nghề văn càng ngày càng khó thành đạt này chắc chắn nhiều hơn của cả nghề luyện đan và thuật giả kim gộp lại. Ta có thể bảo, vì thế mà văn chương thỉnh thoảng đạt đến độ hoàn thiện và bất tử, còn vàng ròng chưa ai chế được, linh đan càng không. Vậy luyện văn theo bí quyết nào?

Ta thử bắt đầu với một bí quyết có vẻ giống thứ thần dược ở chợ phiên: mọi cuốn sách hướng dẫn viết truyện thành công ngay đều khuyên, hãy để nhân vật chính ở ngôi thứ ba. Điều hết sức đơn giản ấy với các nhà văn Việt lại có vẻ phức tạp không ngờ. Truyện Việt Nam dù nôm hay Tàu, văn xuôi hay văn vần, từ thuở nào đều để mọi nhân vật ở ngôi thứ ba. Đến Hồ Biểu Chánh, Khái Hưng, Nhất Linh... cũng thường như vậy. Trữ Nguyễn

Tuân, đối với các nhà viết truyện Việt Nam thời 1930-1945, «thời đại cái Tôi» theo lời Hoài Thanh, ngôi thứ nhất đảm nhiệm đầy đủ chức năng nhân vật nghệ thuật vẫn là điều không thể, dù Hoàng Ngọc Phách từng đi trước một chút với Tổ Tâm, thực tế đã là giọng kể từ ngôi thứ nhất. Phạm Quỳnh trong bài diễn thuyết về văn học nước Pháp tại Hội Trí Tri năm 1921 có tha thiết lưu ý giới thưởng ngoạn Việt Nam đến Montaigne với bộ Cảo Luận (Essais) chỉ thuần nói về mình, kể chuyện mình, lấy mình làm đích. Thời của Montaigne, hơn bốn trăm năm trước, là thời văn chương Việt còn ém mình kĩ lưỡng trong những cách khiêm danh và phiếm xưng. Có lẽ nhà văn nước ta những năm 20 chê Montaigne là quá cũ, hoặc có lẽ ông chủ Nam Phong đã gây đủ ác cảm trong những giới thức giả nhất định, Cảo Luận không tìm được hồi âm. Tùy bút của

Nguyễn Tuân chắc chắn có những người cha tinh thần khác. Theo tiết lộ của Nam Cao trong «Đường Vô Nam» (1946), đây có thể là Paul Morand.

Trở lại với các ngôi nhân vật, độc giả Việt Nam cho đến nay vẫn hâm mộ truyện tiên chiến, cũng do công lao của các nhân vật chính ở ngôi thứ ba chẳng? Vậy vì lẽ gì mà nhà văn Việt sau này càng ngày càng xa rời cái bí quyết thành công ấy? Trong văn học Việt đương đại, xu hướng dùng ngôi thứ nhất đã áp đảo tới mức có thể thành một thông lệ. Tác giả mới hầu như chỉ dùng ngôi Tôi. Tác giả lâu năm cũng chuyển ngôi từ lúc nào không rõ. Có những tác giả chưa bao giờ dùng một ngôi nào khác Tôi. Cuộc Tôi hoá tập thể này hẳn có bối cảnh phức tạp và trái khoáy, bản thân tôi đã bao lần thử viết một cuốn truyện kiêng ngôi thứ nhất,

lần nào cũng không thành. Chẳng hạn tôi muốn theo cái mốt khả ái là nữ lưu viết truyện trinh thám, chỉ vì không chọn nổi một đại từ nhân xưng cho nhân vật nam chính mà đành bó tay. Chàng chắc chắn là hỏng. Không phải văn chương tiền chiến mà văn chương miền Nam trước 1975 đã thoả mãn vĩnh viễn nhu cầu dùng chàng-nàng trong văn học Việt Nam, cũng như nhu cầu về đồng chí đã cạn kiệt sau văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa. Anh chẳng? Tôi không dám hứa với độc giả là nhân vật này đáng gọi là anh như vậy, anh theo nghĩa cụ Trần Trọng Kim dạy trong Việt Nam Văn Phạm không được, anh theo nghĩa anh Kim Đồng, anh Trôi sau này càng không. Anh ta cũng không ổn, độc giả sẽ lập tức nghi anh ta chính là thủ phạm. Hắn là đại từ ưa thích của các nhà văn, song độc giả chẳng ưa: không nghi ngờ gì nữa, hắn là thằng tội phạm! Các

đại từ nhân xưng đã phá án ngay từ đầu như vậy thì tác giả còn việc gì mà làm? Nhân vật nữ chính ở ngôi thứ ba lại càng rắc rối. Hãy hình dung, chị Dậu của Ngô Tất Tố mà thành cô Dậu thì sự thể ra làm sao! Nam Cao hẳn đã khổ nhiều về niêm luật đại từ nhân xưng, giải pháp thứ nhất của ông là cho phất cả nam nữ ngôi thứ ba một cách gọi duy nhất: y. Sinh trong Sống Mòn cũng y, mà vợ y cũng y. Giải pháp thứ hai, nam là hắn, gã, thằng, nữ đơn giản là thị. Chẳng lẽ thị Nở có thể là chị Nở, ả Nở, cô Nở, nàng Nở? Những đại từ ấy dùng cho thế giới nhân vật của Nam Cao, đám người khốn nạn mọi tầng, có vẻ đích đáng lắm. Song không dùng được cho những trai tài gái sắc, Lan và Điệp, Loan và Dũng... Lẽ nào lại có một thị Kiều và một thị Vân đang tay dạo bước trên đôi thông Đà Lạt, một thị Sứ trong Hòn Đất, một thị Út Tịch? Tiếng Việt tuy

dành ra một giải pháp bất ngờ, lấy ngay khái niệm người để chỉ những nhân vật đáng kính. Chỉ có điều từ khi người (viết thường) – chứ không phải ngài – thành Người (viết hoa), cơ hội vốn đã nhỏ của đại từ này hạn chế hẳn ở một vài nhân vật hưởng chế độ ưu tiên, cũng như khi bác thông thường thành một Bác duy nhất. Những sáng kiến táo bạo như vậy không có nhiều và đâu dễ áp dụng trong văn học. Phan Khôi từng đề nghị dùng va cho ngôi thứ ba, song đến thế hệ tôi thì chữ ấy đã xa xôi như nghĩ, chỉ mở Kiều ra mới gặp. Giải pháp tiện hơn cả cho nhà văn Việt là thay đại từ chỉ ngôi thứ ba bằng tên nhân vật. Tên nhân vật lặp đi lặp lại dày đặc: «Người u già này ở nhà Dung đã lâu lắm, đã nuôi và săn sóc tất cả anh chị Dung từ lúc bé. Nhưng, không biết vì có phải thấy Dung ra đời trong sự lãnh đạm, mà u già đem bụng thương yêu Dung chăng.»

(Thạch Lam, «Hai Lần Chết»); «Tết năm nay Trâm đẹp lắm, mà Trâm sung sướng quá vì Trâm đã mười sáu tuổi...» (Khái Hưng, «Ngày Xuân Lễ Chùa»); «Chị Thời mền Nhị, khen Nhị hiền lành, ngoan ngoãn, để cho Nhị hoàn toàn tự do.» (Mai Thảo, «Những Tấm Hình Của Chị Thời»); «Jean thì chưa được chứng kiến cảnh tượng đó bao giờ. Bố mẹ Jean có thể yêu nhau từ kiếp trước chứ đời Jean thì chỉ thấy bố mẹ chửi nhau.» (Lê Đạt, «Con Báo Hoa Xứ Tuyết»)... Những tác giả vừa dẫn đều nổi tiếng với một văn cách riêng, song tôi có cảm tưởng rằng, khi họ phải dùng đến cái giải pháp phổ thông nêu trên, họ bỗng cùng nhau hoà vào một giọng. Tôi đành xin lỗi mà gọi giọng ấy là giọng tuổi mơ. Thật khó mà bi tráng, từng trải, gân guốc, dũng mãnh, bạo liệt, dữ dội, cuồng nhiệt, sắc sảo, chua chát, cay đắng, riết róng, siêu thoát, phóng

túng, khinh bạc, ngạo nghễ..., thật khó mà đi tới những giới hạn cuối cùng của mọi cung bậc tình cảm bằng giọng tuổi mơ ấy. Chỉ có thể lãng mạn nhỏ nhẹ, mãi xanh tươi, mãi ngọt ngào, thoang thoảng một chút suy tư đầu đời, man mác những nỗi đau mới lớn.

Văn chương mỗi nước có lúc già lúc trẻ, ấy là lẽ tự nhiên. Văn học của xã hội Việt Nam cổ truyền chưa bao giờ thực sự trẻ. Trong bốn tài năng xuất chúng sinh ra từ đó: Du, Hương, Khiêm, Quát, chỉ có Cao Bá Quát và Hồ Xuân Hương từ chối giọng đạo mạo muôn thuở và cho phép mình hưởng một chút bông bột nhất định của tuổi trẻ. Cao Bá Quát không kịp già. Còn Hồ Xuân Hương, thật may là ta không bao giờ biết rõ tuổi bà nữa. Tuổi không hề đóng một vai trò nào trong gần một ngàn năm nước Việt có văn học viết. Lê

Ngọc Hân mới ngoài hai mươi, còn Phan Huy Ích đã ngoài bốn mươi khi Nguyễn Huệ mất. Giọng một người vợ trẻ nhất định không giống giọng một ông nho nòi đã chín muồi, vậy mà không thể dựa vào tuổi để xác định bản quyền trong vụ án Ai Tử Văn. Trần Tế Xương ở lúc giao thời rõ ràng có khuấy đảo cảnh nghiêm trang nề nếp của một thời đại văn học đã xế chiều, song dù mòn mỏi cấp lều chông đi thi và không thọ quá tứ tuần, ông tú ấy có thể là một ông cụ non và một thầy đồ gàn chứ không đời nào là cậu học trò tinh nghịch. Văn học Việt Nam quả thật như thay da đổi thịt với Thơ Mới và văn xuôi lãng mạn tiền chiến, song bất chấp mọi cái non nớt, ấu trĩ, chông chênh, thời đại văn học ấy cũng không hoàn toàn trẻ. Sinh khí mới mẻ của nó trước khi tìm được những cơ thể trẻ trung tương ứng đều ngụ nơi những đại diện chín chắn

của nền cựu học ở buổi hoàng hôn. Văn đàn sôi nổi thuở Việt ngữ vừa mới lớn, thời hiện đại vừa mới chớm và thế kỷ vừa bắt đầu ấy phần lớn vẫn giữ giọng mực thước, nghiêm nghị, thận trọng, già cả, của những tiên sinh và phu nhân, những ông những bà những thầy chững chạc đến mức khiến ta quên rằng, nhiều vị trong số họ còn chưa đầy tuổi lập thân theo quan niệm truyền thống. Rồi một lúc nào đó, hương tuổi mơ cũng theo những cơn gió lãng mạn của thời đại mà sức dần vào chốn lâu văn thâm nghiêm. Nhưng phải đợi đến cơn bão lãng mạn của Cách mạng Mùa Thu, văn học Việt Nam mới thực sự cải lão hoàn đồng. Như tiền bối của nó không bao giờ trẻ dù có thể xuân sức, nó không bao giờ già dù đã mệt mỏi, đã thôi chí thanh tân, đã hết lửa lòng từ lâu. Thế kỷ đã tàn, Cách mạng đã về hưu, Việt ngữ đã trưởng thành nhiều và thời hiện đại

đã đứng bóng, lẽ nào cái văn chương sinh ra từ đó mãi ngây thơ, nhí nhảnh? Mãi tuổi mơ? Mãi học trò? Mãi vị thành niên? Mario Puzo khi đã thành danh cũng kiên quyết mách các đồng nghiệp kém may rằng, hãy viết bằng ngôi thứ ba. Bí quyết ấy có thể dùng với tiếng Anh chẳng? Trong tiếng Việt đương đại, ngôi thứ ba chỉ giới trối nhà văn vào những thú tình bất đắc dĩ. Như tình tuổi mơ.

Mọi kinh nghiệm đúc kết trong nghề văn thật ra đều có thể vô ích tương tự, dẫn đầu là lời khuyên điên rồ, rằng hãy lắng nghe và chỉ nghe theo tiếng nói từ đáy lòng mình. Có một chỗ xứng đáng để tin cậy quả nhiên là may mắn hiếm có. Lại là chỗ gần nhất, ngay trong chính mình, thật tiện lợi biết bao. Và lại khi dư luận cứ nhất định im ắng ghê rợn thì tiếng lòng mình càng vô cùng cần thiết! Bạn

văn cũng sẽ đồng ý ngay với tôi rằng, sau bao nhiêu nao núng và thất bại thì cuộc phấn đấu của giống nòi nghệ sĩ chống lại tất cả những áp đặt từ bên ngoài đối với bản thân mỗi cá nhân cuối cùng đã thành tựu, Mọi thế lực từng hoành hoành trên sự thui chột thảm hại của cá tính sáng tạo đã lần lượt bị thanh toán. Ở đâu đó, nơi những trật tự cố hữu nào đó vẫn sót lại, rất có thể còn những thi sĩ phải gọt thơ cho tròn, những tiểu thuyết gia phải đúc nhân vật cho vuông vắn, những nhà phê bình phải mài luận lí cho nhẵn thín, và tình yêu văn chương phải là thứ tình chân chính trong vòng xếp đặt của những bậc trưởng thượng... Nhưng xu thế chung là sự toàn thắng của một thế giới nghệ thuật tuyệt đối chủ quan. Chỉ còn tiếng lòng của chính mình. Thế giới khách quan dường như cũng đã tận diệt. Ở thời buổi này, lấy bất kỳ một chuẩn mực từng

biết nào để định giá tác phẩm sẽ lỗ bịch biết mấy. Đúng như vậy: đừng theo Kinh Thi, đừng dựa vào Kinh Thánh, đừng bói trong Kinh Dịch, đừng nương Kinh Phật, đừng nghe Marx, đừng căn cứ vào nghị quyết của Ban văn hóa và tư tưởng, đừng đặt cược vào chủ nghĩa tự do, đừng lấy Nguyễn Du làm chuẩn, đừng trông vào truyền thống, đừng tin những ông trùm văn chủng và nhân chủng của các đế quốc văn hoá, đừng làm nô lệ cho bon gout, đừng học Trần Dần, đừng ngã vào vòng tay hậu hiện đại, đừng tìm lời đáp trong thiên nhiên, đừng vì trách nhiệm với cộng đồng, đừng để thẩm mỹ toàn cầu mua chuộc, đừng chạy theo khoa học, đừng quan tâm đến các festivals, đừng để giải Nobel lung lạc, đừng chú ý đến các tập đoàn xuất bản khổng lồ, đừng ghé thăm hội chợ sách Frankfurt, đừng gửi tác phẩm mới in cho các nhà phê bình

danh tiếng, đừng yên tâm khi được đăng
 trong The New Yorker, đừng đọc Liber,
 tất nhiên là đừng theo dõi báo Nhân Dân
 và báo Văn Nghệ, đừng hài lòng khi ở
 hải ngoại được trong nước xuất bản và
 ở trong nước được hải ngoại xuất bản,
 đừng thất vọng khi kẻ thù bỗng dưng
 dừng, đừng yếu lòng vì thư độc giả, đừng
 sờn lòng khi mọi bản thảo gửi đi lại quay
 về... Tôi từng dịch thư của R.M. Rilke gửi
 một nhà thơ trẻ, trong đó có những dòng
 như sau: «Không ai có thể khuyên ông và
 giúp ông, không một ai. Chỉ có một cách
 duy nhất mà thôi. Ông hãy đi vào chính
 mình...- và khi thơ bật lên từ cuộc hướng
 nội, đắm mình trong thế giới của riêng
 mình đó, ông sẽ không còn nghĩ đến việc
 hỏi ai rằng thơ ấy có được không. Ông
 cũng sẽ không tìm cách bắt các tạp chí
 phải chú ý đến thơ mình nữa...» Song
 không xa đoạn trích ấy là bao, Rilke lại

viết: «Ông đang trông cậy vào bên ngoài, mà đấy chính là điều không nên làm trong lúc này.» Không nên làm trong lúc này! Vậy lúc nào nên làm cái việc trông cậy vào bên ngoài? Lúc nào thì cái thế giới tuyệt đối chủ quan của mỗi chúng ta lại cần đến một công cụ ít nhiều khách quan hơn? Lúc nào thì tiếng nói tự đáy lòng ta bỗng mất tăm, chẳng phải vì sự ồn ào bên ngoài lấn át, mà đúng hơn vì tự huỷ trong một không gian cách âm ngày càng thu nhỏ? Lúc nào ta lại sẵn lòng đánh đổi tất cả những thành quả đắt giá của tự do sáng tạo lấy một chút câu thúc tự bên ngoài? Có cái coóc-xê nào bó buộc và thít chặt như bộ nịt của luân lý và đạo đức? Cởi ra đã vất vả lắm, xong lại thêm đeo ngay vào. Văn chương đại chúng ở phương Tây, giữa cái thời đại được coi là không còn gì thiêng liêng và ràng buộc này, thời đại của tự do và phá phách, chẳng do dự gì

hết khi phải vượt qua những giới hạn nào đó, càng quá càng tốt, miễn sao mê hoặc được lòng người. Nếu cần thì nó dùng luôn những thành tựu của nghệ thuật tiên phong, chẳng quản gì cấm kỵ. Nhưng rường cột của nó, nguyên tắc sống còn của nó, bí quyết cốt lõi của nó lại là cái sơ đồ luân lý bất di bất dịch về cái Thiện rồi sẽ thắng cái Ác. Thắng. Ở phút cuối cùng. (Tôn giáo cũng chẳng cho cái Thiện thắng ngay từ đầu. Nghệ thuật theo gương ấy là khôn ngoan lắm.) Hãy quảng người đọc xuống biển, vì hẳn thích được ngụp lặn trong kích động như vậy. Hãy lừa đến đó một đàn cá mập, một đội hải tặc, một chiếc tàu ngầm khổng lồ của thằng cha mắc bệnh vĩ cuồng nguy hiểm nhất thế giới, thêm một đám thủy quái bấy nhầy phát sinh từ một trận thử bom Mỹ hay bom Nga... Chỉ có điều đừng quên cấp cho người đọc chiếc phao thô sơ nhưng

an toàn của cái Thiện để dùng vào phút chót. Khi chăm chỉ nhấn mạnh đến lần thứ bao nhiêu không đếm nổi tính tất yếu ấy của luân lý, khi thắt chặt hơn nữa chiếc coóc-xê đáng ghét ấy, các phát ngôn viên của văn hóa Việt lấy văn chương bán chạy của phương Tây làm mẫu chẳng? Đông đảo độc giả Việt Nam đang chờ để được quảng xuống biển Đông, với mọi nguy hiểm tương tự và sẵn sàng để cái Thiện bao trọn gói như vậy. Mọi điều kiện cho văn chương bán chạy ở Việt Nam cũng đã chín muồi. Tiêu chuẩn của đám đông ngày nay đối với cá nhân nghệ sĩ có lẽ đã thành thiên mệnh. Chữ Thiện đã đủ tầm vóc siêu thị. Nếu còn muốn theo đuổi nó thì quấy ướp lạnh với những gói luân lý hạng nhất đông cứng là điểm đến của văn chương.

Một người như Nguyễn Tuân thuở trẻ, sợ đến cả cái ràng buộc của đồ dùng – khi nền văn minh đồ dùng còn chưa kịp đến, sau một đám tang liền tính chuyện phơi dãi mình ra một chỗ thoáng – khi nền văn hoá hiếu lễ còn chưa kịp đi, người ngang trái khác thường ấy, riêng một mình một cõi, nhất nhất một tinh thần cá nhân thượng đẳng, cũng là người suốt phần đời còn lại chỉ lo tẩy xoá vết vả chính cái cá nhân đó. Đừng trông vào riêng mình, và tốt nhất là đừng trông vào mình, lời khuyên ấy có lẽ thiết thực hơn chăng?

Khoa tử vi cũng dạy ta sợ phép biện chứng chẳng kém. Tử Vi đức hạnh đủ đầy ư? Tất nhiên như vậy. Nhưng Đế toạ La Vĩng hoàn vi phi nghĩa chỉ nhân, chớ tưởng đế tinh không lâm bại địa. Nhật Nguyệt Sửu Mùi của ông mờ ám xấu xa,

của bà muôn phần rục rĩ quý hiển. Song Lộc bó nhau lại không bằng Song Hao chúng thủy triều đông. Đắc Không, ngộ Không và kiến Không là ba số Không không chung nhau điều gì... Sau những bài học chưa đáng tuyệt vọng gì như thế, các môn đệ tử vi may ra mới bắt đầu ngờ rằng mình vừa mất mấy tháng trời để múc một giọt nước giữa đại dương. Biết bao giờ đông đủ? Biết thế nào là đủ? Không phải khoa tử vi chỉ ra quá nhiều cách mà một số phạm có thể rơi trúng. Trái lại thì đúng hơn. Nhưng chính số lượng hạn chế của các mẫu lí lịch trữ sẵn trong cái chương trình đã hình thành gọi cho là từ đời Tống của nó mới là đầu mối của mọi sự rắc rối. Mỗi cách buộc phải toả thành nhiều cách nhánh. Đến lượt mình, mỗi nhánh lại phải thâm tóm nhiều nhánh con. Cứ như vậy, cho đến khi mỗi cách số là một bản đồ chằng chịt, lan sang

những bản đồ bên cạnh, đề lên, che mờ, cộng hưởng, triệt tiêu, sinh sôi những nẻo mới... Tinh dầu trong tử vi vì thế có vẻ thành viên mafia, đều chính thức có chân trong một tổ chức nào đó, một bộ, một nhóm, một gia đình, song hành tung chông chéo, hoạt động chân rết và liên hệ đa phương của mỗi vị khiến thế giới ngầm ấy mãi mãi là trùng trùng bí ẩn. Rút một dây động cả rừng. Nhưng dây nào đáng rút? Chẳng trách có thầy cuối cùng chỉ xem một cung Nô cho là đủ. Có thầy chỉ luận thẳng Phá Quân. Có thầy đặt mọi hy vọng ở Đào-Hồng. Có thầy chỉ còn trông vào các sao Hoá. Và rất nhiều thầy đã mất lòng tin từ lâu. Lòng tin dường như cũng như lợi nhuận ở thị trường chứng khoán. Có thể được, có thể mất. Nhưng lấy lại thì không thể.

Bản đồ văn học cũng chẳng chịt như thế và nỗi sợ của nhà văn cũng dày lên cùng với lòng tin thưa dần. Chẳng trách có nhà cuối cùng chỉ cạy vào cái gọi là Đẹp. Chữ Mĩ trở thành trại tị nạn cho những kẻ trốn chạy khỏi ngõ cụt của vô cùng.

Vào nghề thì văn học không thể thiếu ta. Bỏ nghề chẳng được, hoá ra chính là ta không thể thiếu văn học.

Berlin, 10. 1999

